

GIÁO SƯ  
ĐÀO XUÂN SÂM

CHUYỂN HẠN SANG  
CƠ CHẾ  
MẠCH TOÁN KINH DOANH  
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1985



NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

# **CHUYỂN HẸN SANG CƠ CHẾ HẠCH TOÁN, KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

**(Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xóa bỏ tập trung  
quan liêu - bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán, kinh doanh xã  
hội chủ nghĩa)<sup>1</sup>**

## **MỞ ĐẦU**

Vấn đề chuyển sang cơ chế quản lý có kế hoạch gắn với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa đã được đặt ra mạnh mẽ ngay từ Đại hội lần thứ IV của Đảng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV, tháng 9-1979) đánh dấu một bước chuyển biến quan trọng trong chủ trương và thực tiễn kinh tế nước ta theo hướng từng bước thực hiện hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, khắc phục cách quản lý tập trung quan liêu bao cấp. Từ đó đến nay, đã diễn ra quá trình phấn đấu kiên trì và sôi động, cực kỳ khó khăn phức tạp, cũng không ít tính thử nghiệm mò mẫm, nhằm từng bước khắc phục cách quản lý cũ lạc hậu, sáng tạo cách làm ăn mới. Đó là quá trình tìm tòi sáng tạo có tính xã hội, tính quần chúng, dưới ánh sáng những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Chính là trên cơ sở thực tiễn đó, nhất là thực tiễn của những nhân tố mới mà từng bước chúng ta mới sáng tạo và khẳng định được những hình thức và phương pháp, nhưng mô hình cụ thể và đặc thù thể hiện ngày càng đúng đắn yêu cầu của các qui luật khách quan trong điều kiện lịch sử nước ta ở bước đầu thời kỳ quá độ.

Những chủ trương đúng đắn của Đảng ta về phương hướng chiến lược kinh tế - xã hội, về phân cấp quản lý, về quyền tự chủ

---

<sup>1</sup> Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 10-1985, 112 trang

của xí nghiệp, về chính sách và bước đi cụ thể trong cải tạo và quản lý những người sản xuất nhỏ, về xuất nhập khẩu của ngành và địa phương, về khoán sản phẩm, về giao đất giao rừng, về cơ chế quản lý ngành thủy sản, về đổi mới kế hoạch hóa với 3 cấp làm chủ, sử dụng 4 nguồn cân đối... đều xuất hiện như sự tổng kết, khái quát những tìm tòi sáng tạo có tính quần chúng, tính xã hội của các ngành sản xuất kinh doanh, các địa phương và đơn vị cơ sở. Có thể nói trên con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung và đấu tranh đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nói riêng, lý Luận Mác - Lê-nin và quan điểm đường lối của Đảng cho ta khả năng không đi chệch quỹ đạo. Còn chính thực tiễn cuộc sống mới cho biết phải đi qua những bước, những đoạn đường vòng cụ thể như thế nào và bằng cách nào.

Cho đến nay, tình hình cơ chế quản lý cũ vẫn tồn tại trên mức độ **khá** nặng; cơ chế quản lý mới triển khai chậm. Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng (khóa V, tháng 6-1985) chỉ ra bài học bao trùm là: Phải dứt khoát xóa bỏ tập trung quan liêu - bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì mới đẩy mạnh được sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Đây là nhiệm vụ rất phức tạp, gồm những vấn đề rất hệ trọng về tư tưởng, lý luận, chính sách và rất nóng bỏng trên thực tiễn, cấp bách trong cuộc sống. Để góp phần luận giải và triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, trong cuốn sách này, tác giả trình bày một số suy nghĩ lý luận từ thực tiễn đổi mới quản lý kinh tế của nước ta hiện nay. Cũng có thể coi đây là sự góp phần tổng kết thực tiễn ở góc độ quan điểm lý luận và chính sách.

Việc nghiên cứu của tác giả đặt chung với toàn bộ nền kinh tế, đặc biệt chú trọng khai thác kinh nghiệm của những nhân tố mới. Và nói riêng, tác giả lấy đời sống kinh tế thành phố Hồ Chí Minh làm chất liệu quan trọng nhất. Bởi vì thành phố Hồ Chí

Minh là nơi thể hiện đầy đủ và đậm nét mọi đặc điểm của nền kinh tế ở bước đầu thời kỳ quá độ. Tại đó có thể thấy đậm nét nhất những mặt tích cực và tiêu cực cũng như tính phức tạp của tình huống kinh tế nước ta. Hơn nữa điều rất quan trọng như Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị đã chỉ ra là thành phố có những nhân tố mới, kinh nghiệm mới có ý nghĩa chung cho cả nước. Điều đó tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu có tính chất tổng kết, khái quát lý luận từ thực tiễn triển khai thực hiện chủ trương chính sách của Đảng.

Cuốn sách này gồm những đề mục sau đây:

I. Chuyển hẳn sang hạch toán, kinh doanh là đòi hỏi của qui luật kinh tế trong thời kỳ lịch sử mới;

II. Sử dụng quan hệ hàng hóa trong kinh doanh là đòi hỏi của qui luật kinh tế gắn với hạch toán kinh tế và kinh doanh<sup>2</sup>

III. Phân biệt cơ chế quản lý tập trung quan liêu - bao cấp với cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa<sup>3</sup>.

IV. Cơ chế quản lý năng động và việc phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh<sup>4</sup>.

V. Nhận thức về cơ chế quản lý thích hợp qua kinh nghiệm của những nhân tố mới<sup>5</sup>.

VI. **Khoán** sản phẩm trong nông nghiệp - điển hình nổi bật của đổi mới chính sách kinh tế, chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh<sup>6</sup>;

VII. Sử dụng có nguyên tắc những hình thức kinh tế quá độ trong cơ chế hạch toán, kinh doanh<sup>7</sup>;

---

<sup>2</sup> Báo Nhân dân, 3/6/1985

<sup>3</sup> Báo Nhân dân, 4/6/1985

<sup>4</sup> Báo Nhân dân, 5/6/1985

<sup>5</sup> Tạp chí Kế hoạch hóa, Tháng 7/1984

<sup>6</sup> Tạp chí Nghiên cứu. Nhà xuất bản Sự Thật, trang 91

VIII. Quan hệ hạch toán, kinh doanh trong tổ chức lại sản xuất xã hội

IX. Thấu suốt quan điểm xã hội chủ nghĩa về lợi ích, tiết kiệm, hiệu quả trong toàn bộ cơ chế hạch toán, kinh doanh<sup>8</sup>;

X. Phát huy chủ quan tự giác, khắc phục chủ quan bảo thủ trong quản lý kinh tế<sup>9</sup>.

---

<sup>7</sup> Báo Nhân dân, 10-2-1984

<sup>8</sup> Báo Nhân dân, 13-2-1984

<sup>9</sup> Tạp chí Triết học, 12/1984

## I. CHUYỂN HẸN SANG HẠCH TOÁN, KINH DOANH LÀ ĐÒI HỎI CỦA QUI LUẬT KINH TẾ TRONG THỜI KỲ LỊCH SỬ MỚI.

Trong những năm sau Đại hội lần thứ IV (1976) của Đảng cộng sản Việt nam, việc cụ thể hóa đường lối của Đại hội cho những năm 1976 - 1980 cũng như việc tổng kết kinh tế chuẩn bị Đại hội lần thứ V đã gắn liền với vấn đề phân bước thời kì quá độ, đưa tới việc xác định chặng đường trước mắt cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội và xác định phương hướng chiến lược kinh tế - xã hội đặc thù của chặng đường ấy. Đó là bước tiến mới của Đảng ta trong nhận thức và vận dụng qui luật khách quan vào tình hình thực tiễn nước ta; là trình độ của tư duy và lý luận kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại với lý luận khoa học về phân kỳ trong lãnh đạo và quản lý kinh tế. Cái mới không phải là từ ngữ chặng đường trước mắt, chặng đường đầu tiên hay bước đi ban đầu (có thể xem là đồng nghĩa), mà là trải qua thực tiễn lãnh đạo và quản lý kinh tế, Đảng đã đem lại cho từ ngữ ấy một nội dung xác định. Đó là những quyết định về phương hướng có tính nguyên tắc của mục tiêu, chính sách, biện pháp và cơ chế quản lý ở tầm chiến lược, có ý nghĩa chỉ đạo sâu sát với công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế hiện nay.

Việc xác định chặng đường trước mắt như thế đã cung cấp bài học về quan điểm lịch sử trong nhận thức và vận dụng qui luật kinh tế xã hội, nhằm xử lý đúng đắn những vấn đề kinh tế và quản lý. Với sự xác định chặng đường trước mắt, qui luật khác quan được xem xét không phải như một hệ thống qui luật kinh tế xã hội chủ nghĩa trừu tượng nói chung, mà là hệ thống qui luật khách quan mang tính lịch sử, tính giai đoạn. Cơ sở khoa học của quan điểm đó là luận đề về đặc điểm của qui luật kinh tế xã hội, khác với qui luật tự nhiên ở chỗ nó không tồn tại

vĩnh viễn mà xuất hiện, tác động rồi rút khỏi vũ đài lịch sử tùy theo sự biến động của những điều kiện khách quan của giai đoạn lịch sử. Chính những điều kiện lịch sử xã hội cụ thể của chặng đường trước mắt, trước hết là trạng thái xuất phát của nó, khách quan qui định có những quá trình và qui luật nào đang tồn tại và hoạt động, cũng như tính chất tác động của mỗi qui luật và quá trình ấy là bước đầu còn bị hạn chế, hoặc đã tác động đầy đủ, hoặc ngược lại đang thu hẹp phạm vi tác động và rút dần khỏi vũ đài lịch sử. Nói một cách khác chính những điều kiện và trạng thái khách quan của chặng đường trước mắt trong đó có sự tác động qua lại giữa cái chung cái đặc thù và cái đơn nhất. Rõ ràng là với qui luật kinh tế xã hội, nếu chỉ nói tính khách quan trong điều kiện lịch sử nhất định.

Tính lịch sử của tổng thể những quá trình và qui luật khách quan đã được thể hiện rõ nét trong tổng thể mục tiêu nhiệm vụ, chính sách và biện pháp chiến lược mà Đại hội lần thứ V vạch ra cho chặng đường trước mắt, làm cho phương hướng chiến lược đó đích thực chỉ có thể là phương hướng chiến lược của chặng đường ấy trong đó bước đầu giải quyết những vấn đề chung cho cả thời kỳ quá độ như công nghiệp hóa, cách mạng quan hệ sản xuất, phát triển kinh tế có kế hoạch... Đồng thời, giải quyết cơ bản, dứt điểm những vấn đề riêng của chặng đầu như khôi phục, thống nhất, chuyển hướng kinh tế, chuyển hướng quản lý...

Tính lịch sử còn thể hiện ngay trong từng chính sách lớn như công nghiệp hóa, cách mạng quan hệ sản xuất, phát triển nông nghiệp, phát triển tiểu thủ công, khuyến khích kinh tế gia đình, chế độ quản lý và kế hoạch hóa... trong đó có cái chung của thời kỳ quá độ, có cái riêng của chặng đầu gắn liền với những điều kiện lịch sử xã hội cụ thể, những nhu cầu bức thiết, những khả năng hiện thực cũng như những hạn chế có tính lịch sử khách quan. Vậy có thể nói việc xác định chặng đường trước

mắt là bước tiến quan trọng, tạo cơ sở phương pháp luận khoa học cho việc nhận thức và vận dụng qui luật và tính qui luật khách quan. Trước hết là xây dựng quan điểm về tính giai đoạn, quan điểm lịch sử cho công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế mà nếu thiếu quan điểm ấy thì không thể nhận thức và vận dụng qui luật một cách đúng đắn, không thể lãnh đạo và quản lý kinh tế thực sự có khoa học, có hiệu lực.

Quan điểm lịch sử trong lãnh đạo và quản lý kinh tế còn được quán triệt trong việc xem xét và sử dụng những khả năng. Lãnh đạo và quản lý kinh tế là nghệ thuật sử dụng các khả năng. Theo Các Mác thì lịch sử chỉ đặt ra những nhiệm vụ khi khả năng thực hiện đã có hoặc đã xuất hiện. Tìm tòi, phát hiện, phát huy mọi khả năng kinh tế của đất nước là điều mà Đảng ta lâu nay thường xuyên chăm lo. Nó đã, đang và sẽ còn là nội dung cơ bản của vấn đề liên tục đánh giá và đánh giá lại tình hình kinh tế trong trạng thái luôn biến động của nó. Thực tế đã chỉ rõ người lãnh đạo và quản lý không dễ gì có ngay được thái độ khách quan khoa học khi xem xét các khả năng. Với hoài bão cách mạng nóng bỏng như thiếu kinh nghiệm làm kinh tế, chúng ta đã có lúc đặt hi vọng một chiều vào khả năng tốt nhất hoặc nặng về dự báo khả năng tốt, thiếu dự báo khả năng xấu và khó khăn; chưa phân biệt giữa khả năng tiềm tàng và khả năng có tính hiện thực; định mục tiêu dựa vào khả năng tiềm tàng đồng thời bỏ phí nhiều khả năng hiện thực. Chính những vấp vấp ấy nhắc nhở ta phải có quan điểm lịch sử trong việc sử dụng các khả năng. Đại hội lần thứ V của Đảng đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc làm rõ thêm những khả năng to lớn đã sẵn có và đặc thù của nước ta ngay trong chặng đường trước mắt về lao động, đất đai, tài nguyên, ngành nghề, trình độ khoa học - kỹ thuật; kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý đã tích lũy, sự phát triển liên kết hợp tác liên ngành và liên địa phương cũng như khả năng về liên kết



kinh tế quốc tế xã hội chủ nghĩa và phát triển ngoại thương.v.v.. Một vấn đề đặc biệt quan trọng và sự phát triển những khả năng không chỉ của kinh tế Nhà nước và tập thể, mà còn của kinh tế tư nhân, cá thể và kinh tế gia đình với tư cách là những lực lượng sản xuất hiện thực to lớn, nằm trong hệ thống sản xuất xã hội của thời kỳ quá độ mà kinh tế quốc doanh là chủ đạo, trong điều kiện có hệ thống chuyên chính vô sản vững mạnh. Điều đặc biệt quan trọng còn là sự huy động những khả năng nhờ đổi mới chính sách và đổi mới quản lý. Ta đang ở bước đường mà việc đổi mới chính sách, đổi mới quản lý đúng đắn cho phép khơi dậy những nguồn vật chất to lớn đang bị cách quản lý cũ kìm hãm. Rõ ràng là những khả năng ấy cũng mang tính giai đoạn mà việc phát triển và sử dụng chúng sẽ bảo đảm thực hiện được những mục tiêu, nhiệm vụ mang tính giai đoạn tương ứng. Chính là nhờ sự phát hiện ngày càng đầy đủ và khôn khéo sử dụng những khả năng kinh tế hiện thực ấy chúng ta mới có thể hiện hiện được những mục tiêu kinh tế - xã hội rất nặng nề nhưng nhất thiết phải đạt tới trong tình hình rất khó khăn, như các mục tiêu về đời sống và việc làm, cân đối kinh tế, cải tạo và phát triển sản xuất .v.v.. Đó là thái độ kiên định cách mạng, thái độ khoa học, không chịu bó tay trước khó khăn. Những nhân tố mới trong lãnh đạo và quản lý kinh tế ở nhiều đơn vị, nhiều địa phương gần đây đã chứng minh rằng sự đúng đắn trong chính sách, tổ chức và biện pháp đã khơi dậy những lực lượng sản xuất to lớn từ đất đai, tài nguyên, lao động, ngành nghề, giao lưu hàng hóa, hợp tác liên kết, xuất nhập v.v.. đồng thời những cách lãnh đạo quản lý bảo thủ, trì trệ hoặc chủ quan nôn nóng đã làm cho lực lượng sản xuất hiện thực bị kìm hãm, tàn lụi đi, hoặc bị phung phí mà không đem lại hiệu quả. Có thể nói chiến lược kinh tế, kế hoạch và chính sách kinh tế... có căn cứ cách mạng và khoa học, hay mang tính bảo thủ, nôn nóng, rút cuộc là ở chất lượng nghiên cứu và sử dụng các khả năng. Trình độ lãnh đạo và quản

lý kinh tế cao hay thấp có thể xác định qua trình độ sử dụng các khả năng, mà quan điểm lịch sử phải là quan điểm chỉ đạo.

Có thể nói với sự xác định chặng đường trước mắt, những mục tiêu, chính sách, biện pháp trong phương hướng chiến lược kinh tế - xã hội được đặt trong điều kiện lịch sử cụ thể trên cơ sở thâm nhuần quan điểm lịch sử do đó có tính tích cực hiện thực.

Công tác quản lý kinh tế với tư cách biện pháp chiến lược, cũng phải được xem xét với quan điểm lịch sử, để bảo đảm sự tương ứng giữa chiến lược kinh tế với cơ chế quản lý, giữa cơ cấu kinh tế với cơ chế quản lý, trong đó cơ chế quản lý phải phục tùng cơ cấu kinh tế đồng thời có tác động tích cực trở lại.

Nếu so với công tác quản lý kinh tế sau Đại hội lần thứ IV thì công tác quản lý kinh tế hiện nay có thuận lợi cơ bản và mới. Đó là nhờ đã có phương hướng chiến lược và chính sách mới, tức là đường lối chung được cụ thể hóa một bước quan trọng. Quản lý trên cơ sở đã có đường lối cụ thể làm căn cứ xuất phát cho việc đổi mới quản lý kinh tế. Thuận lợi cơ bản và mới ấy được phát huy nhiều hay ít là phụ thuộc vào việc cụ thể hóa phương hướng chiến lược và chính sách chung, triển khai xây dựng chiến lược và chính sách biện pháp cụ thể của ngành, địa phương và các đơn vị. Theo cách nói hiện nay thì đó là vấn đề xác định cơ cấu kinh tế hợp lý và cơ chế quản lý thích hợp; là vấn đề cơ bản và thời sự nhất của lãnh đạo và quản lý kinh tế ở mọi ngành, mọi cấp; là nội dung cơ bản của tổng kết kinh tế và hoạch định chiến lược kinh tế cho thời kỳ sắp tới.

Mặt khác, chính cơ chế quản lý kinh tế với tư cách biện pháp chiến lược, cũng phải được xem xét xử lý ở tầm chiến lược phù hợp với các mặt khác của chiến lược. Có thể thấy rõ trong những văn kiện của Đại hội, Đảng ta đã tính đến sự phù hợp khách quan ấy. Trong điều kiện phương hướng chiến lược kinh

tế lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, rất chú trọng phát huy các ngành nghề tiểu thủ công và hàng tiêu dùng, tức là kinh tế địa phương có vai trò quan trọng quyết định trực tiếp việc thực hiện nhiều mục tiêu kinh tế - xã hội, thì về quản lý tất yếu phải phân cấp mạnh mẽ cho địa phương, nhất là phân cấp kế hoạch hóa và sử dụng những công cụ đòn bẩy kinh tế, nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của cấp tỉnh, thành, huyện, quận là người lãnh đạo trực tiếp trên mặt trận quan trọng ấy. Đồng thời trình độ xã hội hóa thấp, tính đa dạng (chưa đồng đều) và tính khép kín tương đối của kinh tế địa phương v..v.. khách quan đòi hỏi và tạo khả năng phát huy tính chủ động và sáng tạo ấy.

Cùng với phương hướng chiến lược kinh tế hiện nay, mặt trận hàng đầu của kinh tế tập thể, tỷ trọng kinh tế tư nhân, cá thể và kinh tế gia đình còn khá lớn. Tương ứng với đặc điểm đó, trong cơ chế quản lý thống nhất có kế hoạch nhất thiết phải vừa kế hoạch hóa trực tiếp, vừa chú trọng kế hoạch hóa gián tiếp; nhất thiết phải mở rộng giao lưu hàng hóa, gắn kế hoạch hóa với hạch toán kinh tế và kinh doanh. Cùng với xu hướng tất yếu đó, phân phối lưu thông trở thành mặt trận nóng bỏng và phức tạp nhất, mà hiệu lực của quản lý kinh tế có kế hoạch phụ thuộc rất lớn và chất lượng của việc sử dụng các công cụ đòn bẩy kinh tế trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần và nói riêng phụ thuộc vào trình độ quản lý và làm chủ thị trường kinh tế nhiều thành phần. Hơn nữa chính sách sử dụng kinh tế nhiều thành phần đòi hỏi quản lý gắn chặt với cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất, bởi vì việc sử dụng những hình thức kinh tế quá độ như công ty hợp doanh, liên doanh, liên kết đa thành phần, nhóm sản phẩm, vệ tinh, đại lý... vừa là hình thức cải tạo vừa là hình thức quản lý. Cải tạo phải có tính chất tổ chức, xây dựng rất tích cực và góp phần trực tiếp thúc đẩy sản xuất phát triển. Vậy phải quản lý sao cho kinh tế quốc doanh phát huy được vai trò chủ đạo thông

qua các hình thức kinh tế quá độ ấy. Từ đó, hệ quả tự nhiên phải rút ra là bản thân, chế độ quản lý và kế hoạch hóa đối với các cơ sở kinh tế quốc doanh phải thích nghi với điều kiện kinh doanh trong thị trường kinh tế nhiều thành phần, phải tạo điều kiện để các đơn vị kinh tế quốc doanh sử dụng tốt chính những công cụ của quan hệ thị trường để giành quyền làm chủ thị trường, làm chủ phân phối lưu thông.

Tính tất yếu của việc mở rộng giao lưu hàng hóa, sử dụng mạnh mẽ các phương pháp kinh tế như trên nói là đòi hỏi của qui luật kinh tế khách quan và của phương hướng chiến lược kinh tế, nhất thiết và bức bách đòi hỏi xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu - bao cấp, vì đó là cơ chế không biết đến qui luật kinh tế, kìm hãm mọi lực lượng sản xuất và khả năng kinh tế hiện thực.

Phương hướng chiến lược kinh tế ở chặng đường trước mắt nằm trong quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn, cũng đòi hỏi trong quản lý kinh tế phải rất chú trọng tổ chức lại nền sản xuất xã hội, mở rộng quan hệ phân công hiệp tác và thúc đẩy hợp lý quá trình tích tụ, liên hiệp, gắn liền với quá trình cải tạo và xây dựng.

Sau cùng, phương hướng chiến lược kinh tế ở chặng đường trước mắt đặt ra những yêu cầu đặc thù cho cấp trung ương là cấp chủ đạo trong hệ thống quản lý kinh tế. Đặc điểm quan trọng trong công tác quản lý kinh tế ở cấp trung ương hiện nay là phải bảo đảm quản lý thống nhất có kế hoạch trong điều kiện mặt trận hàng đầu của kinh tế nằm ở địa phương, trong điều kiện mặt trận hàng đầu của kinh tế nằm ở địa phương, trong điều kiện phân cấp quản lý mạnh mẽ cho địa phương nhưng lại không thể phó thác cho địa phương. Đó một mặt là vì cấp trung ương trực tiếp nắm trong tay nhiều ngành kinh tế quan trọng, nhiều công cụ kinh tế hùng mạnh, nhiều tiềm lực lớn về vật tư, kỹ thuật, về

khoa học - kỹ thuật và cán bộ v.v... Trong điều kiện ấy, tác động của kinh tế trung ương với kinh tế địa phương là nhân tố quyết định mức độ sử dụng các khả năng kinh tế hiện thực. Vì vậy, phải quản lý tốt các tổ chức kinh tế và khoa học - kỹ thuật của cấp trung ương để vừa giành sức trực tiếp xây dựng thêm và chuẩn bị xây dựng đại công nghiệp của Trung ương, phát huy vai trò kinh tế trung ương, vừa làm chỗ dựa mạnh mẽ cho kinh tế địa phương trực tiếp thực hiện có hiệu quả những mục tiêu kinh tế - xã hội trước mắt. Mặt khác, phải đổi mới và nâng cao trình độ quản lý ở cấp trung ương trong điều kiện tôn trọng quyền tự chủ và phát huy tính năng động của địa phương sao cho đảm bảo tính thống nhất trên những mặt cơ bản trong khi kinh tế địa phương còn chưa đồng đều, rất đa dạng, chưa ổn định, khoogn cho phép quản lý thống nhất cứng nhắc và cụ thể, chi tiết.

Từ những sự phân tích trên đây về mối quan hệ giữa chiến lược kinh tế với cơ chế quản lý, tức là giữa chính sách mới về cơ cấu kinh tế với cơ chế quản lý, có thể thấy rõ: thực trạng và chính sách mới về cơ cấu kinh tế bức bách đòi hỏi chuyển hướng căn bản cơ chế quản lý trên 3 vấn đề.

Một là, thực hiện quản lý tập trung thống nhất trên cơ sở phân cấp, phát huy mạnh mẽ tính tự lực, tự chủ, năng động của đơn vị cơ sở, ngành sản xuất kinh doanh và địa phương;

Hai là, chuyển hẳn hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa sang cơ chế hạch toán kinh doanh, thích nghi và làm chủ các quá trình kinh tế có tính hàng hóa;

Ba là, sử dụng các nguyên tắc những hình thức kinh tế quá độ trong cách mạng quan hệ sản xuất và đổi mới quản lý kinh tế.

Sự chuyển hướng như vậy có đặc điểm chung nhất là chuyển từ cơ chế quản lý kinh tế thời chiến, kiểu hành chính - cung cấp, đã quan liêu hóa và trở thành tập trung quan liêu - bao

cấp, sang cơ chế quản lý tập trung dân chủ theo quan điểm làm chủ tập thể, thật sự đi vào hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Chính là trong tình hình đó mà Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng (khóa V, tháng 6-1985) đã chỉ ra bài học bao trùm là **"Phải dứt khoát xóa bỏ tập trung quan liêu - bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ và hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa** thì mới đẩy mạnh được sản xuất kinh doanh có hiệu quả. "Chuyển hẳn sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay gắn liền với việc thật sự sử dụng quan hệ hàng hóa trong cơ chế quản lý có kế hoạch, mà mục sau đây sẽ đề cập.

## II. SỬ DỤNG QUAN HỆ HÀNG HÓA TRONG CƠ CHẾ QUẢN LÝ CÓ KẾ HOẠCH GẮN VỚI HẠCH TOÁN KINH TẾ VÀ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trong lịch sử quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa, một vấn đề quan trọng phức tạp và cũng gay cấn nhất về lý luận và thực tiễn là mối quan hệ giữa tính kế hoạch và tính hàng hóa của nền kinh tế. Trong buổi đầu quản lý kinh tế theo kiểu xã hội chủ nghĩa, chúng ta thường có mặc cảm kiêng kị tính hàng hóa, đối lập nó với tính kế hoạch của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa đã ngày càng sáng tỏ sự tồn tại tất yếu của quan hệ hàng hóa và thị trường; hơn nữa sự tất yếu phải phát triển các quan hệ ấy, không chỉ trong thời kỳ quá độ mà cả trong chủ nghĩa xã hội đã phát triển. Đó không phải là hàng hóa và thị trường nguyên dạng của kinh tế tư bản chủ nghĩa, mà là hàng hóa và thị trường từng bước mang nội dung kinh tế của xã hội mới; là kiểu sản xuất hàng hóa và thị trường từng bước được thuần hóa, tính tự phát dần dần mất đi, thay bằng tính tổ chức có kế hoạch trong điều kiện của chế độ công hữu và nền chuyên chính vô sản. Nói cách khác, tính kế hoạch là chủ đạo, tính hàng hóa là tất yếu đặt trong quỹ đạo của tính kế hoạch. Tính kế hoạch chỉ đối lập và từng bước loại trừ tính tự phát của quan hệ hàng hóa và thị trường chứ không loại trừ bản thân các quan hệ ấy. Chỉ có đến chủ nghĩa cộng sản giai đoạn cao mới không còn quan hệ hàng hóa và thị trường. Những kết luận đó đã được từng bước nêu ra khá sớm, nhưng chỉ được chấp nhận dè dặt, từ hình thức, từ mức thấp đến ngày càng đầy đủ mặc dù chính V.I. Lênin đã đặt nền móng cho sự đổi mới nhận thức đó ngay từ thời kỳ chính sách kinh tế mới của Liên Xô.

Đến lúc này, đây vẫn là vấn đề phức tạp và gay gắt bởi lẽ khi đã chấp nhận sự tồn tại khách quan của quan hệ hàng hóa và thị trường kiểu mới, thì trong vận dụng chúng ta lại gặp một trở ngại lớn. Hệ thống quản lí kinh tế đã xác lập với quản điểm xem nhẹ, hạn chế tính hàng hóa, rất lúng túng trong việc làm chủ và điều khiển các quan hệ ấy. Đã xảy ra tình hình 2 mặt : Một mặt, nhờ mở rộng giao lưu hàng hóa và quan hệ thị trường, nền kinh tế được kích thích phát triển mạnh và có hiệu quả hơn. Mặt khác, cùng với việc sử dụng những phạm trù của kinh tế hàng hóa mà xét hình thức bên ngoài cơ bản giống như kiểu tư sản thì cũng làm tăng sự cách biệt về thu nhập theo lao động và theo vốn, sở hữu cá nhân và tính riêng tư trong quản lí và phân phối tăng lên; tính tự phát, cạnh tranh cũng xuất hiện ở mức độ nhất định. Trong khi đó, nhiều người cộng sản cũng như nhiều công dân nước xã hội chủ nghĩa thường coi đó là những dấu hiệu đi chệch khỏi quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội, do đó mà lo lắng. Trong tư duy của nhiều người còn mang mô hình một chủ nghĩa xã hội thuần khiết ngay từ đầu, với quan hệ sản xuất công hữu hoàn toàn, công quản hoàn toàn và công ích hoàn toàn, trong khi thực tiễn lịch sử đòi hỏi trên cơ sở công hữu, công quản, công ích là chủ đạo và thống trị, còn phải biết sử dụng tư hữu, khoán quản, hạch toán kinh tế và lợi ích riêng tư. Vấn đề này ở nước ta càng phức tạp bởi lẽ ta không chỉ có sự tồn tại của quan hệ hàng hóa và thị trường như ở các nước đã có chủ nghĩa xã hội thắng lợi hoặc chủ nghĩa xã hội phát triển. Ta còn đứng trước sự tồn tại của quan hệ hàng hóa và thị trường trong đó kinh tế sản xuất nhỏ còn là phổ biến, kinh tế tư nhân có tỉ trọng lớn, kinh nghiệm quản lí của ta lại thiếu, cho nên tính riêng tư càng nhiều, tính tự phát còn là tất yếu. Chỉ có thể hạn chế và xóa bỏ chúng từng bước cùng với quá trình xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung.



Từ sau Nghị quyết hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV), chính sách sử dụng kinh tế nhiều thành phần đi liền với chính sách mở rộng giao lưu hàng hóa và tăng cường hạch toán kinh tế đã đặt hệ thống quản lý trước đổi mới, môi trường mới, qui luật mới. Nhưng hệ thống quản lý kinh tế của ta, với tư cách chủ thể quản lý đã quen nếp (quản lý hành chính cung cấp đối với nền kinh tế thời chiến mà về thực chất không sử dụng quan hệ hàng hóa. Khi cách mạng chuyển giai đoạn; hệ thống ấy rất lúng túng; hơn nữa còn bảo thủ và đã quan liêu hóa, cho nên rất khó điều khiển được các quá trình kinh tế có tính hàng hóa. Do đó, đã phạm nhiều sai lầm khuyết điểm, bị thua thiệt lớn trên thị trường và trong phân phối, lưu thông. Thị trường, do đó càng tự phát và rối loạn. Trong tình hình ấy đã diễn ra 2 cách xử lý sai: quay lại nếp cũ kìm hãm các quan hệ hàng hóa thị trường, hoặc buông thả cho tính tự phát. 2 cách xử lý đó nói cho cùng giống nhau ở chỗ là không làm chủ được các quan hệ kinh tế có tính hàng hóa, không tự giác nắm và vận dụng các qui luật kinh tế trong đó có qui luật giá trị. Kinh tế quốc doanh của nước ta, với chế độ quản lý quan liêu bao cấp, thu đủ, chi đủ và giao nộp cấp phát, xa lạ với quan hệ hàng hóa. Cho nên mục dù có tiềm lực lớn nhưng không thể vươn ra đấu tranh "làm chủ thị trường" để làm chức năng chủ đạo, nhân danh tính kế hoạch. Vì thế mà trên thực tế có nơi có lúc đã nhượng chỗ, buông thả cho kinh tế tư nhân gồm hàng triệu người sản xuất hàng bó nhỏ tự phát sản xuất kinh doanh hợp pháp và phi pháp, công khai và lén lút. Và vì vậy mà rơi vào tình hình, như V.I. Lênin đã nói : Chẳng khác gì lùi về phía chủ nghĩa tư bản tiểu tư hữu. Người cũng cảnh cáo: để tình trạng vô chính phủ của những kẻ tiểu tư hữu tiếp tục tồn tại là một mối nguy cơ lớn nhất, đáng sợ nhất. Không có biện pháp tổ chức hành chính đơn thuần nào tự nó có thể bảo đảm quản lý hàng chục triệu người sản xuất nhỏ, trong khi kinh tế quốc doanh là thành phần chủ

đạo còn bị cơ chế quan liêu - bao cấp ràng buộc, chưa phát huy được tác dụng liên kết, chủ đạo, hướng dẫn họ bằng công cụ kinh tế.

Do thể chế quản lý còn bảo thủ nếp cũ, nhất là về các đòn bẩy kinh tế: giá cả, tài chính, tín dụng, trả công, giao lưu vật tư và hàng hóa... cho nên nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh, để mở rộng sản xuất, nâng cao đời sống quần chúng lao động thường phải vi phạm thể chế quản lý thị trường theo nguyên tắc, chính sách của Đảng và Nhà nước. Người quản lý có công xét về mặt đấu tranh thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội và quan điểm chính sách lớn; đồng thời là người vi phạm thể chế. Hiện nay, khâu chậm đổi mới trong cơ chế quản lý kinh tế của nước ta là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế quốc doanh, trong đó chậm nhất là quốc doanh trung ương. Nhiều văn bản thể chế mới ban hành với ý định cụ thể hóa chủ trương, chính sách chung của Đảng và Nhà nước và cải tiến, đổi mới, nhưng nhiều chỗ chưa phù hợp thực tế, còn nặng phần chấp vạ và bảo thủ nếp quản lý cũ. Do đó, đã gây ra tình hình sản xuất kinh doanh thực tế diễn ra một cách, trong khi thể chế muốn gò vào cách khác. Sản xuất kinh doanh vẫn yêu cầu tháo gỡ. Nguồn gốc tư duy lý luận của hiện tượng bảo thủ và thoát li thực tế như vậy trong công tác thể chế hóa nói cho cùng là trong khi muốn quản lý kinh tế thống nhất có kế hoạch, vẫn còn dè dặt trong việc sử dụng quan hệ hàng hóa và thị trường. Hơn nữa còn giữ tư thế phòng ngự, cố cách li và chống lại các quan hệ tất yếu đó mà không thích nghi để làm chủ nó bằng một chế độ quản lý quá độ phù hợp. Do vậy, dù muốn hay không, thì trên thực tế đã không thực hiện được những quan điểm cơ bản của Đảng trong đổi mới chính sách cụ thể và đổi mới quản lý: quan điểm phù hợp, (quan điểm làm chủ tập thể, tập trung dân chủ, quan điểm kế hoạch hóa với 3 cấp làm chủ, 4

nguồn cân đối và nguyên tắc hạch toán kinh tế, quan điểm kết hợp thống nhất các lợi ích kinh tế...

Trong tư duy và lý luận kinh tế, có khi ta nói không chạy theo qui luật giá trị và cơ chế thị trường. Cách nói ấy khá mơ hồ, vì thật ra đã là qui luật và quan hệ kinh tế khách quan thì ta phải phục tùng qui luật để mà làm chủ, chứ không thể khác. Cần lưu ý rằng qui luật phát triển cân đối và có kế hoạch giả định có chủ thể tự giác vận dụng toàn bộ hệ thống qui luật khách quan, trong đó có những qui luật của kinh tế hàng hóa và thị trường. Nếu không thì tính tự phát lập tức thay cho tính kế hoạch trong mọi lĩnh vực sản xuất xã hội. Ta phải học tập để làm chủ, thuần hóa quan hệ hàng hóa, quan hệ thị trường và qui luật của nó, giống như con người đã thuần hóa thú vật và cây cỏ hoang dại. Cách nói hạn chế tác dụng của qui luật giá trị và quan hệ hàng hóa cũng là cách nói cũ, rất mơ hồ, bởi vì thật ra ta chỉ hạn chế đi tới xóa bỏ tính tự phát của các quan hệ và qui luật ấy chứ không thể hạn chế, xóa bỏ bản thân các quan hệ và qui luật khách quan ấy khi điều kiện khách quan vẫn cho nó tồn tại. Hơn nữa phải khẳng định rằng hiện nay tính tự phát của sản xuất hàng hóa và thị trường ở nước ta phần nào còn là tất yếu, nhưng không phải là "định mệnh". Xu hướng chủ đạo, ưu thế là tự giác kế hoạch hóa và quản lý, lấn át và thay thế tính tự phát. Với tư tưởng đó, kinh tế quốc doanh phải tiến công ra thị trường với một cơ chế quản lý quá độ phù hợp, để thích nghi và giành quyền làm chủ thị trường, Lấn trón thị trường, hay cưỡng lại thị trường thì nhất định không tránh khỏi trở lại cơ chế quản lý quan liêu bao cấp. Mọi người thường hay nhắc đến luận điểm của V.I. Lênin nói rằng người cộng sản phải học buôn bán. Nhà nước vô sản phải trở thành một nhà buôn sỉ (!) và phải học tập cách điều tiết các quan hệ buôn bán trên phạm vi cả nước. Suy rộng ra, điều đó có nghĩa là người cộng sản phải học tập để sử dụng thông thạo quan

hệ hàng hóa, quan hệ thị trường, qui luật giá trị và các phạm trù có liên quan, kể cả phải giới cạnh tranh, đua tranh kinh tế trong nội bộ nền kinh tế nhiều thành phần, nhất là trong quan hệ kinh tế quốc tế trong đó đối tượng không chỉ có đồng chí và bạn bè mà còn có đối thủ và kẻ thù. Đi với chó sói phải gào thét như chó sói. Đó là lời căn dặn của Lênin.

Nước ta chậm phát triển về kinh tế và nói riêng kinh tế hàng hóa phát triển thấp. Hơn nữa, trong chế độ cũ, người kinh doanh lớn thường là tư bản nước ngoài. Người Việt Nam nói chung ít kinh nghiệm kinh doanh buôn bán. Hơn nữa, do trải qua 30 năm sống trong kinh tế thời chiến (1945 - 1975), thực chất không có kinh tế hàng hoá, nên càng có nhiều ấn tượng, mặc cảm kiêng kị với kinh tế hàng hóa và thị trường. Do đó, khi kinh tế hàng hóa và thị trường được mở rộng như một tất yếu kinh tế của thời kỳ lịch sử mới thì rất dễ lúng túng, vụng về và do dự. Mà một trong những nguyên nhân chủ yếu là mắc kẹt về tư duy lý luận.

Để thúc đẩy phát triển kinh tế trong nước và phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại, cần đặc biệt chú ý đổi mới tư duy và lý luận cũ, thích nghi và làm chủ các quan hệ kinh tế tất yếu trong đó có quan hệ hàng hóa. Khi làm chủ và điều khiển được quan hệ hàng hóa và quan hệ thị trường thì người cộng sản có thêm một hệ thống công cụ kinh tế hùng mạnh để quản lý kinh tế thống nhất có kế hoạch theo nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; thống nhất trong điều kiện các cấp và quần chúng làm chủ tập thể, trong đó kết hợp được sức mạnh của cả cộng đồng với sức mạnh của mỗi cá nhân và tập thể nhỏ, kết hợp được cái hay của tính kế hoạch với cái hay của tính hàng hóa, làm cho hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa như sự phủ định biện chứng cơ chế tự phát của kinh tế tư bản chủ nghĩa, do đó mà hơn hẳn cơ chế ấy.

### III. PHÂN BIỆT CƠ CHẾ QUẢN LÝ TẬP TRUNG QUAN LIÊU - BAO CẤP VỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Cơ chế quản lý là bộ phận hợp thành của chiến lược kinh tế xã hội, là khâu đưa chiến lược chung vào thực hiện. Không thể có chiến lược quản lý có hiệu lực nếu chiến lược và chính sách chung chưa rõ. Và đương nhiên, khi chiến lược và chính sách chung đã xác. định về nguyên tắc như hiện nay thì chiến lược quản lý là khâu then chốt.

Ta đang ở tình hình cơ chế quản lý cũ, chiến lược quản lý cũ mới được bước đầu khắc phục, chiến lược quản lý mới, cơ chế quản lý mới triển khai chậm. Cần phân tích, so sánh 2 chiến lược, 2 cơ chế đó, để làm rõ thêm phương hướng đổi mới quản lý, chuyển hẳn sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

1. Để làm rõ **sự khác nhau giữa 2 cơ chế cũ và mới**, và thực chất của sự chuyển hướng chiến lược quản lý, cần thấy rằng trong cơ chế quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa có 2 mặt cơ bản, 2 hình thức tác động cơ bản: tác động tổ chức hành chính và tác động kinh tế. Ở bước đầu và trong điều kiện có chiến tranh, mặt tổ chức hành chính nổi lên thành mặt chủ yếu, xuất phát từ tính tất yếu của việc phát huy quyền lực của hệ thống chuyên chính vô sản tước đoạt các giai cấp bóc lột, thực hành cưỡng bức siêu kinh tế vì yêu cầu chiến đấu cũng như để thực hành quản lý có kế hoạch ở bước đầu. Song về cơ bản và lâu dài, để lãnh đạo và quản lý kinh tế phải lấy tác động kinh tế làm gốc. Bởi vậy thực

chất của sự chuyển hướng chiến lược quản lý ở mọi nước xã hội chủ nghĩa là chuyển từ chỗ nặng về tác động tổ chức - hành chính trực tiếp, tác động Kinh tế chỉ là phụ trợ, bổ sung sang chỗ lấy tác động kinh tế làm gốc. Mà sự chuyển hướng ấy nhất thiết đòi hỏi gắn liền kế hoạch hóa với mở rộng quan hệ trao đổi hàng hóa trên cơ sở đó kinh doanh hóa, tức là quản lý có kế hoạch thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Lưu ý ngay rằng sự chuyển hướng chiến lược như vậy là nói chung chứ không phải không còn một số ngành và lĩnh vực đặc biệt, cơ bản phải giữ cơ chế cũ. Ở đây chỉ bàn trường hợp chung, phổ biến. Có thể thấy 2 cơ chế quản lý đó đều là quản lý có kế hoạch nhưng khác nhau căn bản ở chỗ cơ chế cũ đặt trên cơ sở hạn chế, thu hẹp quan hệ hàng hóa (hiện vật hóa). Cơ chế mới đặt trên cơ sở mở rộng các quan hệ hàng hóa (thương phẩm hóa). Ở cơ chế cũ, tính kế hoạch loại trừ tính hàng hóa. Ở cơ chế mới tính kế hoạch gắn với tính hàng hóa một cách hữu cơ như 2 thuộc tính của **một** cơ chế, trong đó tính kế hoạch là chủ đạo. Nó không loại trừ mà còn đòi hỏi mở rộng quan hệ hàng hóa. Vì nếu không mở rộng quan hệ hàng hóa thì không thể quản lý có kế hoạch theo nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, không thể thoát khỏi cung cấp, bao cấp. Điều có qui lại đòi hỏi thay đổi cơ bản cơ chế quản lý giá cả, tài chính, tiền tệ và quan trọng nhất là cơ chế kế hoạch hóa. Ở chiến lược cũ, đó là cơ chế lệnh kế hoạch, kèm theo cơ chế lệnh giá cả, tài chính, tiền tệ theo qui tắc cấp phát, giao nộp để thực hiện lệnh kế hoạch. Ở chiến lược mới, đó là cơ chế kinh doanh:  **kế hoạch kinh doanh, giá cả kinh doanh, tài chính kinh doanh, tín dụng kinh doanh phục vụ yêu cầu mua bán của các chủ thể sản xuất hàng hóa có kế hoạch theo nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.** Như vậy là trong cơ chế cũ, các phạm trù giá cả, tài chính, lưu thông tiền tệ là những phạm trù vốn có của kinh tế hàng hóa đều được sử dụng, nhưng chỉ được sử dụng

trên hình thức. Đến đây, có thể nói rằng việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta trên thực tế còn rất vướng mắc, nói cho cùng, là do cơ chế kế hoạch hóa quản lý giá cả, tài chính, lưu thông tiền tệ còn cơ bản giữ chiến lược cũ. Do đó, rất công kị với thực tiễn hoạt động của các chủ thể kinh doanh xã hội chủ nghĩa mà thực tế đã phải đặt trên phương diện buôn bán, tức là mang tư cách chủ thể sản xuất hàng hóa có kế hoạch. Cơ chế kế hoạch hóa, quản lý giá cả, tài chính, lưu thông tiền tệ với chiến lược cũ, luôn luôn cản trở xu hướng mở rộng quan hệ hàng hóa, cản trở liên doanh liên kết trên cơ sở trao đổi hàng hóa, gò trở lại cơ chế giao nộp cấp phát. Như vậy là cản trở, xóa bỏ chính ngay sự tồn tại đích thực của quan hệ hàng hóa. Trong điều kiện ấy tức là trong cơ chế giao nộp cấp phát, dù có nói bao nhiêu đến qui luật giá trị cũng là vô nghĩa. Nhưng vì mở rộng quan hệ hàng hóa là tất yếu lịch sử, là chính sách lớn, cho nên sự cản trở nói trên tức là cản trở tiến bộ kinh tế, cản trở nhân tố mới và do đó làm mất hiệu lực của các công cụ kinh tế tài chính, làm cho Nhà nước không thể từng bước làm chủ được các quá trình kinh tế có tính hàng hóa, hơn nữa còn thua thiệt lớn trước thị trường mặc dù trong tay có thực lực to lớn.

2. Có thể tóm tắt **một số đặc trưng cơ bản của cơ chế quan liêu - bao cấp trong quản lý kinh tế** trên 2 góc độ: quan hệ tổ chức - hành chính và quan hệ kinh tế. Về quan hệ tổ chức - hành chính, đó là cơ chế tập trung quá mức (quá chi tiết) nhưng lại điều hành theo nhiều mối của các ngành chức năng, như hình ảnh dàn nhạc nhiều nhạc trưởng, tự nó mang tính phân tán, gây rối loạn về chỉ huy. Về quan hệ kinh tế, là quan hệ giao nộp thu mua, cấp phát công kị quan hệ kinh doanh mua bán theo nguyên tắc hạch toán kinh tế; tức là làm công tác kinh tế trong kinh doanh như cấm làm trong khu vực hành chính sự nghiệp, hay hậu cần quân đội (gần như vậy). Hậu quả của cơ chế đó rất xấu,

Một là làm mất sức mạnh của sự tổ chức quản lý thống nhất có kế hoạch theo nguyên tắc tập trung dân chủ, làm chủ tập thể. Hai là, làm suy yếu, triệt tiêu động lực kinh tế, thậm chí tác động trái nghịch, khuyến khích ý lại, dựa dẫm, lười biếng và gây thiệt thòi cho người tích cực. Ba là, cản trở thực hiện mục tiêu ổn định cải thiện đời sống và phát triển sản xuất. Chính cơ chế quan liêu - bao cấp là cơ chế không hướng vào mục tiêu cuối cùng; quản lý vì quản lý, mỗi chức đáng kế hoạch hóa, giá cả, tài chính, lưu thông tiền tệ mang mục tiêu toàn cục và cuối cùng. Cơ chế quản lý như vậy là trái với qui luật tổ chức cũng như qui luật kinh tế.

Chính vì đó mà các ngành chức năng kinh tế tài chính lâm vào tình trạng bế tắc, không có phương án, bất lực trước tình hình và do đó buông lỏng cho thực tế tự phát. Để khôi phục hiệu lực quản lý, khôi phục hiệu lực của công cụ kinh tế tài chính, phải đổi mới cách làm, phải có cơ chế mới, chiến lược mới. Cơ chế mới của những công tác này, về quan điểm và nguyên tắc phải nhất quán với những quan điểm và nguyên tắc mà các đại hội và hội nghị Trung ương đã chỉ ra cho cơ chế quản lý mới; quan điểm chuyên hướng, đổi mới, xóa bỏ cơ chế cũ lạc hậu, xác lập cơ chế mới phù hợp với thời kỳ lịch sử mới; quan điểm làm chủ tập thể, tập trung dân chủ; quan điểm lấy kế hoạch làm công cụ trung tâm, thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; quan điểm kết hợp thống nhất các lợi ích kinh tế.

3. Về **chức năng và cách tác động của Nhà nước vào các tổ chức sản xuất kinh doanh**. Trong thực tiễn quản lý kinh tế nước ta hàng chục năm nay còn đặt ra một vấn đề gay gắt: làm thế nào để sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước vừa có hiệu lực hơn, lại không làm yếu, làm mất tính tự chủ của các tổ chức kinh doanh. Hơn nữa, làm sao khắc phục tệ cửa quyền



ngày càng nặng trọng bộ máy Nhà nước, vi phạm quyền dân chủ, tự chủ, làm chủ của các tổ chức kinh tế. Đã có những suy nghĩ tìm lời giải theo hướng hạn chế chức năng Nhà nước ở mặt hành chính - kinh tế, để giao trọn quyền kinh doanh cho người kinh doanh; Nhà nước không thể vừa thời còi vừa đá bóng. Hướng suy nghĩ tìm tòi này không toàn diện. Trước hết, điều hiển nhiên là quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa là quản lý tập trung thống nhất trên qui mô toàn xã hội, Nhà nước xã hội chủ nghĩa nằm trong cơ cấu sản xuất xã hội làm chức năng quản lý kinh tế với tư cách người tổ chức xây dựng và điều hành. Trên thực tế, Nhà nước các cấp là người điều hành kinh tế lớn nhất từ chiến lược qui hoạch, bố trí đầu tư, phân phối lao động và tài chính. Đó thực chất là điều hành kinh tế; tuy thường mang hình thức hành chính pháp lý. Để bảo đảm quyền tự chủ của người kinh doanh vấn đề không phải ở chỗ Nhà nước chỉ làm hành chính - kinh tế, càng không phải ở chỗ Nhà nước chỉ làm hành chính. Vấn đề chính là ở chỗ Nhà nước phải thay đổi cách tác động, tức là cách quản lý các tổ chức sản xuất kinh doanh. Cùng với cách tác động hành chính trực tiếp với tư cách cơ quan quyền lực hành chính, bảo đảm trật tự pháp luật, Nhà nước trong chức năng điều hành, trong quan hệ với các tổ chức kinh doanh, phải tác động kinh tế với nguyên tắc trách nhiệm và nghĩa vụ kinh tế 2 **chiều**. Như vậy có thể căn bản hạn chế được tệ cửa quyền, và sự can thiệp tùy tiện tức là bảo đảm quyền tự chủ. Qui tắc tác động mới như thế phải là cách tác động chủ yếu trong kế hoạch hóa, công tác giá cả, tài chính, lưu thông tiền tệ và tiền lương theo quan điểm kinh doanh.

4. Sự phân biệt cơ chế cũ và cơ chế mới luôn luôn gắn liền với sự đánh giá nhân tố mới. Điều rất phức tạp cho sự đánh giá đó là mọi nhân tố mới đều chưa trọn vẹn, hơn nữa thực tế đã xảy ra tình hình không đáng có: hầu như mọi nhân tố mới, làm ăn có

hiệu quả, thực hiện được mục tiêu kinh tế - chính trị theo các chủ trương, chính sách lớn nhiều khi được nhận bằng khen và huân chương, được quần chúng hoan nghênh, thì lại vi phạm thể chế. Đó là vì nhiều thể chế hiện hành đang là khâu lạc hậu, bảo thủ: Do đó người quản lý đứng trước sự không dung hợp giữa một bên là trách nhiệm chấp hành thể chế, một bên là trách nhiệm kinh - tế chính trị. Trong trường hợp này, có thể nói các thể chế cụ thể với tư cách "pháp luật" không trùng hợp với chủ trương, chính sách lớn, với qui luật. Thể chế đó đã và đang gây vướng mắc, cản trở vận dụng qui luật, cản trở tiến bộ kinh tế. Do đó nhiều nghị quyết của Đảng đòi hỏi điều chỉnh, đổi mới chính sách cụ thể và thể chế. Nhưng lại cũng là ảo tưởng, nếu đòi hỏi sớm có ngay hệ thống thể chế cụ thể, đúng đắn, đồng bộ.

Trong tình huống đó, có những vấn đề rất quan trọng về phương pháp luận đánh giá nhân tố mới, cũng như phương pháp luận hành động hợp quy luật của người quản lý. Trước hết, trong khi ra quyết định cũng như khi chấp hành, khi đánh giá phải làm rõ đâu là quan điểm, nguyên tắc cơ quan ở bậc qui luật, tức là ở bậc bản chất. Còn đâu là nguyên tắc ở bậc thể chế cụ thể, đâu là hình thức và phương pháp cụ thể. Lưu ý rằng qui luật, nguyên tắc nằm trong hệ thống. Và trong hệ thống ấy quy luật và nguyên tắc cũng có ngôi thứ của nó, có qui luật, nguyên tắc cơ bản hơn so với cái khác. Bởi vậy, khi xảy ra mâu thuẫn thì nguyên tắc bậc thấp, nguyên tắc nghiệp vụ và thể chế cụ thể phải phục tùng và phụ thuộc nguyên tắc bậc cao. Thái độ chấp hành thể chế cũ một cách thụ động, cầu an, thậm chí lợi dụng sơ hở của thể chế, không bảo đảm nhiệm vụ kinh tế, chính trị, nhân danh "tính kỷ luật", chính đó là thái độ vô nguyên tắc, bỏ nguyên tắc bậc cao, theo nguyên tắc bậc thấp. Người quản lý có trách nhiệm, có tính nguyên tắc cao lúc này phải nắm vững nguyên tắc cơ bản, sáng

tạo trong hình thức và phương pháp, mạnh dạn đấu tranh góp phần đổi mới thể chế một cách có nguyên tắc, có tổ chức.

Hình thức và phương pháp là cái vốn có tính đa dạng, rất động, mà người quản lý phải biết sáng tạo, chọn lựa. Song chọn lựa bao giờ cũng là chọn lựa có nguyên tắc. Trong sự chọn lựa đó, phải xuất phát từ mục tiêu, phải có quan điểm mục tiêu, kiên định mục tiêu kinh tế - xã hội - chính trị toàn diện. 4 mục tiêu của chiến lược kinh tế - xã hội mà Đại hội lần thứ V của Đảng nêu ra cho chặng đường hiện nay, là tiêu chuẩn của sự chọn lựa. Quan điểm mục tiêu cuối cùng (kết quả cuối cùng, sản phẩm xã hội cuối cùng) là quan điểm hiện đại của quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nó đòi hỏi người quản lý phải biết liên kết mọi công cụ, biện pháp định hướng thống nhất quyết định tính đồng bộ và sự định hướng thống nhất vào mục tiêu cuối cùng. Bởi vậy, đó cũng là công cụ tổng hợp, chủ đạo của sự vận thống chính thể. Khái niệm cây mục tiêu, phương pháp chương trình mục tiêu, là những công cụ rất quan trọng bảo đảm tính đồng bộ và sự định hướng thống nhất vào mục tiêu cuối cùng. Lưu ý rằng trong mục tiêu có mục tiêu cuối cùng và mục tiêu trung gian, trong đó so với mục tiêu cuối cùng và mục tiêu bậc cao thì mục tiêu trung gian và mục tiêu bậc thấp mang tính chất công cụ, biện pháp. Từ luận đề đó phải thấy quan hệ ngôi thứ, thứ tự ưu tiên, vai trò ưu tiên của mục tiêu cuối cùng và bậc cao so với mục tiêu trung gian và bậc thấp. Mặt khác, lại phải thấy muốn đạt mục tiêu cuối cùng và bậc cao, phải biết thiết kế phân đoạn xác định hệ mục tiêu trung gian trong sự định hướng thống nhất, đồng bộ. Chỉ biết mục tiêu trung gian (mục tiêu chức năng) không hướng vào mục tiêu cuối cùng là sai. Ngược lại, chỉ thấy mục tiêu cuối cùng; muốn nhảy một bước đến mục tiêu ấy, không thiết kế được hệ tiêu trung gian (chức năng, công cụ, biện pháp) thì cũng không thể đạt mục tiêu cuối cùng. Tóm lại, ta chỉ có thể nâng

cao trình độ tự giác nắm bắt, vận dụng qui luật và nguyên tắc quản lý kinh tế trong chừng mực mà ta đã học tập, rút kinh nghiệm để từng bước nắm được công cụ kế hoạch hóa thật sự theo quan điểm kinh tế - chính trị - xã hội toàn diện. Nhược điểm lớn nhất của việc sử dụng các chính sách đòn bẩy kinh tế hiện nay là không có tính đồng bộ, không đặt trong phương án kết hoạch đồng bộ; do đó mỗi đòn bẩy mang mục tiêu tự nó, cản trở nhau, cản trở thực hiện mục tiêu cuối cùng, gây rối loạn ngay từ hệ thống chỉ huy; chỉ huy theo nhiều mối, không thống nhất. Như vậy, là trái qui luật, trái qui luật kinh tế cũng trái qui luật tổ chức, mặc dù mỗi chức năng nắm công cụ đều nói đến qui luật. Nói cách khác, các qui luật bị nhận thức vận dụng riêng rẽ, không trong hệ thống đồng bộ.

#### IV. CƠ CHẾ QUẢN LÝ NĂNG ĐỘNG VÀ VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ ĐẠO CỦA KINH TẾ QUỐC DOANH

Hiện nay, một nhiệm vụ cơ bản và cấp bách nhất của quản lý kinh tế là từng bước đưa nền kinh tế nhiều thành phần nói chung và thị trường nói riêng vào quỹ đạo quản lý có kế hoạch. Sẽ không thể thực hiện nhiệm vụ ấy, nếu không phát huy được vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh là thành phần nhân danh sự tổ chức có kế hoạch. Nhưng đến nay nhiều tổ chức kinh tế quốc doanh chưa làm trọn vai trò đó, nguyên nhân quan trọng và trực tiếp nhất là do cơ chế quan liêu - bao cấp cản trở. Chính vì vậy mà trên thực tế, việc xóa bỏ cơ chế quan liêu - bao cấp, xác lập cơ chế quản lý năng động được đặt ra rất cấp bách với tình

thần chuyển hẳn sang kinh doanh như đòi hỏi của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V). Đó là tất yếu khách quan.

Thật vậy, chính sách sử dụng kinh tế nhiều thành phần và mở rộng giao lưu hàng hóa đã đặt kinh tế quốc doanh nước ta trong thị trường kinh tế nhiều thành phần với tư cách là thành phần chủ đạo trong thị trường ấy. Hệ thống qui luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội mới bước đầu phát huy tác dụng xen lẫn những qui luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản và của sản xuất hàng hóa nhỏ tuy bước đầu đã bị hạn chế nhưng vẫn còn hoạt động với tính tự phát vốn có của nó. Trong thị trường ấy những đơn vị kinh tế tập thể nhất là tập thể bậc thấp, những người làm kinh tế gia đình, đặc biệt là những người kinh doanh tư nhân, trên mức độ lớn, vẫn làm ăn theo kiểu hạch toán thương mại của cơ chế thị trường tự phát. Tính tự phát của sản xuất và thị trường chỉ có thể thu hẹp dần cùng với quá trình đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa trong đó có quá trình mở rộng và nâng cao chất lượng của sự điều tiết tập trung theo kế hoạch; xác lập và tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh. Điều phức tạp hơn nữa là chính kinh tế quốc doanh cũng thiếu hụt gay gắt về vật tư, tiền vốn và khả năng cân đối, điều tiết tập trung thống nhất của cấp trên, nhất là của Trung ương, bị nạn chế rất nhiều. Trên những mức độ khác nhau, các địa phương, các ngành, các đơn vị cơ sở sản xuất kinh doanh đặt trong tình huống phải tự tìm nguồn vật tư, tiền vốn và khách hàng để duy trì và phát triển sản xuất trong mối quan hệ trao đổi hàng hóa với nhau và với các thành phần kinh tế khác, các thành phố lớn là nơi mà vấn đề đó được đặt ra một cách bức bách và với phạm vi rộng lớn nhất vì đó là các trung tâm công thương nghiệp và nhiều nơi còn là cửa khẩu xuất, nhập lớn. Ở đó công thương nghiệp không thể hoạt động nếu sự trao đổi hàng hóa trong vùng và qua xuất nhập khẩu

bị trở ngại. Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng là những điển hình rõ nhất.

Trong tình hình khách quan như thế, những đơn vị kinh tế quốc doanh nào cũng có nhiều quan hệ trực tiếp với thị trường, càng có nhiều quan hệ với tất cả các thành phần kinh tế và các địa phương trong vùng, thì trong chế độ quản lý và kế hoạch hóa sớm mượn cũng phải thích nghi bằng cách làm rất năng động. Đã có tình huống phải chọn lựa giữa nguy cơ đóng cửa nhà máy và việc áp dụng một cơ chế quản lý năng động. Bước thích nghi quan - trọng đó của chế độ quản lý được thực hiện rõ nhất từ sau Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Trung ương Đảng ( khóa IV ), thể hiện ở việc áp dụng những phạm trù công cụ như: giá cả thỏa thuận ; quan hệ trao đổi hàng hóa trực tiếp kiểu đối lưu; kế hoạch hợp đồng bảo đảm lợi ích và chịu trách nhiệm 2 chiều giữa các bên hữu quan cũng như giữa cấp trên và cấp dưới; kế hoạch của xí nghiệp địa phương gồm kế hoạch do cấp trên cân đối với kế hoạch tự cân đối trong quan hệ trực tiếp với người cung cấp tiêu thụ... Việc sử dụng những phạm trù công cụ như kể trên được chỉ ra trong văn kiện của Đảng và Nhà nước theo quan điểm tự giác sử dụng các quan hệ thị trường để thực hiện quản lý có kế hoạch, mà cuối cùng là nhằm phát huy tính năng động của kinh tế quốc doanh để đấu tranh, liên kết lãnh đạo, đưa các thành phần kinh tế khác vào quỹ đạo quản lý có kế hoạch. Nhưng không ít trường hợp đã xảy ra tình hình ngược lại. Nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh bị cơ chế quan liêu - bao cấp ràng buộc chưa thể chủ động mở rộng sản xuất và giao lưu hàng hóa, mặc dù chính sách chung của Đảng và Nhà nước đã khuyến khích sử dụng ấy. Trong khi đó, các thành phần khác, nhất là kinh tế tư nhân, lại được tự do quá mức đã tự phát mở rộng sản xuất và giao lưu hàng hóa, thu lãi lớn, trong khi quốc doanh sản xuất trì trệ, thua lỗ. Từ đó, gây ra sự rối loạn đảo ngược rong

phân phối thu nhập quốc dân giữa các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư. Vậy đứng trước thị trường mà kinh tế quốc doanh không có chế độ quản lý thích nghi thì tức là nhường chỗ cho các thành phần khác làm chủ thị trường, làm chủ sự phân phối thu nhập quốc dân. Thực tế cũng đã có nhiều tổ chức kinh tế quốc doanh bước đầu khắc phục cơ chế quan liêu - bao cấp với sự hỗ trợ mạnh mẽ của Nhà nước về hành chính và giáo dục, đã chủ động mở rộng sản xuất kinh doanh, sử dụng những công cụ của thị trường để đấu tranh làm chủ thị trường, lái thị trường đi theo chiều hướng ngày càng ổn định vào quỹ đạo của kế hoạch và chính sách. Chính là bằng cách đó mà nhiều tổ chức kinh tế ở thành phố Hà Chí Minh và nhiều địa phương đã từng bước làm chủ thị trường lương thực, thực phẩm, công nghệ phẩm. Hơn nữa còn hợp tác, liên kết với các thành phần khác, phát huy tác dụng lãnh đạo và quản lý, cũng tức là góp phần từng bước cải tạo các thành phần khác theo con đường xã hội chủ nghĩa. Chính trong trường hợp đó mà trên thực tế, thu nhập quốc dân được phân phối lại theo hướng ngày càng có lợi cho kinh tế quốc doanh và những người lao động trong đó. Khả năng đóng góp của kinh tế quốc doanh vào ngân sách cũng tăng lên. Hơn nữa, chính kinh tế quốc doanh khi áp dụng một cơ chế quản lý năng động, vẫn không đi chệch quỹ đạo quản lý có kế hoạch; mà chỉ cần xóa bỏ cách làm kế hoạch kiểu hành chính đơn thuần với quan bệ cấp, phát, giao nộp; tức là phải thật sự làm kế hoạch từ cơ sở, thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Mọi nhiệm vụ kế hoạch được cân đối thông qua hợp đồng kinh tế trực tiếp với người cung cấp và người tiêu thụ, đồng thời được cấp trên phê chuẩn hoặc chịu sự kiểm tra, điều tiết của cấp trên.

Một chế độ quản lý năng động như vậy tất nhiên đòi hỏi dành quyền tự chủ rộng rãi cho ngành kinh tế - kỹ thuật, địa

phương và đơn vị sản xuất kinh doanh trong điều kiện tuân theo và phục vụ quán triệt đường lối chính sách chung, tuân theo kế hoạch kinh tế quốc dân thống nhất trên những chỉ tiêu cơ bản, trên quỹ đạo của phương hướng và qui hoạch chung. Chế độ quản lý ấy không đòi lập hoặc làm yếu sự quản lý tập trung thống nhất, nhưng nó tối kị cách quản lý tập trung thống nhất bằng sự ràng buộc chi tiết cụ thể vốn có trong các thể chế và nền nếp **kế** hoạch hóa, trong công tác tài chính, tín dụng, giá cả, lao động, tiền lương, cấp phát vật tư và giao nộp sản phẩm... theo kiểu quan liêu - bao cấp. Bởi vậy, đổi mới các chính sách cụ thể về kinh tế tài chính đang là yêu cầu cấp bách. Điều khó nhất là tìm giải pháp sao cho phân cấp nhưng bảo đảm thống nhất, sử dụng quan hệ thị trường nhưng không chạy theo thị trường tự phát. Có thể và cần phải sớm tìm lời giải đáp cụ thể cho những vấn đề ấy qua kinh nghiệm vận dụng cơ chế quản lý mới ở những đơn vị và địa phương đã từng bước giành quyền làm chủ, tức là từng bước thực hiện quản lý có kế hoạch với toàn bộ quá trình sản xuất xã hội trong đó có thị trường thành phố Chí Minh nói chung, Công ty kinh doanh Lương thực của thành phố nói riêng, là một trong những nơi đã cung cấp kinh nghiệm nhiều nhất, làm chất liệu cho sự tổng kết khái quát đã từng bước nhận thức được cơ chế quản lý thích hợp một cách đúng đắn và sinh động.

## V. NHẬN THỨC VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ THÍCH NGHI QUA KINH NGHIỆM CỦA NHỮNG NHÂN TỐ MỚI



## **1.Sự khởi động của cơ chế quản lý mới:**

Xuất phát từ những luận đề của V.I. Lê-nin về chế độ tập trung dân chủ, chế độ kế hoạch hóa thống nhất và chế độ hạch toán kinh tế, vận dụng phù hợp với thực trạng nền kinh tế nhiều thành phần và phương hướng chiến lược kinh tế - xã hội hiện nay, Đảng ta đã nghiêm khắc đòi hỏi xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu - bao cấp, xác lập cơ chế quản lý và kế hoạch hóa thích hợp với phương hướng cơ bản là: Đổi mới kế hoạch hóa theo quan điểm phân cấp làm chủ tập thể thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; tiếp tục tổ chức lại nền sản xuất xã hội, trong đó chú trọng liên kết các thành phần dưới sự chủ đạo của kinh tế quốc doanh; chấn chỉnh tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ chủ chốt phù hợp với yêu cầu của cơ chế quản lý mới. Trong mọi vấn đề của chính sách và quản lý, Đảng ta luôn đòi hỏi coi trọng năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Thực hiện phương hướng đó trên cả nước và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng ngày càng xuất hiện nhiều đơn vị cơ sở, nhiều liên hiệp (công ty), nhiều huyện, quận... vươn lên mạnh mẽ trong việc tự lực, tự chủ, năng động phát triển sản xuất, chăm lo đời sống quần chúng lao động, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh và vai trò quản lý của Nhà nước trong việc tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất và từng bước đưa tất cả các thành phần kinh tế vào quỹ đạo quản lý có kế hoạch.

Có được những bước tiến như thế là do nhiều nguyên nhân trong đó nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp là nhờ từng bước vận dụng được cơ chế quản lý mới theo tinh thần các nghị quyết của Đảng.

Một câu hỏi đặt ra là tại sao nhiều nơi vận dụng được cơ chế quản lý mới, trong khi đó nhiều nơi khác vẫn còn lúng túng,

chậm chễ. Có thể nêu ra **mấy bài học về sự khởi động cơ chế quản lý mới**, xóa bỏ cơ chế quản lý hành chính quan liêu - bao cấp.

Kinh nghiệm của các nhân tố mới đã chỉ rõ, đúng như nguyên lý kinh điển và nghị quyết của Đảng đã khẳng định, để biến cơ chế quản lý mới từ cương lĩnh thành hiện thực, điều mấu chốt là ở mỗi cấp phải có **cốt cán lãnh đạo** đủ năng lực và phẩm chất chính trị - chuyên môn của người chiến sĩ cộng sản. Điều đó là đặc biệt quan trọng trong tình huống hiện nay của nước ta, là tình huống phải đấu tranh đổi mới quản lý với nhiều khó khăn, vướng mắc, cản trở và cám dỗ rất phức tạp. Đó là vấn đề mà V.I. Lê-nin đã nói năm 1922: "Cái chìa khóa của toàn bộ vấn đề hiện giờ là có những người làm công tác thực tiễn và thực tiễn. Tìm ra những người **lão luyện trong công việc**... Biến đổi những sắc lệnh trên giấy... thành thực tiễn sinh động, đó là điểm chủ yếu" và "trong lúc này vấn đề không phải là ở các cơ quan quản lý mà là những con người và sự thẩm tra kinh nghiệm thực tiễn. Tìm kiếm từng người một, những người biết buôn bán ...."<sup>10</sup>. Bài học đó gắn liền với bài học thứ hai: khi đã có cốt cán lãnh đạo vững vàng, đủ tin cậy, phải thực hiện phân cấp quản lý mạnh mẽ, trao quyền tự chủ rộng rãi trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ở thành phố Hồ Chí Minh cũng như ở các nơi khác, quyền tự chủ ấy được đặt ra mạnh mẽ từ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành Trung ương (khóa IV), được xác định rõ thêm trong những quyết định về quyền tự chủ của xí nghiệp và phân cấp quản lý. Trên thực tế quyền tự chủ ấy được xác định trong tình huống có "nguy cơ đóng cửa nhà máy", tình huống mà địa phương gặp thiếu hụt gay gắt, chỉ có thể sản xuất kinh doanh bằng con đường tự lực bù đắp bằng sản xuất kinh

---

<sup>10</sup> V.I. Lê Nin. Toàn Tập. Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội. Tập 35, trang 699-700

doanh có hiệu quả để thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - chính trị cấp bách.

Hơn nữa, trong tình huống đang cần đổi mới quản lý, đổi mới thể chế thì quyền tự chủ còn là điều kiện để các cấp chủ động góp phần xử lý có nguyên tắc khi gặp mâu thuẫn (đăng thường gặp) giữa mục tiêu kinh tế - chính trị với những thể chế còn mang nặng nề tập trung quan liêu - bao cấp. Như vậy cũng là đòi hỏi người lãnh đạo kinh doanh lúc này không thể chỉ biết chịu "trách nhiệm thể chế" như người thừa hành thụ động, không thể đặt "trách nhiệm thể chế" cao hơn trách nhiệm kinh tế - chính trị, mà phải góp phần đổi mới thể chế một cách có nguyên tắc.

Bài học quan trọng nữa của sự khởi động cơ chế quản lý mới là với cốt cán lãnh đạo đủ sức, với quyền tự chủ, phải chủ động xây dựng phương án khai thác các nguồn khả năng để tự lực vươn lên. Nói cách khác, nhân tố mới nào ít nhiều cũng phải có bài bản đúng, ít nhiều cũng đã có chiến lược, thành văn hay chưa thành văn, trong đó cụ thể hóa phương hướng chiến lược kinh tế-xã hội mà Đảng đã đề ra với nhiều tìm tòi sáng tạo tổng bố trí cơ cấu kinh tế, tìm thể mạnh, sử dụng khoa học và kỹ thuật, bố trí tổ chức sử dụng cán bộ và lao động, liên doanh liên kết mở rộng giao lưu hàng hóa trong nước và xuất nhập, tạo vốn ban đầu v.v... báo chí nước ta gần đây đã phần nào phản ánh tính phong phú, đa dạng, sự thông minh và sáng tạo trong cách làm ăn của các nhân tố mới. Đó là kho kinh nghiệm quý cho mọi đơn vị và địa phương đang chú trọng sử dụng khi làm phương án.

Có cốt cán lãnh đạo đủ sức, có quyền tự chủ đúng mức, có phương án kinh tế khôn ngoan - đó là 3 nhân tố gắn bó nhau, là điều kiện tối thiểu cần thiết để khởi động cơ chế quản lý mới, biến cơ chế ấy từ nghị quyết chung thành hiện thực ở mỗi cấp.

## **2. Xây dựng "mô hình quốc doanh đầu đàn, chủ đạo trong liên kết"**

Một kinh nghiệm chủ yếu của thành phố là sắp xếp sản xuất theo ngành trên địa bàn lãnh thổ trong đó điều quan trọng là xây dựng những tổ chức kinh tế quốc doanh đầu đàn đủ sức từng bước giành quyền lãnh đạo làm chủ các ngành kinh tế - kỹ thuật và ngành hàng trên phạm vi lãnh thổ qui định, tức là giành quyền chủ đạo trong liên kết.

Ở thành phố Hồ Chí Minh và nhiều nơi đã xây dựng nhiều xí nghiệp, liên hiệp (công ty) đầu ngành làm chức năng sản xuất - kinh doanh theo ngành kinh tế - kỹ thuật (máy may, xe đạp, dệt, đay, bột giặt, chè...) hay ngành hàng (lương thực, rau quả, thực phẩm, bánh hóa...) trên phạm vi lãnh thổ qui định. Trên thực tế những tổ chức ấy đã thực hiện liên doanh liên kết với nhiều ngành và nhiều địa phương, với các thành phần kinh tế khác và liên kết qua xuất nhập để tạo cân đối phát triển. Đây là mô hình mới của kinh tế quốc doanh. Mới ở chỗ quốc doanh không "biệt lập và tự khép kín" như trước đây, mà làm đầu đàn liên doanh liên kết hợp tác. Mô hình mới đó khách quan tạo khả năng cho kinh tế quốc doanh giành quyền lãnh đạo, làm chủ ngành tương ứng. Hơn nữa nó gắn liền với sự phát triển của quan hệ giao lưu hàng hóa. Chính sự phát triển khá cao của kinh tế hàng hóa kiểu tư bản trước đây ở thành phố Hồ Chí Minh trong đó đã hình thành các tổ chức độc quyền, khách quan tạo khả năng (tiền đề) sớm xuất hiện các tổ chức kinh doanh đầu ngành. Nói cách khác, đó là sự phủ định biện chứng - tổ chức quốc doanh xã hội chủ nghĩa thay thế công ty độc quyền tư bản. Từ đó, có thể nói sự phát triển càng cao của sản xuất hàng hóa thể hiện trình độ xã hội hóa cao tương ứng, đã tạo khả năng khách quan tương ứng cho sự tổ chức có kế hoạch, cho kế hoạch hóa theo nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ

nghĩa, phải mở rộng giao lưu hàng hóa và quan hệ thị trường. Chỉ như vậy mới có tiền đề kinh tế cho việc sử dụng 4 nguồn cân đối kế hoạch. Và những liên hiệp công ty quốc doanh sản xuất kinh doanh theo ngành kinh tế - kỹ thuật và ngành hàng như trên nói, là mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh hợp lý nhất tạo khả năng kế hoạch hóa kinh tế trên cơ sở mở rộng giao lưu hàng hóa và thị trường. Và đó cũng là nhân tố chủ yếu giúp xóa bỏ tận gốc cơ chế quản lý hành chính quan liêu - bao cấp là cơ chế luôn kéo theo nạn nagan đồ cấm chợ, tự cấp khép kín cản trở sử dụng 4 nguồn cân đối kế hoạch, gây ra sự thụ động ỷ lại trong sản xuất kinh doanh.

Vấn đề xây dựng các liên hiệp (công ty) theo nguyên tắc ngành - lãnh thổ, với cơ chế hạch toán kinh tế thực sự, là vấn đề cơ bản có ý nghĩa chiến lược trong đổi mới quản lý công thương nghiệp quốc doanh nhằm phát huy vai trò chủ đạo của nó. Vấn đề đó đã được đặt ra mạnh mẽ từ Đại hội lần thứ IV của Đảng, được Đảng và Nhà nước khẳng định lại nhiều lần, nay đã trở thành hiện thực ở nhiều nơi. Đồng thời cần nói rằng còn rất nhiều tổ chức mang tên liên hiệp (công ty) nhưng chưa thoát khỏi cơ chế tập trung quan liêu - bao cấp. Do đó căn bản chưa khác gì các cục, trong khi bộ máy lại nặng nề, công kênh thêm. Cơ chế quản lý mới thật sự theo nguyên tắc hạch toán kinh tế là khâu quyết định nhất để chuyển từ hình thức cục quản lý ngành sang hình thức liên hiệp (công ty) như một khâu chủ yếu trong hệ thống quản lý ngành kỹ thuật và kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ. Đó là mô hình của hệ thống quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật trong đó các vấn đề qui hoạch và tổ chức lại sản xuất, kế hoạch hóa, hạch toán kinh tế và sử dụng đòn bẩy kinh tế, cũng như việc tổ chức quản lý của ngành được giải quyết toàn diện trong mối quan hệ hữu cơ với nhau phù hợp với đặc điểm sản xuất kỹ thuật và thực

trạng kinh tế xã hội của mỗi ngành - lãnh thổ và thực sự đi vào hạch toán kinh tế chắc chắn sẽ góp phần quyết định đưa công thương nghiệp quốc doanh vào quỹ đạo quản lý thống nhất có kế hoạch và phát huy vai trò chủ đạo của nó. Điều đó gắn liền với vấn đề các tổ chức kinh tế ấy được đặt trên cơ sở buôn bán, là vấn đề có nhiều ý kiến khác nhau khi đánh giá nhân tố mới, mà sau đây sẽ bàn tiếp.

### **3.Học tập buôn bán để giành quyền làm chủ toàn bộ quá trình sản xuất xã hội**

Một nét nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của thành phố là mở rộng quan hệ buôn bán trong nước và xuất nhập, thực hiện liên doanh liên kết rộng rãi để khai thác 4 nguồn khả năng cân đối như Đảng và Nhà nước đã chỉ ra. Trong hoạt động kinh doanh buôn bán đó, cùng với mặt tích cực là chủ yếu, cũng đã nảy sinh nhiều hiện tượng cạnh tranh, hối lộ, lạm dụng... do đó gây ra những lo lắng về chạy theo cơ chế thị trường tự phát, về tính vô tổ chức. Những mặt tiêu cực đó là có thật, hơn nữa là không thể hoàn toàn trnahs khỏi mà còn phải biết cảnh giác đương đầu, loại trừ trong khi quan hệ giao lưu hàng hóa được mở rộng như một tất yếu kinh tế, một tiến bộ kinh tế. Vấn đề đặt ra là nắm lấy xu hướng chủ đạo và nhân tố mới trong bước đầu kế hoạch hóa và làm chủ các quan hệ kinh tế có tính hàng hóa. Từ cách đặt vấn đề như vậy có thể thấy rằng các đơn vị và địa phương làm ăn năng động với quyền tự chủ rộng rãi đã tỏ ra có khả năng đưa sản xuất và thị trường của ngành hàng, của địa phương vào quỹ đạo quản lý có kế hoạch. Các đơn vị và địa phương ấy đã không lẩn trốn thị trường mà bắt đầu tấn công thị trường; đã biết thích nghi nhưng không bị cuốn vào tính tự phát từ bỏ kế hoạch, mà dần dần hoạt động như chủ thể nhân danh tính kế hoạch, tính thống nhất, là chủ thể làm chiến lược và qui hoạch sản xuất và lưu thông của địa phương và

ngành. Đã không chạy theo giá cả tự phát của thị trường, mà chỉ thích nghi có mức độ rồi tạo thực lực, giành quyền làm chủ, làm người giữ giá, từng bước đưa giá cả trong lĩnh vực của mình vào quỹ đạo có kế hoạch. Đã không là người tuồn hàng hóa ra thị trường tự do, hoặc tự cô lập với thị trường ấy, mà từng bước trở thành chủ thể nắm thực lực vật tư hàng hóa để làm chủ phân phối theo kế hoạch và chính sách. Đã không làm làm người làm ăn thua lỗ, sống nhờ ngân sách, người giành quyền thu chênh lệch giá, thu tiền mặt, tức giành quyền phân phối lại thu nhập quốc dân thông qua phân phối lưu thông, qua thị trường. Đã không thua kém mà hơn hẳn kinh tế tập thể và tư nhân về năng suất và hiệu quả; về nắm thực lực do đó liên kết, hướng dẫn, cải tạo các thành phần ấy. Xin lưu ý rằng chúng tôi nhấn mạnh nhân tố mới, khả năng mới, xu hướng mới, còn trên thực tế thường chưa có riêng một nhân tố mới nào đã trọn vẹn. Đó là điều tự nhiên. Với vấn đề này V.I Lê-nin đã nói "Nhà nước vô sản phải trở thành một **buôn sĩ** (!) đúng mức, nếu không, Nhà nước vô sản không thể khôi phục được nước tiểu nông này về mặt kinh tế. Ngày nay... bên cạnh Phương Tây tư bản chủ nghĩa..chúng ta không thể tiến lên chủ nghĩa cộng sản bằng con đường nào khác được. Một nhà buôn sĩ, cái đó có vẻ như một điển hình kinh tế cách xa chủ nghĩa cộng sản chẳng khác nào trái đất với mặt trời. Nhưng trong thực tế sinh động, chính đó lại là một trong những mối mâu thuẫn sẽ dẫn chúng ta từ nền kinh tế tiểu nông tiến lên chủ nghĩa xã hội, thông qua tư bản chủ nghĩa Nhà nước"<sup>11</sup>. Chính nhờ bắt đầu buôn bán, như V.I Lê-nin nói và Đảng ta đã đòi hỏi, mà các nhân tố mới, trên thực tế đã từng bước giành quyền làm chủ toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội trong đó có thị trường là lĩnh vực thực hiện sản phẩm hàng hóa. Vậy mà trong dư luận vẫn nghe nhiều lời chê bai với mặc cảm "đi buôn

---

<sup>11</sup> V.I. Lê Nin. Toàn tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. Tập 44, trang 190

là xấu" "căn chệnh lệch giá là xấu" bất kể là đi buôn lấy lời cho ai. Lời chê bai ấy vô tình muốn giành quyền buôn và ăn chệnh lệch giá cho tư thương và bọn lạm dụng. Có thể nói luận đề của V.I Lê-nin về vai trò của việc Nhà nước vô sản làm nhà buôn, lấy đó làm mấu xích chính là một trong những luận đề lớn nhưng khó hiểu nhất với người cộng sản bình thường khi nghiên cứu và vận dụng học thuyết Mác - Lê-nin về thời kỳ quá độ. Hầu như nhất nhất phải qua thực tế, ít nhiều trả giá thì mới có thể ngày càng hiểu được luận đề đó.

#### **4. Tính kế hoạch và tính đồng bộ trong sử dụng công cụ đòn bẩy kinh tế**

Kinh nghiệm của các nhân tố mới trong thành phố còn gọi ra phương án sử dụng các công cụ kinh tế trong lĩnh vực phân phối lưu thông là vấn đề kinh tế phức tạp và rối ren nhất là hiện nay. Từ thực tiễn của các đơn vị và địa phương đã từng bước làm chủ tình hình kinh tế như trên nói càng thấy rõ tính đúng đắn của những quan điểm có tính nguyên tắc mà nhiều nghị quyết của Đảng đã đề ra cho việc xử lý các vấn đề phân phối lưu thông. Theo những nghị quyết của Đảng thì tiêu chuẩn cao nhất để xét sự đúng sai của các chính sách cụ thể ấy là thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao đời sống quần chúng, củng cố quan hệ sản xuất mới và thúc đẩy cách mạng quan hệ sản xuất nói chung. Tiêu chuẩn quan trọng nữa là bảo đảm kết hợp thống nhất các lợi ích kinh tế theo quan điểm xã hội chủ nghĩa. Từ 2 tiêu chuẩn đó, tự nhiên phải sử dụng các đòn bẩy ấy theo kế hoạch, lấy kế hoạch làm công cụ liên kết thống nhất vận dụng các đòn bẩy nhằm mục tiêu kinh tế - xã hội thống nhất và bảo đảm kết hợp thống nhất các lợi ích. Kế hoạch của các địa phương, các đơn vị và các ngành phải là công cụ liên kết định hướng và thống nhất sử dụng mọi công cụ đòn bẩy kinh tế: với quan điểm phân cấp làm chủ kế hoạch, sử dụng 4 nguồn cân đối kế hoạch kế hoạch



hóa thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đương nhiên cũng phân cấp làm chủ các công cụ đòn bẩy kinh tế một cách tương ứng. Không làm như vậy thì phân cấp làm chủ kế hoạch và hạch toán kinh tế sẽ là vô nghĩa. Và quyền tự chủ của các cấp, các tổ chức kinh tế với tư cách chủ thể sản xuất hàng hóa và kinh doanh trong thị trường, sẽ là vô nghĩa như không bao gồm quyền tự chủ về sử dụng vũ khí công cụ đòn bẩy kinh tế. Việc sử dụng các công cụ đòn bẩy kinh tế theo hệ thống ngành chức năng là chính như lâu nay và hiện nay, với mong muốn bao đảm tập trung thống nhất cao độ, nhưng thực tế ngày càng là sự bất lực buông lỏng cho tính tự phát. Đó là vì mỗi ngành chức năng tiên cho mục tiêu chức năng, các thể chế riêng biệt đối lập và vô hiệu hóa lẫn nhau, cản trở sản xuất kinh doanh, dẫn tới tình hình không đáng có - sự "vượt rào thể chế" phổ biến như một điều không thể tránh khỏi đối với các nhân tố mới. Việc sử dụng các công cụ đòn bẩy kinh tế theo từng ngành chức năng riêng biệt là một đặc điểm của cơ chế quản lý tập trung quan liêu - bao cấp, là mặt chậm được khắc phục nhất của cơ chế ấy, đã và đang cản trở xác lập cơ chế quản lý mới thích hợp. Về nguyên tắc, phải đổi mới chiến lược sử dụng các công cụ đòn bẩy kinh tế theo hướng lấy kế hoạch làm công cụ chủ đạo để định hướng liên kết và sử dụng đồng bộ các công cụ đòn bẩy. Nói cách khác, đó là vấn đề kế hoạch hóa gắn liền với sử dụng các công cụ đòn bẩy kinh tế thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa - vấn đề trung tâm của cơ chế quản lý, mà sau đây sẽ đề cập.

### **5. Cơ chế kế hoạch hóa - khâu trung tâm của cơ chế quản lý mới:**

Cũng từ kinh nghiệm của những nhân tố mới trong thành phố, có thể nhận thức rõ hơn cơ chế kế hoạch hóa theo quan điểm phân cấp làm chủ tập thể thấu suốt nguyên tắc hạch toán

kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa mà Đại hội lần thứ V của Đảng đã xác định như khâu trung tâm của cơ chế quản lý kinh tế. Sau đây làm rõ thêm một số nguyên tắc đặc trưng nhất của cơ chế ấy.

**Một là**, nguyên tắc tự chủ kinh doanh có hiệu quả tự bù đắp và làm nghĩa vụ một cách bình đẳng, hợp lý. Nói cách khác mỗi cấp, mỗi đơn vị phải tự chủ xây dựng và thực hiện phương án kế hoạch kinh tế có căn cứ, mang tính tối ưu và bảo đảm kết hợp thống nhất lợi ích giữa cá nhân, tập thể và toàn xã hội, xem đó là sự cụ thể hóa cương lĩnh chung của cả nước, thành cương lĩnh của cấp mình, được cấp trên chỉ đạo hướng dẫn kiểm tra. Trong phương án kế hoạch đó các công cụ đòn bẩy tài chính, tiền tệ, giá cả, tiền lương... được bố trí đồng bộ phục vụ mục tiêu.

**Hai là**, nguyên tắc quan hệ hợp đồng kinh tế trong giao nhận và cân đối xác định nhiệm vụ kế hoạch. Nói cách khác, trong xây dựng và thực hiện kế hoạch phải giữ bộ 3: nhiệm vụ kế hoạch phải có cân đối và cân đối phải được cam kết bằng hợp đồng. Hợp đồng kinh tế trở thành tài liệu gốc, văn bản gốc của kế hoạch, của kế toán, kiểm tra, xử lý tranh chấp.

Nguyên tắc này bảo đảm tính cân đối và tạo điều kiện thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, uốn nắn, điều tiết thống nhất trên cơ sở phân cấp kế hoạch hóa. Nó cũng bảo đảm nâng cao tính pháp lý, tính hợp pháp và trật tự luật pháp của các quan hệ mua bán, liên doanh liên kết, trong đó không những các nhiệm vụ kế hoạch và quan hệ mua bán đều có cơ sở pháp lý. Với nguyên tắc này đã thay đổi quan niệm về xét duyệt kế hoạch và vấn đề giao nộp sản phẩm. Có thể nói toàn bộ kế hoạch của mỗi cấp đều chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, uốn nắn của cấp trên. Nhưng cấp trên chỉ cân đối bảo đảm và do đó buộc thực hiện một phần. Quan hệ cung cấp, tiêu thụ là quan hệ mua bán giữa các chủ thể trao đổi

hàng hóa bình đẳng theo hợp đồng, kể cả hợp đồng có liên quan đến kế hoạch do cấp trên bố trí và hợp đồng trong quan hệ ngang.

**Ba là**, hạch toán đúng và đầy đủ chi phí theo nguyên tắc tự bù đắp, lời ăn lỗ chịu trên cơ sở sửa đổi chế độ giá cả và tiền lương. Cần dứt khoát từng bước loại trừ tình trạng tính chi phí sản xuất loại trừ tình trạng tính chi phí sản xuất không đầy đủ do chế độ lương và giá cung cấp. Cũng cần loại trừ tình trạng kế toán theo "chứng từ giả tạo" mà phần quan trọng là để đối phó với thể chế không hợp lý. Phải hạch toán chi phí theo giá cả và các chi phí trên cơ sở các điều kiện của phương án kinh tế cụ thể, của hợp đồng kinh tế, để phản ánh đúng và đầy đủ các chi phí. Nói tóm lại, phải chuyển hẳn từ cách hạch toán thu chi theo nguyên tắc tự chủ, tự bù đắp, tức là tự lo chi thu sao cho có hiệu quả, tự lo tính toán tiết kiệm, tự tránh mọi lãng phí.

**Bốn là**, chế độ định kỳ kiểm tra đánh giá. Trong điều kiện chưa thể có qui chuẩn hóa đúng đắn và ổn định, chế độ kiểm tra đánh giá cần định rõ những tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá kết luận. Cần coi trọng việc phân tích cụ thể tình hình cụ thể một cách khách quan, để tạo căn cứ cho việc khuyến khích về kinh tế. Đó chính là chế độ kiểm kê kiểm soát thiết thực, cụ thể và có hiệu lực, nhằm bảo đảm thống nhất các lợi ích kinh tế, chống khuynh hướng cục bộ bản vị.

Một chế độ quản lý thích hợp như vậy tạo khả năng phát huy tính chủ động sáng tạo của các cấp và quần chúng; đồng thời tạo khả năng nâng cao chất lượng quản lý tập trung thống nhất, đúng như V.I. Lê - nin đã nói "Chính sách kinh tế mới không thay đổi kế hoạch kinh tế thống nhất của Nhà nước và không vượt ra ngoài giới hạn của kế hoạch đó, nhưng thay đổi biện pháp thực hiện kế hoạch đó" (1)

Cơ chế quản lý thích hợp với khâu trung tâm là cơ chế kế hoạch hóa theo quan điểm phân cấp làm chủ tập thể thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, là sự vận dụng tổng thể qui luật kinh tế xã hội và qui luật tổ chức, quản lý nói riêng. Đó là cơ chế tất yếu, ưu việt nhất nhưng việc thực hiện không đơn giản, nhẹ nhàng. Nó không thể tự phát tự động thực hiện, mà giả định ở các cơ sở, các địa phương, các ngành sản xuất kinh doanh có chủ thể tự giác đủ sức thực hiện, đủ sức phát huy tự chủ năng động đồng thời đi đúng quỹ đạo của kế hoạch kinh tế quốc dân thống nhất theo tinh thần 3 cấp làm chủ và làm chủ trên cả 3 cấp. Bởi vậy sự sắp xếp hợp lý về tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý, sự tăng cường về cán bộ, theo phương hướng mà Đại hội V và các nghị quyết của Trung ương đòi hỏi, là điều kiện bảo đảm kế hoạch hóa và quản lý theo cơ chế mới được triển khai thực hiện.

Nước ta tuy chậm phát triển về kinh tế, nhưng có tiềm lực lớn về tổ chức cán bộ và về văn hóa, khoa học - kỹ thuật. Đó là một đặc điểm của nước ta, khác với các nước cùng trình độ kinh tế. Nói riêng trình độ cán bộ của các cơ sở, các huyện, quận, liên hiệp (công ty), các ngành kinh tế - kỹ thuật và các tỉnh thành của nước ta hiện nay, sau gần 40 năm có chính quyền cách mạng và gần 10 năm cả nước được giải phóng trải qua thực tiễn vừa làm vừa tích lũy kinh nghiệm, kiến thức và cán bộ, nay đã có vốn quý đủ để từng bước triển khai đổi mới quản lý và kế hoạch hóa với trình độ chung hiện nay của chủ nghĩa xã hội. Đó là nguyên nhân quan trọng tạo thành hoạt động thực tiễn sáng tạo năng động đã diễn ra phổ biến ở cấp cơ sở, cấp huyện, quận và liên hiệp (công ty) đến cả các tỉnh thành và ngành kinh tế - kỹ thuật là cấp có tầm cỡ kinh tế quốc dân.

Với tất cả tính phức tạp và mờ mịt, thiếu sót của quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta hiện nay, sự đổi mới ấy

đã đạt những bước tiến thật sự. Tuy nhiên, nhiệm vụ còn nặng, vấn đề là rút kinh nghiệm, học tập để từng bước tạo lập cơ chế quản lý mới ngày càng hoàn thiện, bảo đảm từng bước nâng cao hiệu lực quản lý tập trung thống nhất trên cơ sở tiếp tục phát huy dân chủ, chủ động sáng tạo của các cấp và quần chúng theo quan điểm làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

### III. KHOÁN SẢN PHẨM TRONG NÔNG NGHIỆP, DIỄN HÌNH NỔI BẬT CỦA ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH KINH TẾ CHUYÊN SANG CƠ CHẾ HẠCH TOÁN, KINH DOANH

#### **Khoán sản phẩm - khâu then chốt của quá trình đổi mới chính sách kinh tế và cơ chế quản lý**

Khoán sản phẩm đến người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp đã đem lại hiệu quả kinh tế to lớn, không thể nghi ngờ được. Hơn nữa nó còn tác động tích cực đến toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mặt khác phong trào khoán cũng đặt ra nhiều vấn đề và cũng có một số lệch lạc cần xử lý, uốn nắn. Một hình thức tổ chức và quản lý kinh tế tưởng như không lớn lại có thể gây tác động dây chuyền lớn như thế chính vì nó được đặt trên cơ sở đổi mới căn bản chính sách kinh tế và cơ chế quản lý nông nghiệp được Đảng và Nhà nước thi hành, nhất là từ Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa IV. Khoán sản phẩm đã diễn ra như khâu then chốt để triển khai đổi mới chính sách kinh tế và cơ chế quản lý trên 3 mặt: Chính sách lương thực từ định suất và thu mua chuyển sang ổn định nghĩa vụ lương thực và trao đổi hàng hóa, chính sách khuyến khích kinh tế gia đình dưới sự chủ đạo của kinh tế tập thể; cơ chế quản lý kinh tế

từ quan liêu - bao cấp sang quản lý có kế hoạch gắn với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Không có 3 chính sách lớn được đổi mới như thế thì không có phong trào khoán. Bởi vậy, việc đánh giá thành quả, thiếu sót và triển vọng của khoán sản phẩm phải đặt trong hệ thống chính sách và biện pháp đổi mới và những mặt cơ bản nói trên. Khoán sản phẩm là tấm gương phản ánh quá trình đổi mới ấy. Thái độ hưởng ứng mạnh mẽ, tha thiết của đông đảo nhân dân tập thể với khoán sản phẩm là sự hưởng ứng của họ đối với chính sách ổn định nghĩa vụ và trao đổi hàng hóa nông sản, nhất là lương thực, hưởng ứng chính sách khuyến khích kinh tế gia đình và cơ chế quản lý mới. Nông dân Nam Bộ cũ làm đơn xin vào tập đoàn với điều kiện thực hiện Chỉ thị 100 chính là hưởng ứng 3 đổi mới cơ bản đó. Mặt khác, những phản ứng tiêu cực của nông dân xảy ra trong quá trình thực hiện khoán sản phẩm cũng phản ánh mặt chưa hoàn thiện của chính sách kinh tế và quản lý. Chẳng hạn, nếu nông dân không có quyền hay bị hạn chế quyền tự do bán lương thực thực phẩm thừa sau khi làm nghĩa vụ, thì dù phải nhận khoán, họ cũng không đầu tư thêm để vượt khoán, vì như vậy sẽ lỗ vốn. Trong việc cụ thể hóa và vận dụng chính sách lương thực hiện nay, phải chăng còn những bất hợp lý trong quan hệ giữa Nhà nước và hợp tác xã? Mức nghĩa vụ ổn định dựa trên cơ sở qui định của những năm trước đã gây thiệt thòi cho hợp tác xã cao trong điều kiện được ưu tiên cung cấp vật tư giá rẻ, nay nghĩa vụ vẫn cao, mức khoán phải đặt cao, mà ưu tiên thì không còn. Đó là lý do kinh tế của việc nông dân nhiều hợp tác xã tiên tiến khó nhận khoán. Rõ ràng là những hợp tác xã mới vươn lên nhanh về năng suất nhờ khoán sản phẩm đã có lợi hơn nhiều, vì mức nghĩa vụ tương đối thấp. Nghiên cứu xác định lại mức nghĩa vụ ổn định cho các hợp tác xã một cách có căn cứ, công bằng và hợp lý hơn, là vấn đề cần đặt ra. Tương quan giữa

giá cả hàng hóa hợp tác xã cho Nhà nước (lương thực, nông sản), giá cả hàng gia công (nghề tiểu thủ công), với giá cả hàng hóa Nhà nước bán đối lưu cũng như giá dịch vụ kỹ thuật, nhiều trường hợp còn làm cho hợp tác xã lỗ vốn, xã viên không thể hăng hái nhận khoán nếu thua lỗ. Tình hình đó cộng thêm tệ ăn bớt, hối lộ của một số cán bộ trong các cơ quan có quan hệ với hợp tác xã, đã làm yếu kinh tế tập thể, lấn vào quỹ tập thể, trước hết là lấn vào quỹ tích lũy tái sản xuất mở rộng để tăng tài sản không chia. Do vậy cũng sẽ hạn chế khả năng mở rộng ngành nghề và mở rộng khoán ra những ngành nghề mới.

Thành quả và những thiếu sót của khoán sản phẩm cũng gắn liền với tính đồng bộ, toàn diện trong đổi mới quản lý. Nếu không có biện pháp bảo đảm tương quan hợp lý về thu nhập giữa các ngành nghề và công việc trong hợp tác xã thì sẽ có tình trạng nông dân bị hút vào khâu có lợi nhất như dồn sức làm khoán lúc và lợn, đến mức người lao động các đội chuyên khâu và cán bộ quản lý vì chạy theo làm ruộng khoán mà xao lãng nhiệm vụ chính. Đàn trâu bị sử dụng thái quá vì khoán lúa, mà chưa khoán chăm sóc sử dụng trâu. Người nông dân nhận khoán đòi có kế hoạch cân đối, bảo đảm lợi ích và chịu trách nhiệm 2 chiều. Nhưng nếu cấp trên không làm kế hoạch theo tinh thần chịu trách nhiệm 2 chiều đối với hợp tác xã, thì sẽ gây ra tình trạng vi phạm hợp đồng từ phía trên xuống, làm cho hợp tác xã không bảo đảm nổi những khâu mà tập thể phải làm, do đó đẻ ra khoán trắng, làm hỏng cơ chế khoán.

Sự thống nhất 3 lợi ích liên quan nhiều nhất đến mức khoán và những điều kiện phải tuân theo trong kế hoạch hợp đồng giao khoán. Đặt mức khoán cao hay thấp đều không tốt, nhưng đặt quá cao, đến mức nào đó thì khoán không còn tác dụng kích thích nữa. Thực tế đôi chỗ đã xảy ra tình trạng đặt mức khoán cao và ép nhận khoán như nghĩa vụ bắt buộc. Đó là

nguyên nhân kinh tế của tình hình một số hợp tác xã tiên tiến phải chịu mất vị trí dẫn đầu về năng suất. Điều phức tạp hơn nữa là sự lờ lững của người nông dân nhận khoán chịu tác động trực tiếp và rất nhạy của giá cả trên thị trường. Tùy tình hình giá cả mà họ điều chỉnh mức độ và hướng đầu tư vào những cây, con và nghề khác nhau. Lãnh đạo phải tính đến điều đó để sử dụng hợp lý và khôn khéo các quan hệ thị trường, giá cả để kích thích sản xuất theo những mục tiêu của chiến lược và kế hoạch kinh tế quốc dân. Khi thương nghiệp Nhà nước tổ chức được việc trao đổi hàng hóa với nông dân theo nguyên tắc kế hoạch hợp đồng với giá cả hợp lý thì vấn đề đỡ phức tạp hơn nhiều. Có thể nói việc định mức giao khoán và những điều kiện phải tuân theo là vấn đề quan trọng hàng đầu, đồng thời là vấn đề phức tạp phải được thường xuyên chú ý lãnh đạo, hướng dẫn. Đây còn là vấn đề quan trọng của dân chủ kinh tế trong hợp tác xã, phải được xác định có căn cứ, có dân chủ, có lãnh đạo, để tránh cả tệ quan liêu gò ép quần chúng cũng như sự buông lỏng, tùy tiện hạ mức khoán.

Một vấn đề quan trọng lâu nay đã đặt ra trong hợp tác xã là mở thêm ngành nghề, tìm thêm việc làm, khắc phục tình hình thừa lao động. Đây cũng là một vấn đề lớn của chiến lược kinh tế. Nếu không giải quyết tốt, vừa thừa người thiếu việc thì không tránh khỏi tình trạng giao ruộng theo nhân khẩu và phải đặt mức khoán thấp để những người khó khăn neo đơn có thể chấp nhận, tức là giao ruộng khoán theo nguyên tắc ăn chia chứ chưa phải là phân công hợp lý. Trong khoán sản phẩm, nếu không đồng thời có biện pháp mới và hợp lý để ưu đãi người có công, trợ giúp người neo đơn, khó khăn thì sẽ không có lợi về chính trị và quốc phòng. Song vấn đề ưu đãi và trợ giúp chỉ có thể được giải quyết cơ bản trong điều kiện mọi người có đủ việc làm hợp với khả năng và sản xuất của tập thể phải đạt hiệu quả cao.



Một nét độc đáo của khoán sản phẩm là nó gắn với chính sách khuyến khích kinh tế gia đình. Có thể nói khoán sản phẩm mang những đặc trưng vốn có của cơ chế quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa như tính kế hoạch, nguyên tắc hạch toán kinh tế, phân phối theo lao động, trách nhiệm vật chất v.v. đồng thời nó cũng là phương thức kết hợp chặt chẽ kinh tế tập thể với kinh tế gia đình, phát huy mạnh mẽ mọi khả năng kinh tế gia đình, dưới sự chủ đạo của kinh tế tập thể. Với khoán sản phẩm, kinh tế gia đình không dân thay đổi căn bản về phạm vi hoạt động: từ chỗ hạn chế trên mảnh đất phần trăm và đất vườn (mà nhiều gia đình không có) đã được mở rộng ra toàn bộ diện tích ruộng, vườn, ao, gia súc..v.v. nhận khoán. Phạm vi tự bỏ vốn chăn nuôi cũng được mở rộng. Nói cách khoán, khả năng về lao động, công cụ và vốn sản xuất của gia đình đã tìm được chỗ để phát huy, sử dụng với hàng tỉ đồng tiền vốn; hàng chục triệu lao động đủ loại, với khả năng thâm canh tinh vi vốn có.

Điều đáng lưu ý là những bản khoán hiện nay về khoán sản phẩm thường có liên quan tới vấn đề sử dụng kinh tế gia đình, coi kinh tế gia đình là cái mang tính tư hữu. Được phát huy được tái sản xuất mở rộng như vậy, nó sẽ gây nguy cơ gì cho cách mạng quan hệ sản xuất? Phải chăng đằng sau hiệu quả kinh tế của sản xuất là nguy cơ tư hữu hóa? Đó là những bản khoán không đúng. Cuộc sống đã chứng tỏ rằng không thể lập tức xóa bỏ mọi tư liệu, thay tất cả bằng quốc doanh và tập thể, bất kể trình độ của lực lượng sản xuất. Chúng ta không được tự do chọn lựa quan hệ sản xuất “tiên tiến” mà không bị tự do lựa chọn quan hệ sản xuất thấp kém hạn chế. Xóa hoặc hạn chế kinh tế gia đình trong điều kiện đã có kinh tế tập thể ở những khâu và vị trí quyết định, có nghĩa là xóa bỏ hay hạn chế một lực lượng sản xuất mà chỉ hình thức kinh tế gia đình mới phù hợp. Điều quan trọng có tính nguyên tắc còn là kinh tế gia đình ở đây không

phải là kinh tế tư hữu cá thể nguyên vẹn như ở môi trường chính trị kinh tế của chế độ tư hữu trước đây. Kinh tế gia đình có một số yếu tố nào đó còn mang tính tư hữu, nhưng nó tồn tại trong môi trường kinh tế mà quốc doanh và tập thể là chủ yếu, chủ đạo, trong môi trường chính trị của chuyên chính vô sản. Bởi vậy, nó là bộ phận của kinh tế tập thể. Có thể nói đó là một hình thức kinh tế quá độ, còn tồn tại lâu dài trong giai đoạn xã hội chủ nghĩa. Đương nhiên, những hình thức cụ thể của việc phát triển kinh tế gia đình sẽ không ngừng thay đổi theo sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Trên thực tế, khoán sản phẩm gắn với chính sách sử dụng và khuyến khích kinh tế gia đình, đã khơi dậy một phong trào gia đình nông dân tập thể gắn bó với hợp tác xã để phát triển sản xuất, tăng sản lượng, tăng năng suất, và tiết kiệm khá cao cho xã hội, cho tập thể và gia đình. Qua đó, tính ưu việt của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được thể hiện và tỏ rõ sức sống mạnh mẽ của nó. Với cách làm ăn mới, hàng loạt hợp tác xã yếu kém đã trỗi dậy, năng nổ hơn và lành mạnh hơn. Nông dân ở những nơi có tổ chức hợp tác xã, hoặc đang chuẩn bị, hoặc xin ra hợp tác, đã tìm thấy một hình thức thích hợp về tổ chức lao động và phân phối, trong đó có chỗ đứng của kinh tế gia đình họ, nên càng hăng hái và vững tâm đi vào làm ăn tập thể.

Sự kết hợp kinh tế tập thể và kinh tế gia đình đã mở ra khả năng lớn về tăng vụ, xen canh và nói chung là thâm canh ngày càng cao, thực hiện “làm ruộng như làm vườn”. Phải chăng có thể nói đó là điều kiện thâm canh độc đáo của chúng ta trong điều kiện diện tích canh tác bình quân đầu người thấp, nhưng khí hậu cho pháp gieo trồng quanh năm; đặc biệt là có nguồn lao động dồi dào, có văn hóa, có kỹ năng có thể sử dụng những thành tựu khoa học – kỹ thuật mới, ngay khi đại công nghiệp chưa phát triển. Kiểu thâm canh đó chắc còn có ý nghĩa lâu dài.

Rất cần đi sâu nghiên cứu những hình thức tổ chức kinh tế, xã hội của việc thực hiện thâm canh như thể trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp. Ở đây, cũng cần lưu ý rằng khi bàn sâu về khoán sản phẩm đến cá nhân, không thể coi đó là hình thức tổ chức lao động và thù lao duy nhất hiện nay. Thực tế ở các đơn vị sản xuất đã và đang đồng thời áp dụng các hình thức khoán sản phẩm, khoán khâu công việc, hoặc cho cá nhân hoặc cho tập thể. Hơn nữa, còn có hình thức trả công theo chức vụ, theo thời gian có thưởng v.v. Ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em có nền kinh tế đã phát triển, vẫn đồng thời tồn tại các hình thức tổ chức lao động và thù lao ấy; chúng luôn được đổi mới, hoàn thiện và áp dụng tùy theo những điều kiện cụ thể từng nơi, từng lúc.

Trong điều kiện của nước ta, khoán sản phẩm đến người lao động trong nông nghiệp còn chưa đựng những khả năng kinh tế không nhỏ, cần tiếp tục phát hiện, khai thác.

Để huy động được những khả năng ấy, phải biết sử dụng kinh tế gia đình một cách khôn ngoan, mạnh dạn, trên cơ sở củng cố và tăng cường kinh tế quốc doanh và tập thể. Có nhiều vấn đề mới, phức tạp về lý luận và thực tiễn có liên quan đến những hình thức kết hợp kinh tế gia đình với kinh tế tập thể còn phải tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn.

### **Tác động kinh tế - xã hội và một số vấn đề đặt ra từ phong trào khoán sản phẩm.**

Khoán sản phẩm là một hình thức tổ chức và quản lý kinh tế đem lại hiệu quả về nhiều mặt. Ở đây chỉ xin lưu ý một nét đặc biệt trong kinh tế quốc dân của khoán sản phẩm, thường chưa được đánh giá hết, đó là hiệu quả huy động vốn sản xuất của kinh tế gia đình. Có thể xem xét hiệu quả huy động vốn ấy trên một số điểm.

1. Khoán sản phẩm thúc đẩy người nông dân vì lợi ích thiết thân, ra sức dành vốn đầu tư vào sản xuất, làm tăng thêm tỉ trọng tích lũy tái sản xuất trong tổng sản phẩm xã hội và thu nhập ngành nghề, cho việc áp dụng cách mạng khoa học – kỹ thuật;

2. Vì lợi ích kinh tế mà nông dân sử dụng mọi nguồn vốn và đầu tư và tư liệu sản xuất của tập thể và gia đình với hiệu quả cao hơn, điều đó cũng tương đương như vốn tích lũy;

3. Do quan tâm đến tái sản xuất, nông dân tự giác hạn chế tiêu dùng ở mức cần thiết. Như vậy ta có khả năng làm cho vấn đề tiết kiệm tiêu dùng để tích lũy phục vụ tái sản xuất thật sự mang tính xã hội, tính quần chúng, khác với tình hình đã xảy ra trong cơ chế quản lý quan liêu – bao cấp: chỉ có Nhà nước và tập thể lo tích lũy tái sản xuất, còn người lao động chỉ lo tiêu dùng. Phải chăng đây là một nét độc đáo của tích lũy ban đầu trong điều kiện sản xuất còn phổ biến. Trong đó một bộ phận quan trọng vốn sản xuất xã hội còn phân tán trong tay những người nông dân, chưa tích lũy thành vốn lớn.

Nếu như hiệu quả kinh tế là kết quả hiển nhiên dễ thấy, thì tác động của khoán sản phẩm đến tư tưởng, tâm lý nông dân, **đến sự hình thành người nông dân mới** là vấn đề phức tạp hơn. Phải chăng, với khoán sản phẩm, người nông dân cũ, tư hữu, đầu cơ, thiết tính tập thể và tính tổ chức kỷ luật...? Hoàn toàn không phải như vậy.

Khoán sản phẩm với tư cách một hình thức tổ chức lao động và phân phối hợp lý, công bằng, hợp quy luật sẽ góp phần tích cực vào việc xây dựng người nông dân mới. Đó là khả năng khách quan. **Trước hết**, con người mới được tạo thành thông qua hoạt động lao động kiểu mới. Khoán sản phẩm với cách tổ chức lao động hợp ý, vừa có tổ chức, có kế hoạch với những điều kiện ràng buộc đơn giản, nhưng cũng đủ chặt chẽ về kinh tế - kỹ

thuật. Mặt khác, cách khoán đó vẫn dành được khoảng tự do khá rộng cho người lao động phát huy tinh thần làm chủ, tự chủ, khiến cho người lao động tăng thêm tính tự giác, say mê sáng tạo, với năng suất cao v.v... Kiểu tổ chức lao động như thế rất xa lạ với lao động tập thể kiểu hình thức gò bó. Cần lưu ý rằng trong công nghiệp hiện đại của thế giới, ngay cả ở nhiều nước tư bản cũng đang có xu hướng mở rộng hình thức tổ chức lao động theo kiểu khoán gọn tương tự như trên, thay cho kiểu tổ chức lao động gò bó cứng nhắc theo thời gian và sự kiểm tra can thiệp vụ vật, khiến cho lao động của con người chỉ còn là hoạt động máy móc, thụ động. **Thứ hai**, khoán sản phẩm quán triệt quan điểm kết hợp, thống nhất 3 lợi ích, đã khách quan tạo ra sự ràng buộc thật sự bằng lợi ích kinh tế giữa người nông dân với tập thể và xã hội theo nguyên tắc: muốn có lợi ích cho mình thì đồng thời và trước hết là phải thực hiện đúng hợp đồng khoán, tức làm lợi cho tập thể, cho xã hội, trong đó có mình. Sự kết hợp, thống nhất 3 lợi ích như thế chính là cơ sở kinh tế của chế độ làm chủ tập thể trong điều kiện chế độ công hữu đã là chủ đạo, nhưng lợi ích kinh tế của cá nhân người lao động còn là tất yếu kinh tế. Chính sự bảo đảm bình quân cho lợi ích mọi cá nhân, cũng như sự xem thường lợi ích cá nhân trong cách quản lý cũ, mới là nguyên nhân gây ra chủ nghĩa cá nhân theo kiểu ỷ lại, dựa dẫm vào tập thể, hoặc ngược lại mạnh ai nấy lo, kết quả đều gây tổn thất cho cả 3 lợi ích, làm gay gắt thêm mâu thuẫn giữa 3 mặt lợi ích, làm mất cơ sở kinh tế của sự thống nhất ý chí và hành động tổng chế độ làm chủ tập thể. Có thể nói khi cơ chế khoán được thực hiện tốt thì tác động của nó đến sự hình thành con người mới chính là tác động của kiểu tổ chức lao động và tổ chức kinh tế của chủ nghĩa xã hội, mà khoán sản phẩm là một trường hợp cụ thể, một điển hình tốt.

Tuy nhiên, cũng như mọi hình thức, tổ chức lao động và tổ chức kinh tế khác, khoán sản phẩm không phải là cái hoàn thiện, trọn vẹn ngay từ đầu. Nó không phải là cơ chế có thể tự động khắc phục mọi nhân tố tiêu cực trong con người nông dân, người quản lý, mà là quá trình đấu tranh nội bộ phức tạp để khắc phục tính tư hữu ích kỷ của người nông dân, cũng như tệ quan liêu vi phạm lợi ích của quần chúng. Chính cuộc đấu tranh ấy vừa là đẩy tranh để hoàn thiện cơ chế khoán và cơ chế quản lý, đồng thời là quá tình đấu tranh góp phần xây dựng người nông dân mới, người quản lý mới, người cán bộ và đảng viên tốt. Trong cuộc đấu tranh nội bộ ấy, đương nhiên phải kết hợp sử dụng toàn diện các biện pháp kinh tế, tổ chức hành chính và giáo dục. Biện pháp kinh tế là quan trọng, nhưng không thể chỉ đơn thuần dùng biện pháp kinh tế. Đó là đòi hỏi có tính quy luật của quá trình đồng thời tiến hành 3 cuộc cách mạng và tăng cường chuyên chính vô sản để xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới và con người mới.

Khoán sản phẩm và những đổi mới về chính sách và cơ chế quản lý gắn liền với nó còn **tác động tích cực đến tiến trình cách mạng kỹ thuật và cách mạng quan hệ sản xuất**. Hiện tượng nổi bật trong lĩnh vực này, khiến cho việc đánh giá tác động kinh tế - xã hội của khoán sản phẩm trở nên phức tạp, đó là sự kiện khoán sản phẩm một mặt thúc đẩy mở rộng và hoàn thiện hợp tác, thúc đẩy đổi mới kỹ thuật: mặt khác cũng làm đảo lộn nhiều cái vốn được coi là “thành quả” và niềm “tự hào” của cách mạng kỹ thuật, cách mạng quan hệ sản xuất, là “dấu hiệu đặc trưng” của sản xuất lớn. Đó là những nhà kho, sân phơi, các loại máy móc, chuồng trại tập thể quy mô lớn, hợp tác xã và đội quy mô lớn, v.v. Những đảo lộn ấy là có thật, mà nếu xét bề ngoài thì có vẻ đáng lo. Đó là tất cả các phương tiện kỹ thuật, các hình thức tổ chức và quản lý đều được xem xét theo quan điểm lợi ích kinh

tế, hiệu quả kinh tế là quan điểm cơ bản của sự đổi mới quản lý. Sự đảo lộn đã xảy ra chẳng qua chỉ là sự chọn lọc lại có tính tất yếu kinh tế. Hợp tác xã theo chế độ hạch toán kinh tế thật sự, cũng như người nông dân nhận khoán, tất yếu phải sử dụng kỹ thuật mới, sử dụng hình thức và phương pháp quản lý với con mắt đánh giá chọn lọc của người kinh doanh, chứ không thể sử dụng như vật xin được trong cơ chế bao cấp.

Có thể nói khoán sản phẩm gắn liền với sự đổi mới chính sách kinh tế và cơ chế quản lý, đã đem lại sự thay đổi căn bản về quan điểm kinh tế trong cách mạng khoa học – kỹ thuật và cách mạng quan hệ sản xuất, góp phần tạo ra sức mạnh mới để thúc đẩy 2 cuộc cách mạng ấy. Đối với cách mạng khoa học – kỹ thuật, có mấy nhân tố mới có ý nghĩa quan trọng sau đây:

1. Nguồn vốn làm cách mạng kỹ thuật không còn chỉ dựa vào Nhà nước như trước mà đã được khơi thêm từ kinh tế gia đình. Vậy là cách mạng khoa học – kỹ thuật có thêm nguồn tích lũy để thực hiện;

2. Mọi biện pháp khoa học – kỹ thuật được quần chúng nắm bắt, áp dụng vì lợi ích thiết thân, do đó đem lại hiệu quả cao, làm cho khoa học – kỹ thuật càng được coi trọng;

3. Do 2 nhân tố trên, cách mạng khoa học – kỹ thuật càng mang tính quần chúng, đem lại lợi ích kinh tế càng lớn. Có thể nói cách mạng khoa học – kỹ thuật đã được tiến hành theo phương châm “Nhà nước và nhân dân hợp sức cùng làm”, không còn đơn thuần trông cậy vào sự cấp phát kình phí từ trên xuống.

**Tác động của khoán sản phẩm với cách mạng quan hệ sản xuất** là vấn đề có một số người còn lo ngại, mặc dù trên thực tế nó đã thúc đẩy mở rộng hợp tác hóa và cải tiến quản lý hợp tác xã nói chung. Sự lo ngại đó thể hiện trên một số khía cạnh: sự gia tăng nhân tố phân phối theo vốn có thể làm yếu nguyên tắc

cơ bản phân phối theo lao động? Sự phi tập trung hóa trong quản lý và nguy cơ khoán trắng? v.v.

Xét trên thực tế chế độ tư hữu trong điều kiện sử dụng kinh tế gia đình có những nhân tố mới sau đây:

1. Bản thân tư liệu sản xuất công hữu, sau khi giao khoán không hề thay đổi quyền sở hữu. Cái mới rất quan trọng là do xác định chế độ trách nhiệm vật chất và lợi ích vật chất của người quản lý sử dụng, nên những tư liệu sản xuất đó đã được bảo quản và sử dụng có hiệu quả hơn. Phải chăng đó là một phương thức tốt để bảo đảm giữ gìn còn như của chính mỗi người. Những của công ấy trong cơ chế quản lý quan liêu – bao cấp tuy có chủ sở hữu, nhưng thường có nguy cơ “vô chủ” về mặt quản lý và sử dụng, kéo theo những tổn thất lãng phí lớn;

2. Do giao khoán đã huy động được vốn gia đình vào tái sản xuất, tiết kiệm vốn của tập thể hoặc hạn chế được khó khăn của tập thể do thiếu hoặc không có vốn. Nếu huy động tốt vốn gia đình thì ngay khi sở hữu vốn còn là gia đình, nhưng sử dụng đã là tập thể; thực hiện được sự tích tụ một lượng vốn không nhỏ, v.v...;

3. Do 2 nhân tố trên làm sản xuất phát triển, về khách quan sẽ tạo thêm khả năng tài sản quốc doanh và tập thể, bảo đảm tốt nghĩa vụ với Nhà nước, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội và tạo tiền đề phát triển đại công nghiệp, là cơ sở vật chất quan trọng nhất cho chế độ công hữu.

Rõ ràng là các gia đình nông dân cũng khá giả lên (đương nhiên không đều nhau). Sự giàu có này mang nguy cơ gì và có khả năng gì cần sử dụng? Có thể nói trong điều kiện có hệ thống chuyên chính vô sản vững mạnh, trong điều kiện kinh tế quốc doanh chủ đạo, kinh tế tập thể được Nhà nước nâng đỡ, khách quan không còn môi trường để kinh tế gia đình trung nông hóa,



tư sản hóa. Bản thân người nông dân, bằng trực giác đã thấy rất rõ cái giới hạn kinh tế ấy. Trong thực tế vốn của gia đình nông dân cũng có thể bị sử dụng để buôn bán, cho vay lấy lời, gồm cả sự đầu cơ nhỏ, tiêu xài hoang phí, v.v..., nhất là khi họ lo sợ bị huy động. Để khắc phục tình trạng đó, cách tốt nhất là Nhà nước và tập thể huy động vốn vào tái sản xuất với lãi thích đáng, hoặc khuyến khích gia đình đầu tư vào sản xuất. Vấn đề đặt ra đối với quản lý là tiếp tục khuyến khích tiết kiệm, tích lũy, đồng thời phải biết tranh thủ khả năng tốt, loại trừ khả năng xấu. Chính sự khá giả lên của gia đình nông dân là một tiềm lực mà Nhà nước và tập thể phải có chính sách kinh tế để huy động, sử dụng.

Thực tiễn đã chứng tỏ rằng: nhờ khoán sản phẩm, kinh tế gia đình nông dân khá lên, phần Nhà nước cũng được bảo đảm khá hơn trước nhiều. Riêng phần của tập thể thì thường còn có những khó khăn, chưa ổn định, ngay cả khi đã được trích đúng và đủ mức. Đó là do:

1. Nhà nước đang lúc thiếu hụt, giao mức nghĩa vụ ổn định cho hợp tác xã, nhưng nguồn vật tư kỹ thuật cung ứng cho hợp tác xã giảm đi và Nhà nước không còn khả năng ưu đãi, trợ giúp kinh tế cho hợp tác xã như trước;

2. Nhiều khoản ưu đãi người có công, cứu trợ người neo đơn khó khăn v.v... mà ngân sách không có khả năng bảo đảm đủ, cũng phải dựa vào quỹ của hợp tác xã;

3. Nhiều tài sản của hợp tác xã có giá trị ban đầu lớn nhưng ngay mất giá trị vì đó là những chuồng trại, nhà xưởng, máy móc mà nếu sử dụng tiếp thì sẽ thua lỗ thêm, hoặc đành xếp lại vì không còn phụ tùng và nguyên liệu. Đó là hậu quả của việc sử dụng vốn đầu tư và quản lý tài sản theo cơ chế quan liêu – bao cấp, không tính đến tiết kiệm và hiệu quả;

4. Trong quan hệ với hợp tác xã, có những tổ chức kinh tế và dịch vụ kỹ thuật vi phạm hợp đồng, mắc nợ sản phẩm đối lưu, làm hụt vốn của tập thể. Điều nghiêm trọng là tệ bớt xén, hối lộ của một số người xấu trong các cơ quan và tổ chức kinh tế quốc doanh có trách nhiệm hỗ trợ cho hợp tác xã, đã làm tổn hại tài sản Nhà nước và tài sản tập thể;

5. Trong khi mở rộng khoán sản phẩm đã diễn ra sự sắp xếp lại quy mô hợp tác xã, đội sản xuất và cán bộ quản lý buông lỏng nhiệm vụ vì lo làm ruộng khoán của mình, v.v. Những việc đó gây tổn thất về tài sản tập thể;

6. Một bộ phận nông dân nhận khoán không giao nộp đủ sản phẩm, cũng hụt vào quỹ tập thể;

Do những nguyên nhân nhiều mặt như thế, việc đấu tranh để bảo vệ và mở rộng tài sản tập thể cũng có nhiều mặt. Trước hết, trong quan hệ giữa Nhà nước và tập thể, có 2 vấn đề lớn:

1. Quán triệt đúng đắn chính sách ổn định nghĩa vụ và quan hệ trao đổi hàng hóa thật sự giữa Nhà nước và hợp tác xã, trong đó có vấn đề Nhà nước hỗ trợ, nâng đỡ hợp tác xã;

2. Đấu tranh chống tệ cửa quyền, ăn bớt, hối lộ... trong các cơ quan và tổ chức kinh tế quốc doanh có quan hệ với hợp tác xã, xác lập quan hệ kinh tế theo kế hoạch và hợp đồng chặt chẽ, nghiêm túc.

Xét trong nội bộ hợp tác xã, có mấy vấn đề cần giải quyết:

1. Đổi mới căn bản cơ chế quản lý, mở rộng khoán đồng bộ các khâu để vừa phát triển sản xuất mạnh mẽ, vừa bảo đảm hiệu quả kinh tế, tạo nguồn ngày càng lớn cho cả 3 lợi ích;

2. Đổi mới căn bản chế độ quản lý, sử dụng tài sản tập thể, nhằm bảo vệ, sử dụng có hiệu quả nhất những tài sản đó. Trong khi tìm cách tăng tài sản tập thể không bao giờ ta được xem

thường nguy cơ tài sản đó bị sử dụng lãng phí, bị đục khoét, như đã từng xảy ra, do chưa có cơ chế quản lý tốt;

3. Có chính sách hợp lý huy động vốn của xã viên để mở rộng kinh doanh của hợp tác xã.

**Để kết luận, cần xem xét tác động khoán sản phẩm đặt trong thực trạng kinh tế nước ta mấy năm vừa qua.** Phong trào khoán lan rộng từ cuối năm 1980 đúng vào lúc nền kinh tế đứng trước sự thiếu hụt lớn về vật tư, kỹ thuật và lương thực thực phẩm, sản xuất và đời sống rất khó khăn. Trên thực tế, phong trào khoán đã diễn ra ở nhiều nơi như một biện pháp cứu nguy. Trong điều kiện vật tư kỹ thuật dành cho nông nghiệp giảm sút nhiều, nhưng sản lượng lương thực vẫn tăng khá nhanh từ cuối năm 1980 đến nay, trong đó tác dụng của khóa rất rõ, đã làm dịu bớt nhiều khó khăn. Giả sử nếu không có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng thì kinh tế Nhà nước, tập thể và gia đình nông dân còn khó khăn đến mức nào. Người nông dân tập thể từ chỗ thiếu ăn, ngày nay hầu hết đã đủ ăn, nhiều người có thóc dư gói vụn. Về phía Nhà nước, đã có khả năng thực tế để bảo đảm cân đối lương thực bước đầu dựa vào nguồn sản xuất trong nước. Đó là những dấu hiệu của đất nước mạnh lên cả về kinh tế và quốc phòng.

Khoán sản phẩm thực chất là phong trào quần chúng hưởng ứng, triển khai thực hiện đổi mới chính sách kinh tế và cơ chế quản lý. Vì vậy vị trí và ý nghĩa của phong trào là ở tầm chiến lược. Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương là một quyết định ở tầm chiến lược. Với tất cả tính phức tạp của nó, phong trào khoán sản phẩm là điển hình thành công nổi bật nhất của chính sách kinh tế và cơ chế quản lý mới.

## VII – SỬ DỤNG CÓ NGUYÊN TẮC NHỮNG HÌNH THỨC KINH TẾ QUÁ ĐỘ TRONG CƠ CHẾ HẠCH TOÁN, KINH DOANH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta hiện nay hình thành trên cơ sở nền chuyên chính vô sản được xác lập vững mạnh, đã thực hiện quốc hữu hóa tư bản lớn và toàn bộ hệ thống ngân hàng. Trong nền kinh tế quá độ này có mối quan hệ sản xuất với công tác quản lý kinh tế. Hiện nay, nếu không tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất, đặc biệt là nếu chưa ra củng cố và phát huy được vai trò của kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, nhất là quốc doanh, thì chưa thật sự có tiền đề cho chế độ quản lý thống nhất có kế hoạch, chưa thể nói đến làm chủ thị trường về mặt kinh tế và khắc phục tình trạng tự phát vô tổ chức. Mặt khác, tiếp tục cách mạng quan hệ sản xuất trong kinh tế quốc doanh và tập thể cơ bản là việc đổi mới vì hoàn thiện quản lý. Hơn nữa con đường cải tạo kinh tế tư nhân của tư sản nhỏ, của người tiểu nông, tuyệt đối không thể là con đường xóa bỏ giản đơn hoặc trưng thu, trưng mua, cũng không thể nhất loạt quốc doanh hóa hay tập thể hóa. Có thể nói hiện nay trong việc tiếp tục cải tạo các thành phần này phải đặc biệt chú trọng tổ chức và quản lý. Cải tạo không phải là thay đổi chế độ tư hữu, không dừng lại ở sự xác lập chế độ sở hữu mới, mà còn là tác động vào quan hệ quản lý và phân phối qua đó, củng cố và mở rộng chế độ tư hữu mới. Vấn đề “ai thắng ai” trong phạm vi này phải được giải quyết chủ yếu bằng vũ khí quản lý. Ở đây nổi lên vấn đề sử dụng những hình thức kinh tế quá độ trong quan hệ sở hữu, quan hệ phân phối và trong chế độ quản lý, mà tính chất của nó vừa là hình thức cải tạo vừa là hình thức tổ chức quản lý. Đó là điều tất yếu bởi lẽ trong một hệ thống kinh tế quá độ gồm nhiều thành phần, những hình thức sở hữu phân phối và quản lý

tất yếu cũng mang tính quá độ. Đây là vấn đề thời sự nóng bỏng, rất cơ bản nhưng cũng rất mới mẻ và phức tạp về quan điểm lý luận và chính sách. Trên thực tế có 2 xu hướng nhận thức sai lệch.

**Một là**, những nhận thức cũ kỹ, cứng nhắc, thực chất là tư tưởng ấu trĩ muốn lập tức công hữu hóa, đã kìm hãm việc sử dụng những hình thức kinh tế quá độ rất có hiệu quả chỉ vì trong đó còn nhân tố tư hữu như một sự “không trong sạch”, đe dọa chủ nghĩa xã hội.

**Hai là**, xu hướng chấp nhận kinh tế tư nhân và những hình thức kinh tế quá độ một cách thụ động, đi tới do dự trong cách mạng quan hệ sản xuất và buông trôi cho tính tự phát trong quản lý kinh tế.

Khi xem xét các hình thức kinh tế quá độ của nền kinh tế nhiều thành phần hiện nay, về mặt phương pháp luận phải xem xét từ những quan hệ phân công hiệp tác, liên kết của chính lực lượng sản xuất đang trong quá trình xã hội hóa. Trong nền kinh tế quá độ của nước ta hiện nay, xâm nhập nhau trong quan hệ phân công, hiệp tác từ sản xuất đến phân phối lưu thông, trong đó thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết là quốc doanh, là lực lượng nòng cốt. Chính sự liên kết ấy tạo khả năng phát huy mạnh mẽ vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh. Trên thực tế từ sau Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) đã ngày càng xuất hiện những hình thức liên kết nhiều thành phần gồm kinh tế quốc doanh, tập thể, tư nhân, gia đình... Sự liên kết đó đang phát triển trong hợp tác xã nông nghiệp, lâm trường, xí nghiệp, địa bàn huyện và quận, khu kinh tế mới, thành phố công nghiệp, trong nội bộ từng ngành và liên ngành từ sản xuất đến phân phối lưu thông. Sự liên kết ấy đã được Đảng và Nhà nước xem như nhân tố mới làm tăng sức sản xuất xã hội, tăng hiệu quả kinh tế quốc dân. Liên

doanh liên kết được coi là một trong bốn nguồn khả năng để cân đối kế hoạch.

Những mối liên kết ấy là tất yếu của lực lượng sản xuất đang trong quá trình xã hội hóa, xét về mặt quan hệ sản xuất được thể hiện vừa là quan hệ tổ chức có kế hoạch vừa là quan hệ hạch toán kinh tế, trao đổi hàng hóa trong đó nguyên tắc cùng có lợi được coi trọng. Và chính đó là động lực thúc đẩy mở rộng quan hệ phân công, hiệp tác, liên kết, tức là thúc đẩy xã hội hóa. Trong cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp trước đây, những quan hệ phân công hiệp tác thường được xử lý theo quan điểm hành chính, vi phạm nguyên tắc cùng có lợi và nguyên tắc hạch toán kinh tế, do đó trên thực tế đã làm mất động lực kinh tế của quá trình xã hội hóa sản xuất, đã kìm hãm quá trình ấy. Trong điều kiện kinh tế hiện nay những quan hệ những phân công, hiệp tác, liên kết nhiều thành phần đi liền với việc sử dụng hình thức kinh tế quá độ như kinh doanh tư nhân, hợp doanh, hợp tác, kinh tế gia đình, hùn vốn liên doanh chia lời, giao khoán, bao thầu, bao mua, đại lý... Xét bề ngoài hình thức ấy lặp lại những hình thức kinh tế tư bản, kinh tế thị trường. Nhưng phải thấy chúng đã mang ít nhiều nội dung kinh tế xã hội mới: quan hệ giai cấp mới, hệ thống quy luật và lợi ích mới, sự định hướng chính sách mới trong điều kiện chuyên chính vô sản vững mạnh... Chính vì vậy ta mới coi đó là những hình thức kinh tế quá độ đang trên con đường cải tạo. Hơn nữa, ở nước ta với nền kinh tế nhiều thành phần mà tỉ trọng kinh tế tư nhân còn lớn, thì có thể nói đến tính quá độ 2 bậc. Ta không chỉ có vấn đề ở sự tồn tại kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa như các nước anh em. Ta còn có vấn đề ở sự tồn tại kinh tế hàng hóa mang nặng tính tự phát tương ứng với tỉ trọng kinh tế tư nhân còn lớn. Đó là thực tiễn của chặng đường đầu tiên.

Những hình thức kinh tế quá độ như trên mang tính chất vừa là hình thức cải tạo từng bước, vừa là hình thức quản lý. Chúng tạo khả năng huy động vận dụng toàn bộ lực lượng sản xuất xã hội: tư liệu, vốn, lao động... bất kể thuộc hình thức sở hữu nào. Nếu từ chối, quá dè dặt trong sử dụng, sẽ kìm hãm lực lượng sản xuất. Mặt khác, nếu để tự phát buông trôi thì đương nhiên xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa của người sản xuất nhỏ hàng chục triệu, sẽ gây hậu quả tiêu cực, tổn hại cho quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cả nước nói chung, nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh, gần đây bắt đầu có kinh nghiệm về sử dụng những hình thức kinh tế quá độ để cải tạo và quản lý kinh tế tư nhân, để quản lý kinh tế gia đình, hạn chế và khắc phục từng bước xu hướng tự phát, vô tổ chức.

Việc nghiên cứu những kinh nghiệm đó nhằm góp phần sử dụng đúng đắn những hình thức quá độ là vấn đề phức tạp và mới mẻ, mà sau đây bước đầu xem xét theo các mặt của quan hệ sản xuất, trước hết là quan hệ sở hữu có liên quan đến chính sách sử dụng kinh tế tư nhân, hợp doanh, liên doanh, kinh tế gia đình, công hữu hóa, hùn vốn, hoa lợi và lợi tức, tín dụng, giao khoán v.v... Cần lưu ý rằng: một đặc điểm của nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ nền sản xuất nhỏ là tình trạng phân tán, chưa tích tụ của vốn sản xuất xã hội. Một phần khá lớn vốn sản xuất xã hội nằm trong tay người lao động tư hữu nhỏ, tư sản nhỏ trong đó có tư liệu sản xuất, vàng, ngọc, kiềng hời, tiền mặt,... Không ở đâu mà đặc điểm đó lại nổi bật lên như ở thành phố Hồ Chí Minh. Đối với nguồn vốn ấy không thể trưng thu, trưng mua. Trong khi hợp tác hóa, việc góp cổ phần một cách bình quân và tối thiểu rõ ràng là không huy động hết vốn sản xuất xã hội. Còn việc công hữu hóa nhất loạt, hoặc tư liệu sản xuất. Trong cả 2 trường hợp vốn sản xuất xã hội đều bị giảm sút khi tập thể hóa, như vậy đương nhiên làm yếu lực lượng sản xuất.

Từ sau Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành Trung ương (khóa IV) đã xuất hiện một số biện pháp huy động vốn rất đáng khuyến khích. Một số đơn vị quốc doanh và tập thể huy động vốn của tư nhân dưới hình thức vay vốn, hoặc hùn vốn và góp cổ phần không hạn chế mức lãi hợp lý v.v... Như vậy đã biến vốn nhỏ thành vốn lớn, vốn nằm im thành vốn đi vào chu chuyển. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể qua đó nắm quyền sử dụng một nguồn vốn to lớn hơn nhiều nguồn vốn tự có, thực hiện tích lũy vốn mà không cần trưng thu. Qua đó tuy sở hữu còn là tư nhân mà sử dụng đã là xã hội. Chế độ tư hữu không tự phát tái sản xuất mở rộng như trong xã hội cũ. Gần đây còn có sự kiện nhiều đơn vị kinh doanh, nhiều địa phương, và nhiều người dân tự nguyện tham gia hùn vốn, hiến vốn để xây dựng công trình lớn. Đó là một khả năng rất đáng được xem xét.

Điều cần nhấn mạnh là vốn sản xuất trong tay tư nhân nếu Nhà nước và tập thể không có chính sách thỏa đáng để huy động; đồng thời nếu về chính sách lại không làm tư nhân thấy có lợi và yên tâm bỏ vốn sản xuất và ra sức tích lũy thêm thì chính vốn ấy có thể chuyển thành tư liệu tiêu dùng hoặc chuyển thành quỹ và đồ đạc có giá trị dự trữ, tức là vốn nằm im, thậm chí để dành rồi ăn dần vào vốn. Do đó còn dễ rơi vào sự tiêu dùng hoang phí kiểu sống gấp trong khi xử lý xóa bỏ tư hữu và kinh doanh tư nhân và nóng vội trong xử lý các quan hệ tài sản như hoa lợi, lãi suất... đã làm cho một phần quan trọng vốn sản xuất xã hội trở thành vốn tiêu dùng và vung phí trong tiêu dùng. Nói cách khác, xu hướng ấy làm yếu động lực kinh tế của sự tích lũy tái sản xuất mở rộng trong nhân dân. Làm cho người dân nói chung chỉ lo tiêu dùng, còn tích lũy là vấn đề của Nhà nước và tập thể.

Nhà nước ta đã mở công trái, hơn nữa có thể mở quyền góp yêu nước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong tình hình đồng tiền



giấy chưa vững giá, phải nghĩ tới nhiều hình thức cho vay vốn và gửi tiết kiệm có mức lãi thỏa đáng, gắn liền với sự động viên khuyến khích về tinh thần. Trong tình hình hiện nay, trên thực tế đã sử dụng 2 cơ chế huy động vốn: cơ chế Ngân hàng Nhà nước khởi nhiệm vụ cấp phát tín dụng tràn lan, dành sức phục vụ những mục tiêu ưu tiên và những khâu trọng yếu. Nhờ đó có thể đấu tranh chống tình trạng kinh doanh tiền tệ cho vay lãi lén lút giấu mặt đang khá phổ biến hiện nay. Hơn nữa còn giảm được lượng tiền lưu thông ngoài sự chi phối trực tiếp của Nhà nước và kinh tế quốc doanh.

Cùng với xu hướng huy động vốn tư nhân vào tay Nhà nước và tập thể, còn có xu hướng theo chiều ngược lại – chuyển giao một số loại tư liệu sản xuất thuộc sở hữu công cộng máy móc, xe cộ, trâu bò, đàn lợn, ruộng vườn, ao hồ, rừng... Trước xu hướng đó, đã có ý kiến lo rằng cái lợi chỉ là trước tư hữu được khôi phục. Thật ra giao khoán một số tư liệu sản xuất như trên nói làm cho mọi tài sản công hữu không chỉ có chủ thể sở hữu mà còn có chủ thể sử dụng thật sự về kinh tế; bảo đảm giữa 2 chủ thể ấy có sự thống nhất về kinh tế; bảo đảm giữa hai chủ thể ấy có sự thống nhất lợi ích, cùng có lợi. Như vậy có thể khắc phục những lãng phí rất lớn về tài sản công hữu đã xảy ra do tình trạng “công quản” chung chung, cha chung không ai khóc, thực tế là “vô chủ” xét về mặt quản lý sử dụng.

Với sự giao khoán đúng đắn, nhiều máy móc thải loại, ruộng hoang, đồi trọc, ao hồ bỏ không nay được đưa vào sản xuất. Chế độ công hữu được thực hiện tốt hơn, được tái sản xuất mở rộng. Đương nhiên người lao động cũng giàu lên bằng lao động và thu nhập hợp pháp của mình, là điều mà chúng ta mong đợi. Hơn nữa, việc giao khoán trong nhiều trường hợp còn kích thích người lao động ra sức tích lũy đầu tư thêm vào sản xuất thay cho sự tiêu dùng chưa thiết yếu.

Từ những sự phân tích trên, có thể thấy rõ do quan hệ sở hữu mang tính quá độ với nhiều hình thức, làm cho quan hệ phân phối cũng mang tính quá độ. Phân phối theo lao động là nguyên tắc, nhưng phân phối theo vốn, theo tư liệu sản xuất bỏ ra còn là tất yếu. Trong quan hệ quản lý cũng vậy, công quản lý thống nhất là chủ đạo nhưng còn phải được thực hiện bằng khoán quản, bằng hạch toán kinh tế đến cá nhân và tập thể lao động.

Giải quyết đúng đắn những vấn đề ấy tạo khả năng thực hiện quá trình tích tụ vốn nhanh hơn, làm cho vấn đề tiết kiệm tiêu dùng, nâng cao tỉ trọng tích lũy trong thu nhập quốc dân và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn sản xuất xã hội trở thành mối quan tâm thật sự của đông đảo quần chúng, thật sự trở thành vấn đề nhà Nước và nhân dân cùng làm. Nói riêng, sự tích tụ vốn như thế là một trong những nguồn tích lũy ban đầu đặc thù của nước sản xuất nhỏ, cần được tính đến trong phương pháp kế hoạch và chính sách kinh tế của mọi cấp để tái sản xuất mở rộng, để thực hiện quốc sách tiết kiệm, tích lũy.

Việc sử dụng những hình thức quá độ phải đặt trong điều kiện chính sách kinh tế và chính sách quản lý mới, trước hết là chính sách sử dụng kinh tế nhiều thành phần, khuyến khích kinh tế gia đình trên cơ sở lấy kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể là chủ yếu và chủ đạo, và chính sách mở rộng giao lưu hàng hóa dưới sự quản lý thống nhất có kế hoạch thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu – bao cấp. Vấn đề có tính nguyên tắc trong chính sách sử dụng những thành phần và hình thức kinh tế quá độ là đặt chúng trong mối quan hệ và chịu sự chủ đạo của kinh tế quốc doanh và dưới sự quản lý của Nhà nước. Thông qua việc sử dụng các hình thức kinh tế quá độ một cách có nguyên

tắc mà trong lĩnh vực kinh tế đã và đang mở ra những khả năng to lớn để tiếp tục cách mạng quan hệ

## VIII – QUAN HỆ HẠCH TOÁN, KINH DOANH TRONG TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT XÃ HỘI

Một khó khăn nổi bật trong quản lý kinh tế ở nước ta là phải quản lý thống nhất có kế hoạch trên quy mô xã hội trong khi đối tượng quản lý phổ biến còn là sản xuất nhỏ, trình độ xã hội hóa rất thấp, còn mang tính phân tán và thiết tổ chức, mà chiến tranh và sự chia cắt đất nước trong thời gian dài đã làm nặng nề thêm. Điều rõ ràng là những hình thức tổ chức sản xuất tiên bộ như phân công, hiệp tác, liên kết cần được phát triển từng bước cùng với quá trình khôi phục và phát triển sản xuất, xây dựng và cải tạo kinh tế. Nhưng những hình thức ấy cơ bản không thể tự phát hình thành qua tác động kích thích của quan hệ hàng hóa trên thị trường như đã xảy ra dưới chế độ tư bản; càng lại không thể tách khỏi các quan hệ hàng hóa. Chúng chỉ có thể được xác lập chủ yếu dựa vào hoạt động tự giác của chủ thể quản lý với tác động của cơ chế quản lý có kế hoạch gắn với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Phải nhấn mạnh rằng tổ chức lại sản xuất xã hội tự nó vốn là quá trình rất phức tạp, đòi hỏi nhìn xa và tính toán bao quát tất cả các mặt kinh tế chính trị và quốc phòng, khoa học – kỹ thuật và tổ chức, xã hội và môi trường tự nhiên. Đó là quá trình hợp lý hóa, hòa thiện từng bước, giống như quá trình tiên bộ kỹ thuật mà cho đến nay chúng ta chưa làm được bao nhiêu và còn ít kinh nghiệm. Trong tất cả các ngành, các cấp, thực tế đã chứng tỏ những cách làm vội vàng thiết căn cứ kinh tế - kỹ thuật, chạy theo quy mô hình thức thường mau chóng phải sửa lại. Hơn nữa những kinh nghiệm đã có cũng phải được kiểm nghiệm lại, vì sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, vấn đề đặt ra khác nhiều so với công việc đã làm trước đây ở miền Bắc. Ngày nay, việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý kinh tế trong đó có việc tổ chức lại sản xuất nằm trong bối cảnh

của chặng đường đầu tiên cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, với nề kinh tế nhiều thành phần, rất đa dạng và chưa đồng đều về trình độ, quy mô loại hình, trong đó giao lưu hàng hóa đang được mở rộng. Điều kiện khách quan đó đặt ra 2 vấn đề mới. **Một là**, việc tổ chức lại sản xuất xã hội không chỉ bao quát kinh tế quốc doanh và tập thể mà đương nhiên phải bao quát cả những thành phần khác. **Hai là**, gắn liền với vấn đề nói trên, là hình thức thực hiện quan hệ phân công hiệp tác, liên kết không thể chỉ dựa vào quan hệ tổ chức trực tiếp, mà còn phải sử dụng rộng rãi tác động kích thích kinh tế thông qua quan hệ hạch toán kinh tế và quan hệ hàng hóa nói chung. Đó là 2 hướng tác động hợp quy của việc vận dụng các quy luật kinh tế trong quản lý. Kinh nghiệm của miền Bắc trước đây là nhược điểm là gần như đơn thuần sử dụng quan hệ tổ chức hành chính, quan hệ hàng hóa ít được phát triển, xem nhẹ hiệu quả kinh tế, xem nhẹ nguyên tắc cùng có lợi trong áp dụng những phương án ít nhiều tự cấp, do đó có thể là lớn về quy mô, hình thức, nhưng tốn phí cao, hiệu quả thấp... mà sau này phải chọn lựa lại. Có thể nói không thể xã hội hóa sản xuất, không thể tổ chức lại sản xuất mà lại không đồng thời mở rộng quan hệ hàng hóa

Nét nổi bật trong tình hình trước mắt hiện nay là sự kích thích của quan hệ hàng hóa, quan hệ thị trường còn làm cho quan hệ liên doanh, liên kết, cung tiêu, đối lưu... mang nhiều tính tự phát. Đó là điều dễ hiểu mà nguyên nhân nằm ngay trong thực trạng kinh tế trước mắt: nền kinh tế không cân đối và thiếu hụt nặng nề; công tác điều tra nghiên cứu cơ bản, phân vùng quy hoạch và kế hoạch hóa còn rất nhiều mặt non yếu; tỉ trọng kinh tế tư nhân còn tương đối lớn; kinh tế quốc doanh tuy đã chiếm những vị trí then chốt và có tiềm lực mạnh nhất, nhưng chưa được sắp xếp cân đối hợp lý và quản lý tốt để phát huy tác dụng chủ đạo; khả năng cân đối điều tiết thống nhất theo kế hoạch của

cấp trên, nhất là của Trung ương bị hạn chế tất nhiều. Nhưng tình hình nói trên không có nghĩa là sự kích thích của quan hệ hàng hóa, quan hệ thị trường bao giờ cũng mang tính tự phát và đối lập với quan hệ tổ chức trực tiếp. Tính tự phát đó sẽ mất dần tùy theo quá trình củng cố và hoàn thiện những tiền đề của quản lý kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, đi đôi với nâng cao trình độ quản lý tập trung thống nhất. Hơn nữa, sự “tự phát” mỗ mẫn của cấp dưới và cơ sở còn từng bước giúp cấp trên chọn lựa, quy hoạch, sắp xếp và điều tiết thống nhất ngày càng có hiệu quả.

Thật vậy, trong những năm gần đây ngày càng có nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh được trao quyền tự chủ về kinh tế được sự hỗ trợ về hành chính và giáo dục Nhà nước, đã có thể phát huy tác động liên kết các thành phần khác, đưa họ vào quỹ đạo tổ chức có kế hoạch. Nhiều cơ quan lãnh đạo kinh tế địa phương tỉnh, thành phố, huyện, quận được sự chỉ đạo và hướng dẫn của cấp trên, đã kết hợp biện pháp tổ chức với biện pháp kinh tế, tiến hành nhiều việc tích cực và có hiệu quả quy hoạch, sắp xếp những quan hệ phân công, hiệp tác, liên kết, liên doanh rất đa dạng trên địa bàn của mình cũng như với các địa phương khác. Như vậy là chính quá trình đổi mới cơ chế quản lý và kế hoạch hóa trên thực tế đang tạo ra khả năng thực hiện sự phân cấp xử lý vấn đề tổ chức lại sản xuất, trong đó có sự kết hợp hữu cơ giữa tác động tổ chức trực tiếp với tác động kích thích về kinh tế. Cũng tức là kết hợp hữu cơ giữa tính kế hoạch với tính hàng hóa, mà tính kế hoạch từng bước trở thành chủ đạo. Tình hình nói trên thể hiện rõ nhất trong kinh tế địa phương, trong đó việc đổi mới cơ chế quản lý và kế hoạch hóa đã là cơ chế thúc đẩy và tạo điều kiện để cho chấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và hợp tác xã nông nghiệp chủ động chọn lựa lại một cách phù hợp và có hiệu quả nhiều vấn đề của tổ chức sản xuất như: quy mô

và cơ cấu ngành nghề của hợp tác xã, quy mô đội sản xuất, mức độ phân công chuyên môn, phương án kỹ thuật và đầu tư, hình thức tổ chức chăn nuôi trâu, bò, lợn, cá, hình thức kinh doanh đất đồi và rừng... Từ thực tiễn những năm gần đây, có thể nói việc đổi mới cơ chế quản lý và kế hoạch hóa đã bước đầu tạo ra cơ chế kinh tế thúc đẩy tổ chức lại sản xuất làm cho những sự nghiệp ấy từng bước thật sự mang tính chất kinh tế, tiến hành theo quan điểm kinh tế. Và vì vậy, đã mang lại lợi ích thiết thực cho quần chúng, được quần chúng hưởng ứng mạnh mẽ, không còn là công việc được thực hiện chủ yếu theo mệnh lệnh hành chính và sự cấp phát kinh phí từ trên xuống. Rõ ràng là việc tổ chức lại sản xuất xã hội cũng phải tiến hành phù hợp với đối tượng và quy luật của đối tượng, phải phân cấp xử lý một cách có kế hoạch, phải kết hợp tính kế hoạch với tính hàng hóa, tức là kế hoạch hóa thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

## IX – THẤU SUỐT QUAN ĐIỂM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỀ LỢI ÍCH, TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ TRONG TOÀN BỘ CƠ CHẾ HẠCH TOÁN, KINH DOANH

### **Quan điểm xã hội chủ nghĩa về lợi ích, tiết kiệm, hiệu quả**

Trong quản lý kinh tế ở nước ta hiện nay, lợi ích kinh tế thường được nhiều người xem xét chủ yếu về mặt là động lực kinh tế. Thế nhưng điều quan trọng hơn là xem xét lợi ích kinh tế về mặt là mục tiêu kinh tế, mục tiêu cơ bản và cuối cùng của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Nói một cách khác lợi ích kinh tế không chỉ là động lực, dẫn dắt với từng người, từng tập thể hay với toàn xã hội. Mọi mục tiêu của công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và nói riêng của công nghiệp hóa, cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng quan hệ sản xuất v.v... mà chúng ta đang tiến hành, xét đến cùng là nhằm thực hiện lợi ích kinh tế của quần chúng, thôi thúc họ đấu tranh thực hiện. Trong quản lý kinh tế, mỗi mục tiêu định ra trong kế hoạch, chính sách chỉ khi thể hiện đúng đắn lợi ích của quần chúng lao động thì mới có khả năng được quần chúng hưởng ứng.

Bởi vậy, trong lãnh đạo và quản lý kinh tế, vấn đề lợi ích kinh tế phải được đặt ra ngay từ khi xác định mục tiêu của chiến lược, kinh tế, chính sách và trong toàn bộ quá trình xác định biện pháp, tổ chức thực hiện. Sự đúng đắn hay lệch lạc trong vấn đề lợi ích kinh tế không chỉ thuộc phạm vi công cụ, động lực, mà trước hết là sự đúng đắn hay lệch lạc về mục tiêu sản xuất kinh doanh. Quan điểm lợi ích kinh tế là quan điểm về mục tiêu kinh tế, là quan điểm định hướng, quan điểm cơ bản, quan điểm xuất phát của việc xây dựng cơ chế kinh tế của quản lý sản xuất, kinh doanh. Nói theo ngôn ngữ quản lý kinh tế thì quan điểm lợi ích kinh tế chính là quan điểm hiệu quả kinh tế, đòi hỏi bảo đảm sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao cho toàn xã hội đồng thời cho mỗi tập thể và mỗi người lao động. Trong tình hình hiện nay



kinh tế khó khăn, thiếu hụt, đời sống quần chúng rất chật vật, vấn đề lợi ích kinh tế là vấn đề sống còn, là yêu cầu chính trị cấp bách. Ổn định và từng bước cải thiện đời sống quần chúng lao động đã được Đại hội lần thứ V của Đảng nêu ra thành mục tiêu kinh tế - xã hội hàng đầu của Đảng và nhân dân ta. Từ quan điểm trên, dĩ nhiên phải đặt ra 2 vấn đề cơ bản trong lãnh đạo và quản lý kinh tế. **Một là**, phải có phương án kế hoạch sản xuất, kinh doanh có căn cứ tích cực và hiện thực bảo đảm hiệu quả kinh tế cao, tận dụng các khả năng sản xuất với chi phí tiết kiệm nhất, nhằm tạo ra được nhiều phương tiện nhất để đáp ứng các nhu cầu, thực hiện lợi ích. Đây là mặt cơ bản nhất của quan điểm lợi ích kinh tế, hiệu quả kinh tế. Ở cấp quản lý càng cao thì điều đó càng có ý nghĩa to lớn và càng phức tạp. **Hai là**, ngay từ khi xác định hệ thống mục tiêu, nhiệm vụ biện pháp trong kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như trong thực hiện kế hoạch phải đảm bảo sự thống nhất lợi ích kinh tế, kể từ đó tạo ra động lực kinh tế đúng đắn. Vậy có thể nói kế hoạch là công cụ chủ yếu của quản lý kinh tế, của việc vận dụng hệ thống quy luật kinh tế, thì nó cũng tất yếu phải là công cụ chủ yếu của việc thực hiện sự thống nhất giữa lợi ích kinh tế của xã hội, của tập thể và cá nhân người lao động.

Thực tiễn quản lý kinh tế ở nước ta cho thấy luôn luôn có 2 nguy cơ cản trở thực hiện lợi ích kinh tế và hiệu quả kinh tế. **Nguy cơ thứ nhất** xảy ra khi bản thân phương án chiến lược, kế hoạch, tổ chức sản xuất kinh doanh... thiếu căn cứ và không bảo đảm hiệu quả, không đem lại hiệu quả, khiến cho mọi nhu cầu và lợi ích đều không đủ phương tiện đáp ứng, khiến cho mâu thuẫn giữa các lợi ích trở nên gay gắt. Đó đã và đang là tình cảnh của những ngành và cơ sở làm ăn thua lỗ. **Nguy cơ thứ hai** là khi xác định mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp sản xuất kinh doanh đã thiên lệch về lợi ích xã hội, vi phạm lợi ích cá nhân và

tập thể, hoặc ngược lại; do đó gây ra sự đối lập trong hệ thống lợi ích kinh tế, dẫn tới sự đối lập trong hệ thống mục tiêu và động lực, gây tổn hại cho sự thực hiện lợi ích kinh tế và hiệu quả kinh tế.

Cơ chế quản lý tập trung quan liêu – bao cấp mang theo cả 2 nguy cơ đó. Thật vậy, **đặc điểm của cơ chế ấy là:**

- Sự can thiệp vụn vặt theo nhiều đầu mối từ các cơ quan chức năng cấp trên cùng với chế độ cấp phát trang trải chi phí và giao nộp sản phẩm theo nguyên tắc thu đủ chi đủ, làm cho các tập thể lao động và người lao động bị trói buộc trong tình trạng thụ động, ỷ lại, không có trách nhiệm và cũng không có khả năng đề quan tâm và bảo đảm hiệu quả kinh tế, mặc dù là lợi ích sống còn.

- Tính chất bình quân trong phân phối, vi phạm lợi ích của người tích cực, khuyến khích người ỷ lại và lười biếng, làm mất động lực kinh tế. Việc mở rộng khoán sản phẩm, khoán gọn công trình, khoán quỹ lương, khoán xe cộ máy móc, khoán ngân sách,... là những nhân tố mới đã bước đầu thoát khỏi cơ chế quan liêu – bao cấp, loại trừ 2 nguy cơ nói trên, nên đã từng bước tạo ra cơ chế kinh tế lành mạnh, thực sự đi vào kế hoạch hóa kinh doanh, hạch toán kinh tế, kích thích kinh tế.

Gần đây, khi nhấn mạnh lợi ích kinh tế của người lao động và tập thể lao động, lại xuất hiện **một xu hướng lệch lạc mới**. Đó là tình hình nhiều đơn vị tìm cách tăng thu nhập cho cá nhân và tập thể lao động không trên cơ sở phát triển sản xuất, bảo đảm và nâng cao hiệu quả sản xuất; mà chủ yếu bằng cách lợi dụng những sơ hở trong tổ chức và thể chế quản lý của Nhà nước, nhất là những sơ hở trong công tác giá cả, trong quản lý, vật tư, tài chính, tiền lương, quỹ khuyến khích v.v... Đây là sự lệch lạc có tính nguyên tắc về quan điểm kinh doanh, về mục tiêu kinh

doanh, gây tổn hại cho lợi ích xã hội, phải được uốn nắn và xử lý nghiêm khắc, nhất là trong tình hình khó khăn hiện nay. Những người lãnh đạo chủ chốt của các cơ sở sản xuất kinh doanh, được Đảng và Nhà nước tin cậy mở rộng quyền hạn và tạo điều kiện để phát huy chủ động sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, phải chịu trách nhiệm chính xảy ra sự lạm dụng quyền hạn, lợi dụng sơ hở của Nhà nước mưu lợi ích cục bộ, bản vị, cá nhân. Trong tình hình quản lý chưa bình thường như hiện nay, Đảng, Nhà nước và nhân dân đòi hỏi cán bộ quản lý kinh tế trước hết phải là người vững vàng về quan điểm, phải có tính nguyên tắc cao.

**Tiêu chuẩn xem xét hệ thống lợi ích, chế độ đánh giá và kích thích.**

Lợi ích kinh tế là vấn đề nghiêm túc và hệ trọng của lý luận kinh tế, của quan điểm chính sách, nhưng đang được một số người hiểu và sử dụng một cách tùy tiện. Bởi vậy, phải xác định rõ cơ sở khách quan và tiêu chuẩn xem xét các lợi ích kinh tế.

Lợi ích kinh tế có cơ sở khách quan gắn liền với các quan hệ sản xuất, trước hết là quan hệ sở hữu. Hơn nữa, từ quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, phải nói rằng mỗi hệ thống quan hệ sản xuất cùng với hệ thống lợi ích kinh tế tương ứng không tự chúng là hợp lý hay phi lý, tiến bộ hay phản tiến bộ. Tiêu chuẩn xem xét là ở chỗ chúng phù hợp hay không phù hợp với tính chất của lực lượng sản xuất phát triển. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa là tiến bộ, là cách mạng chính vì nó thúc đẩy cách mạng khoa học – kỹ thuật, thúc đẩy phát triển và hoàn thiện nền sản xuất xã hội vì lợi ích của quần chúng lao động.

Trước tình hình có nhiều cách suy nghĩ mơ hồ trong việc đổi mới các chính sách đòn bẩy kinh tế, Hội nghị Ban Chấp

hành Trung ương lần thứ 6 (khóa IV) đã xác định: “Tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá sự đúng đắn của các chính sách lưu thông, phân phối là tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân”. Tiêu chuẩn đó chính là lợi ích kinh tế cao nhất của xã hội chủ nghĩa phương pháp luận quan trọng, bởi vì đây là tiêu chuẩn để định hướng, chọn lựa, phân biệt đúng – sai, lợi – hại, hiệu quả hay không hiệu quả trong quản lý kinh tế. Đó cũng chính là tiêu chuẩn khách quan để xử lý những vấn đề hiện nay đang diễn ra khá phức tạp xung quanh việc kích thích kinh tế, trong đó có việc xác định thu nhập của cá nhân và tập thể nào đó là hợp lý hay không hợp lý, tiến bộ hay cản trở tiến bộ. Từ tiêu chuẩn ấy, phải công nhận tính hợp lý của mức thu nhập cao của những người lao động và tập thể lao động sản xuất đạt năng suất và hiệu quả cao cho xã hội, dù thu nhập đó cao gấp nhiều lần so với người sản xuất mà năng suất và hiệu quả thấp. Phải phê phán và khắc phục khuynh hướng đòi hỏi và bảo đảm lợi ích theo nhu cầu bình quân, vì đó là lợi ích không hợp lý, không thúc đẩy mà cản trở phát triển sản xuất từ 2 phía: kìm hãm người lao động giỏi và tích cực, làm lợi cho người lao động kém và tiêu cực. Phải ngăn ngừa, trừng trị người lao động kém và tiêu cực. Phải ngăn ngừa, trừng trị những kẻ đầu cơ, lạm dụng chức vụ, lợi dụng sơ hở... để tăng thu nhập.

Trong quản lý kinh tế của chúng ta, kiểu quản lý tập trung quan liêu – bao cấp có quan hệ nhân quả, hữu cơ với một nếp suy nghĩ kinh tế, tức là cách nhìn không xuất phát từ mục tiêu kinh tế, lợi ích kinh tế, hiệu quả kinh tế; xem những hình thức, phương pháp, biện pháp, phương tiện tổ chức, kỹ thuật, kế hoạch hóa, đòn bẩy kinh tế v.v... với những thể chế đã có, tự chúng là hợp lý; hơn nữa tự chúng là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa do đó là thiêng liêng bất khả xâm phạm, mặc dù những cái ấy không phù hợp, không thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển,

không đem lại lợi ích kinh tế cho quần chúng lao động. Đó là cách nghĩ lấy phương tiện làm mục đích, quản lý vì quản lý, là cách nghĩ quan liêu xa thực tế, xa quần chúng.

Tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống quần chúng cũng là tiêu chuẩn để xác định tính hợp lý của việc sử dụng kinh tế nhiều thành phần, của việc sử dụng những hình thức kinh tế quá độ trong thời kỳ quá độ. Trong điều kiện sở hữu quốc doanh và tập thể là hình thức sở hữu chủ yếu, việc duy trì và sử dụng kinh tế tư hữu với nhiều hình thức quá độ và lợi ích của các chủ sở hữu đó còn là hợp lý, thậm chí là tích cực, nếu nó còn phục vụ phát triển sản xuất, nâng cao đời sống quần chúng. Khi không còn đáp ứng tiêu chuẩn ấy, thì nó mới hết lý do tồn tại.

Tình hình đó do nhiều nguyên nhân. Trước hết do chưa có quan niệm thống nhất về tiêu chuẩn đánh giá, đặc biệt là chưa có hệ thống chỉ tiêu thống nhất và hợp lý, làm căn cứ để so sánh đánh giá xác định mức công hiến, do đó xác định tính hợp lý về mức thu nhập của người lao động và tập thể lao động. Nói riêng trong công nghiệp tình trạng sản xuất không cân đối, không ổn định, tình hình rất khác nhau về điều kiện sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp, hệ thống giá cả chưa ổn định v.v... gây khó khăn và phức tạp rất lớn cho việc xây dựng hệ thống tiêu chuẩn định lượng cụ thể và thống nhất, làm căn cứ so sánh đánh giá và khuyến khích. Những chỉ tiêu, tiêu chuẩn, nhất là những tỷ lệ và định lượng cụ thể về quỹ khuyến khích áp dụng với xí nghiệp quốc doanh được định ra trong một số văn bản hiện hành phải chăng đã không tính đến tình hình đó; đã đối đãi như nhau với những xí nghiệp mà điều kiện sản xuất kinh doanh rất khác nhau, tạo ra sự chênh lệch nhiều khi rất cao và vô lý trong quỹ khuyến khích của các xí nghiệp.

Trong công nghiệp và nhiều ngành kinh tế quốc doanh hiện nay, để khắc phục sự lộn xộn trong đánh giá và kích thích, chưa thể trông cậy nhiều vào những tiêu chuẩn định lượng chi tiết, những tỉ lệ và biểu tính sẵn cụ thể và chính xác như thế. Việc cơ bản và cấp bách trước mắt là xây dựng chế độ đánh giá, xác định những tiêu chuẩn và chỉ tiêu tổng hợp khái quát và cơ bản nhất làm căn cứ, rồi tiến hành phân tích cụ thể tình hình cụ thể. Phải xác định cơ quan có trách nhiệm về thẩm quyền đánh giá, kết luận và quy định mức khuyến khích, điều tiết thu nhập phù hợp với hiệu quả sản xuất. Đó thực chất là một nội dung cơ bản của nhiệm vụ kiểm kê kiểm soát, là chức năng đương nhiên của các cơ quan quản lý cấp trên xí nghiệp, mà đến nay chưa thực hiện tốt. Đó là nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp của những sự lộn xộn trong đánh giá, khuyến khích.

### **Quan điểm lợi ích, tiết kiệm, hiệu quả trong những vấn đề cơ bản của quản lý kinh tế**

Đặc điểm cơ bản riêng có của hệ thống lợi ích kinh tế trong chủ nghĩa xã hội là tính thống nhất của hệ thống lợi ích mà trong đó không có mâu thuẫn đối kháng. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa khách quan quy định tính thống nhất về căn bản giữa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội. Đó là sự thống nhất lợi ích của những người lao động, trong đó lợi ích giai cấp công nhân những người lao động, trong đó lợi ích giai cấp công nhân hoàn toàn phù hợp với lợi ích toàn xã hội, lợi ích phát triển sản xuất và tiến bộ xã hội. Sự thống nhất của hệ thống lợi ích ấy là cơ sở khách quan tạo khả năng để xây dựng hệ thống mục tiêu thống nhất (mục tiêu của cá nhân, của tập thể, của xã hội), hệ thống động lực thống nhất, tạo khả năng thống nhất ý chí và hành động trong hệ thống quản lý có kế hoạch trên quy mô toàn xã hội theo nguyên tắc “cái gì có lợi cho xã hội thì cũng có lợi cho tập thể lao động và mỗi người lao động”.

Hơn nữa, trong điều kiện của thời kỳ quá độ còn tồn tại kinh tế nhiều thành phần, vấn đề tất yếu đặt ra không phải là xóa bỏ lợi ích của các thành phần kinh tế tư nhân hoặc đối lập một chiều lợi ích của họ với lợi ích xã hội; mà là kết hợp các lợi ích kinh tế theo nguyên tắc cùng có lợi, sao cho có thể sử dụng và phát huy các thành phần ấy với tư cách một lực lượng sản xuất, đồng thời cải tạo họ bằng những hình thức kinh tế quá độ, từng bước xóa bỏ tính tự phát và những mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, xây dựng hệ thống lợi ích kinh tế hoàn toàn xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói sự vi phạm tính thống nhất của hệ thống lợi ích kinh tế, dù theo hướng lệch về cá nhân hay về xã hội cũng đều đưa tới sự rối loạn trong hệ thống mục tiêu và động lực kinh tế, làm mất cơ sở kinh tế của sự thống nhất ý chí và hành động, của sự quản lý có kế hoạch trên quy mô xã hội. Bước tiến bộ của quản lý nông nghiệp với phong trào khoán sản phẩm nói lên khả năng khách quan cho phép tạo ra sự thống nhất lợi ích kinh tế. Đồng thời cũng chứng tỏ sự thống nhất ấy không dễ dàng, tự phát, mà đã và vẫn đang còn phải trải qua tự giác tìm tòi, đấu tranh, cải tiến, tạo ra cơ chế quản lý thích hợp với những hình thức và phương pháp kinh tế thật sự phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, phù hợp với trình độ quần chúng. Công nghiệp và nhiều ngành phi nông nghiệp, so với nông nghiệp có những điều kiện khách quan phức tạp hơn, và có nhiều khó khăn khách quan nặng nề hơn do tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng về nguyên vật liệu và năng lượng, sản xuất không đủ điều kiện vật chất để cân đối, ổn định. Do đó, việc cải tiến quản lý, việc tạo ra cơ chế bảo đảm sự thống nhất lợi ích kinh tế có khó khăn phức tạp hơn.

Lý luận quản lý kinh tế của chủ nghĩa xã hội đã chứng minh sáng tỏ những luận đề cơ bản như: sự thực hiện hệ thống lợi ích kinh tế thống nhất là khâu cơ bản của cơ chế vận dụng hệ thống quy luật kinh tế. Đặc điểm riêng của cơ chế ấy trong chủ nghĩa xã hội là cơ chế tự giác chứ không phải là tự giác. Sự tự giác đó không chỉ ở từng người, từng tập thể, mà là tự giác trên quy mô toàn xã hội. Tổng thể các phương pháp mà Nhà nước sử dụng để bảo đảm kết hợp hài hòa lợi ích xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân người lao động thể hiện trong cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa gắn liền kế hoạch hóa với các chính sách đòn bẩy kinh tế, lấy kế hoạch hóa là chính. Bởi vậy vấn đề tạo ra cơ chế bảo đảm sự thống nhất lợi ích kinh tế trong chủ nghĩa xã hội cũng chính là vấn đề xây dựng và hoàn thiện hệ thống lãnh đạo và quản lý kinh tế có kế hoạch trên quy mô xã hội. Trong hệ thống quản lý ấy, quan điểm lợi ích kinh tế được thể hiện cụ thể hơn thành những quan điểm và nguyên tắc, như: quan điểm hiệu quả kinh tế quốc dân; quan điểm mục tiêu cuối cùng (kết quả cuối cùng, sản phẩm cuối cùng); nguyên tắc “mỗi người vì mọi người và mọi người vì mỗi người”; nguyên tắc “cái gì có lợi cho xã hội cũng có lợi cho tập thể và cho người lao động”; nguyên tắc “kế hoạch hợp đồng bảo đảm lợi ích và chịu trách nhiệm 2 chiều” và nguyên tắc “cùng có lợi” trong hiệp tác, liên doanh v.v...

Trong tình hình hiện nay của nước ta, việc thực hiện và nâng cao tính thống nhất của hệ thống lợi ích kinh tế gắn liền với việc giải quyết những vấn đề cơ bản và cấp bách trước mắt của quản lý kinh tế.

1. Đấu tranh khắc phục cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp, chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa là đòi hỏi tất yếu của quy luật kinh tế và xu hướng thống nhất lợi ích kinh tế, cũng là một đặc điểm của quá trình xây dựng và



hoàn thiện hệ thống quản lý kinh tế của nước ta hiện nay. Thật vậy, sau ngày thống nhất đất nước, ta quản lý kinh tế không phải là từ không đến có, mà lại là từ cơ chế hành chính – cung cấp của kinh tế thời chiến chuyển sang. Mà cơ chế đó, ngoài sự cần thiết của hoàng cảnh thời chiến, còn có mặt quan liêu hóa khá nặng. Bởi vậy, quản lý kinh tế thực chất là đấu tranh cải tiến quản lý, đấu tranh thoát khỏi cơ chế cũ đã trở thành lạc hậu, cản trở. Cuộc đấu tranh đó vốn đã khá phức tạp, lại diễn ra trong tình hình kinh tế khó khăn, nên càng phức tạp. Nhưng điều khó khăn nhất lại không phải chỉ ở chỗ xóa bỏ kiểu quản lý cũ, mà chủ yếu ở chỗ tạo lập kiểu quản lý mới. Hiện nay, trong rất nhiều trường hợp, tương đối dễ thấy thế nào là sai. Nhưng làm thế nào là đúng thì còn phải tìm tòi nhiều. Đại hội Đảng lần thứ V đã chỉ ra một cách xem xét đúng đắn: “Phải thấy rằng xây dựng chủ nghĩa xã hội về nhiều phương tiện là một công việc mới mẻ, chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm... có những khuyến điếm, sai lầm muôn khắc phục được phải có thời gian”.

Tạo lập cơ chế quản lý mới là quá trình cực kỳ phức tạp, bởi lẽ phải sáng tạo cả một hệ thống vô số những hình thức và phương pháp vận dụng quy luật khách quan trong điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể và đặc thù của nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Thực tế đã chỉ rõ ràng tiếp cận với những kiến thức và kinh nghiệm hiện đại của kinh tế học và quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa thì càng bớt mò mẫm, càng bớt chủ quan, bảo thủ, lạc hậu. Tuy vậy, không có sách vở và cẩm nang tra cứu nào thay thế được quá trình tìm tòi sáng tạo trên thực tế. Những năm vừa qua các nhân tố mới trong quản lý kinh tế hầu như đều xuất hiện từ hoạt động thực tiễn của các tập thể lao động, rồi được tổng kết nâng lên. Đó chính là con đường tất yếu của quá trình sáng tạo cái mới mang tính quần chúng, tính xã hội. Trên thực tế cũng đã chứng tỏ rằng nhiều sai sót vấp vấp

trong quản lý kinh tế thường do phương án sáng tác từ bàn giấy, thiếu căn cứ cả về lý luận và thực tiễn. Sự sáng tạo quản lý mới trải qua tìm tòi trong thực tế đòi hỏi nhiều thời gian, không tránh khỏi mò mẫm trên mức độ khá lớn, không tranh khỏi ít nhiều thử nghiệm sai lầm. Công tác nghiên cứu tổng kết thực tiễn càng tốt thì càng bớt mò mẫm. Thế nhưng đây đang là khâu yếu của hệ thống tham mưu, trong khi thực tế quần chúng lao động của các cấp đã sáng tạo nhiều kinh nghiệm phong phú mà đương nhiên thường là chưa hoàn thiện. Bởi vậy, trong việc tổ chức hệ thống tham mưu nghiên cứu phục vụ lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện cải tiến quản lý kinh tế, vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng là phải đi theo con đường thường xuyên tổng kết thực tiễn, phát hiện, nâng cao và hoàn thiện kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng. Việc nghiên cứu xây dựng phương hướng chủ trương, nghiên cứu xây dựng phương án triển khai thực hiện cụ thể và nghiên cứu trên góc độ lý luận, khi được tiến hành đồng bộ phối hợp theo con đường tổng kết thực tiễn, chắc chắn sẽ góp phần quan trọng giảm bớt sự mò mẫm, vấp vấp, đẩy nhanh quá trình tạo lập cơ chế quản lý mới.

2. Trong điều kiện hiện nay, để cải tiến quản lý kinh tế, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện thống nhất lợi ích kinh tế, tức là chăm lo phát triển sản xuất và chăm lo đời sống quần chúng, việc thực hiện **phân cấp quản lý** một cách mạnh mẽ là đúng, là quan trọng, nhưng từ đó không có nghĩa là xem nhẹ, hạ thấp yêu cầu **quản lý tập trung thống nhất**. Ngược lại, phải nâng cao chất lượng quản lý tập trung thống nhất trên những mặt cơ bản, chiến lược. Hơn nữa cũng không thể xem nhẹ ngay cả việc chỉ đạo thống nhất có tính chất tác nghiệp trên một số mặt trọng yếu nhất định, ngay từ cấp trung ương, bởi vì chưa có hệ thống quản lý bình thường hợp lý và tương đối ổn định. Tình hình có phần lộn xộn hiện nay trong việc thực hiện lợi ích

kinh tế không chỉ do khuyết điểm của cấp dưới và cấp cơ sở, mà còn do trình độ quản lý tập trung thống nhất của cấp trên chưa theo kịp yêu cầu mới; chưa bảo đảm được tính tập trung thống nhất trong khi Đảng và Nhà nước mở rộng quyền tự chủ cho các đơn vị cơ sở, các cấp quản lý của các cơ quan cấp cao hiện nay một mặt vẫn tồn tại hiện tượng tập trung quan liêu; từng ngành chức năng riêng biệt ít nhiều còn chi phối vụn vặt làm yếu tuyến lãnh đạo chính, vi phạm quyền tự chủ của cấp dưới và đơn vị cơ sở. Ở vấn đề này, đang xảy ra nhiều mâu thuẫn va chạm giữa nhiều cơ quan chức năng với các cấp trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh. Mặt khác, khi khắc phục sự chỉ huy phân tán theo chức năng như thế, lại xảy ra sự buông lỏng do hệ thống chỉ huy theo trực tuyến chưa đủ hiệu lực, nhất là do chưa quen sử dụng đòn bẩy kinh tế thay cho sự can thiệp có tính chất hành chính đơn thuần và trực tiếp.

Lý luận quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa đã chứng minh rằng: quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa là quản lý tập trung, khâu chủ đạo trong hệ thống quản lý ấy không phải là ở cấp cơ sở hay các cấp thấp, mà là ở **cấp kinh tế quốc dân**. Khả năng đổi mới hay sự trì trệ trong quản lý ở cấp cơ sở và cấp dưới, hiệu quả kinh tế quốc dân của sản xuất xã hội nói cho cùng phần lớn phụ thuộc vào chất lượng quản lý ở cấp kinh tế quốc dân. Đồng thời đó cũng là khâu quản lý mới mẻ nhất, phức tạp nhất và đương nhiên không thể một lúc đạt ngay trình độ thông thạo. Chính vì vậy, mà không thể đòi hỏi có ngay mối quan hệ suôn sẻ giữa tập trung và dân chủ. Điều quan trọng là thấy hết chỗ yếu và tính bức bách phải đổi mới định quan trọng của Đảng và Nhà nước. Nhờ bước đầu triển khai những quyết định ấy mà trong thực tế kế hoạch hóa lần đầu tiên thật sự xuất hiện thái độ tích cực hưởng ứng kế hoạch của tập thể lao động và người lao động; từ thái độ đối phó với kế hoạch pháp lệnh nghĩa vụ giao nộp một

chiều đã bước đầu xuất hiện thái độ đòi hỏi có kế hoạch gắn liền với bảo đảm cân đối với hợp đồng kinh tế, bảo đảm lợi ích và chịu trách nhiệm 2 chiều giữa cấp trên với cấp dưới và giữa các bên hữu quan. Những nhân tố mới như thế trong nông nghiệp, công nghiệp... đã mang lại kết quả không thể ngờ vực được về phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế quốc dân, tạo thêm việc làm và đảm bảo tốt hơn đời sống người lao động. Tổng kết nhân tố ấy, Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ V đã khẳng định: “Nhất thiết phải bảo đảm cho các cấp quản lý trung ương, địa phương, cơ sở thực sự làm chủ kế hoạch... kế hoạch phải thấu suốt nguyên tắc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa”.

Như vậy, vấn đề cơ bản hàng đầu trong đổi mới kế hoạch hóa là khắc phục khuynh hướng tập trung quan liêu bằng cách *phân cấp* làm chủ tập thể trong kế hoạch hóa, sao cho mọi cấp đều quan tâm và có khả năng nắm kế hoạch như công cụ chủ yếu để thống nhất quản lý toàn bộ những hoạt động kinh tế trong phạm vi mình phụ trách một cách có hiệu quả cho xã hội, cho tập thể và cho mỗi người lao động phù hợp với kế hoạch kinh tế quốc dân. Nói một cách khác đổi mới kế hoạch hóa trước hết là xây dựng hệ thống kế hoạch hóa gồm nhiều cấp, theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Trong hệ thống ấy, kế hoạch Nhà nước không chỉ là kế hoạch do cấp trên trực tiếp bố trí, mà bao gồm kế hoạch của mọi cấp trong hệ thống quản lý. Hệ thống kế hoạch hóa thống nhất và phân cấp như vậy có khả năng rất lớn để mở rộng phạm vi bao quát ra mọi mặt của đời sống xã hội.

Ở đây khách quan xuất hiện vấn đề về mối quan hệ giữa kế hoạch hóa trực tiếp và gián tiếp, gắn liền kế hoạch hóa với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Bản thân hệ thống kế hoạch hóa thống nhất có phân cấp theo quan điểm làm chủ tập thể, như trên, bao hàm vấn đề kế hoạch hóa trực tiếp và gián

tiếp. Các cơ quan quản lý cấp cao một mặt cần và có khả năng trực tiếp nắm và bố trí những cân đối lớn của nền kinh tế; mặt khác tuy không thể trực tiếp quy định cụ thể tỉ mỉ mọi quan hệ trong sản xuất kinh doanh muôn hình muôn vẻ của các tập thể lao động và người lao động, nhưng còn rất nhiều công cụ tác động cả về hành chính, giáo dục và kinh tế, nhất là về kinh tế, để bảo đảm các đơn vị kinh tế thuộc quyền minh hoạt động phù hợp với phương hướng, mục tiêu của kế hoạch kinh tế quốc dân. Nói riêng về mặt phương hướng, mục tiêu của kế hoạch kinh tế quốc dân. Nói riêng về mặt phương hướng kinh tế thì đó là vấn đề gắn liền kế hoạch hóa với hạch toán kinh tế, kích thích kinh tế, bảo đảm kết hợp đúng đắn với lợi ích kinh tế. Ở một nước mà trình độ xã hội những quan hệ tổ chức trực tiếp chưa phát triển bao nhiêu, khiến cho khả năng kế hoạch hóa trực tiếp từ cấp trung ương bị nhiều hạn chế. Do đó, càng phải chú ý kế hoạch hóa gián tiếp thông qua tự giác sử dụng các công cụ kinh tế của sản xuất hàng hóa. Chỉ như vậy mới có thể đưa toàn bộ hoạt động kinh tế đi vào quỹ đạo kinh tế quốc dân thống nhất. Phải nhấn mạnh rằng khâu yếu kém nhất, bảo thủ, trì trệ nhất trong hệ thống quản lý kinh tế của ta, vốn quen nếp tập trung quan liêu – bao cấp, là ở vấn đề sử dụng phương pháp kinh tế, sử dụng mang tính chất hành chính pháp lệnh đơn thuần sang kế hoạch hóa gắn chặt với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Cần tránh cách hiểu và làm không đúng: chỉ sử dụng mạnh mẽ công cụ kích thích kinh tế trong phạm vi kế hoạch hóa gián tiếp, còn trong kế hoạch hóa trực tiếp thì nhấn mạnh một chiều tính pháp lệnh cưỡng bức, không bảo đảm lợi ích kinh tế của người sản xuất. Đó là nguyên nhân đưa tới đôi lúc có tình hình một số tập thể lao động chỉ hưởng ứng mạnh mẽ với phần kế hoạch tự làm, ít hưởng ứng, thậm chí đối phó với kế hoạch pháp

lệnh. Trong chế độ quản lý và kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa, kế hoạch hóa và hạch toán kinh tế, kích thích kinh tế gắn với nhau thành một thể thống nhất. Đó là đòi hỏi khách quan của hệ thống quy luật kinh tế trong điều kiện mà nền sản xuất xã hội còn 2 thuộc tính: tính kế hoạch và tính hàng hóa, trong đó tính kế hoạch là chủ đạo.

Một vấn đề đặt ra hiện nay là kế hoạch hóa và hạch toán kinh tế như thế nào trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần. Về lý luận cũng như về thực tế có thể khẳng định rằng trong điều kiện hiện nay của nước ta kinh tế quốc doanh đã chiếm những vị trí quyết định, kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể là hình thức sở hữu chủ yếu, sự tồn tại kinh tế tư hữu và việc sử dụng những hình thức kinh tế quá độ, về nguyên tắc không đòi hỏi co hẹp phạm vi kế hoạch hóa, mà chỉ đòi hỏi đổi mới các hình thức về phương pháp quản lý có kế hoạch. Nói một cách khác, trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần thì việc phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh như mục tiêu trên đã nói là nhân tố cơ bản quyết định khả năng mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu lực kế hoạch hóa. Từ đó mới có thể nói đến sự kết hợp đúng đắn các lợi ích kinh tế.

4. **Tình huống hiện nay** là hệ thống quản lý đang được sửa đổi mạnh mẽ, có nhiều đảo lộn, nhiều thể chế cũ mất hiệu lực mà thể chế mới chưa thể có đầy đủ cụ thể ngay, thậm chí còn có nhiều thiếu sót. Đó là tính huống quản lý mà trên một **chùng mục quan trọng** còn thiếu luật lệ, người lãnh đạo quản lý sản xuất có khoảng đất tự do rất lớn. Điều đó một mặt mở đường sáng tạo cơ chế quản lý mới, mở đường cho nhân tố mới xuất hiện. Đồng thời là tình huống rất nhiều sơ hở. Những cán bộ xấu, bọn đầu cơ, bọn phá hoại, những người kinh doanh tư nhân... có thể lợi dụng sơ hở ấy, gây rối loạn trong hệ thống lợi ích, gây tổn thất cho lợi ích xã hội và người lao động.

Trong tình huống như thế, nhấn mạnh phương pháp kinh tế là đúng. Song phải thấy rằng chưa hề có ngay hệ thống phương pháp kinh tế thành thực. Hơn nữa, không thể loại trừ khả năng còn có mò mẫm, vấp vấp trong việc sử dụng các phương pháp kinh tế. Bởi vậy, phải chú trọng các phương pháp tổ chức hành chính và giáo dục, trong đó có 2 khâu trọng yếu nhất: **một là**, vấn đề lựa chọn bố trí cốt cán lãnh đạo có đủ năng lực và phẩm chất cho chức vụ quản lý quan trọng; **hai là**, kiểm tra, đánh giá uốn nắn, xử lý, điều tiết tức là kiểm kê và kiểm soát. Chính đó là 2 khâu then chốt, trọng yếu nhất trong tổ chức thực tiễn hiện nay. Chỉ như vậy mới tạo ra được tiền đề tối thiểu cần thiết cho việc tăng cường phương pháp kinh tế, làm cho phương pháp ấy từng bước thật sự đóng vai trò chủ yếu trong việc bảo đảm thống nhất các lợi ích kinh tế.

## X – PHÁT HUY CHỦ QUAN TỰ GIÁC, KHẮC PHỤC CHỦ QUAN BẢO THỦ TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ

**1. Quản lý kinh tế vốn là loại hoạt động cực kỳ phức tạp,** mà trong điều kiện sản xuất nhỏ còn phổ biến lại trải qua chiến tranh và chia cắt lâu dài như nước ta, càng là công việc phức tạp. Hơn nữa với đất nước ta, dù đã có chính quyền cách mạng gần 40 năm, công việc **quản lý kinh tế ngày nay vẫn còn là công việc mới mẻ** không chỉ vì nó khác với nhiệm vụ chiến đấu mà chúng ta đã có nhiều kinh nghiệm, mà còn khác ngay cả với công tác quản lý kinh tế chúng ta đã quen thuộc qua nhiều thập kỷ trong điều kiện vừa sản xuất vừa chiến đấu. Tính chất khó khăn phức tạp và mới mẻ đó của công tác quản lý kinh tế làm cho việc phát huy nhân tố chủ quan tự giác tuyệt đối không thể là quá trình đơn giản, nhanh chóng, mặc dù đó là cái tất yếu.

Đặc điểm tình huống quản lý kinh tế của nước ta xét trên góc độ khả năng phát huy nhân tố chủ quan tự giác nhận thức và vận dụng quy luật khách quan, đã có *điều kiện thuận lợi căn bản*. Trước hết chúng ta có Đảng cách mạng chân chính của giai cấp vô sản và có nhân dân cách mạng giàu sức sáng tạo. Đảng ta được trang bị vũ khí lý luận vô song của chủ nghĩa Mác – Lênin, lại luôn luôn tiếp thu những thành quả mới nhất của trí tuệ loài người; đã tích lũy kinh nghiệm phong phú và nhạy cảm với những sáng tạo mới của quần chúng, luôn luôn gắn bó với quần chúng, với thực tiễn. Chính nhờ đó mà trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là con đường mở mẽ mà loài người đang khai phá, chúng ta không những đã có đường lối đúng, đã đi đúng hướng mà còn từng bước tỏ rõ ngày càng hoạt động hợp quy luật khách quan hơn, ngày càng hiểu và làm đúng hơn, cao hơn, đủ hơn. Có thể nói trong lãnh đạo và quản lý kinh tế, vừa đi vừa mở đường, chúng ta đã từ chỗ bỡ ngỡ cách làm, rồi trải qua mò mẫm trong thực



tiền mà ngày càng có kinh nghiệm bản thân, là điều kiện không thể thiếu được để từng bước trưởng thành, từng bước tự giác hơn trong nắm bắt quy luật. Đó là quá trình tiến hóa tất yếu của nhân tố chủ quan tự giác. Không bao giờ có cái gọi là không ngoan, tự giác, đúng đắn toàn diện và tức thời ngay từ bước đầu.

Để phát huy nhân tố chủ quan tự giác không phải chúng ta chỉ có thuận lợi mà còn có khó khăn khách quan cản trở sự tự giác. Khi thấy rõ khó khăn đó thì có thể nâng nhanh trình độ tự giác, đỡ vấp vấp, đỡ phải trả giá. Trong tình huống quản lý kinh tế của nước ta phải chăng trên thực tế chúng ta đã, đang và sẽ còn phải vượt qua **hai khó khăn lớn cản trở phát huy nhân tố chủ quan tự giác: Một là, tình trạng thiếu thông tin** của việc quản lý kinh tế bước đầu thời kỳ lịch sử mới. **Hai là, quán trị bảo thủ của bản thân hệ thống quản lý cũ** với tư cách chủ thể tự giác trong khi cách mạng đã chuyển giai đoạn.

2. Về **tình trạng thiếu thông tin**, có thể nói rằng trong bước đầu đi vào làm kinh tế, tuy ta đã có đủ thông tin để khẳng định con đường xã hội chủ nghĩa, để xác định đường lối chung cho cả thời kỳ quá độ, nhưng còn rất thiếu thông tin, thiếu hiểu biết cần thiết về những khả năng hiện thực lịch sử trên mọi mặt của đất nước, cũng như về những hình thức kinh tế và hình thức quản lý cụ thể và đặc thù. Chính những thông tin và kiến thức như thế là điều tối cần thiết, giúp chúng ta cụ thể hóa đường lối chung thành chiến lược, kế hoạch, chính sách, thể chế... để có thể hành động hợp lý, đúng đắn trong cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghiệp hóa, trong cách mạng quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng văn hóa, trong thực hiện cơ chế làm chủ tập thể, trong kế hoạch hóa và quản lý kinh tế...

Tất cả những vấn đề như đánh giá trạng thái xuất phát về kinh tế - xã hội; dự báo triển vọng kinh tế - xã hội; cách làm công nghiệp hóa bước đầu; kinh tế nhiều thành phần, cách mạng

quan hệ sản xuất, quản lý kinh tế có kế hoạch ở bước đầu tổ chức lại sản xuất và cách loại mô hình kinh tế xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp, huyện, hợp tác xã; khoán việc và khoán sản phẩm, khoán quỹ lương v.v..., tất cả đều chỉ sáng tỏ dần trải qua hành động vừa làm vừa tìm tòi. Những phương án và mô hình được hình dung trước khi hành động chỉ là trên nét chung, áng chừng. Phải nhấn mạnh rằng mặc dù như thế, ta phải lập tức đi vào hành động cụ thể trên mọi phương diện của công cuộc xây dựng và cải tạo kinh tế. Không thể đợi đủ thông tin, đợi học đủ bài bản rồi mới đi vào hành động. Khách quan không cho phép như thế. Một khía cạnh của sự thiếu thông tin là hiện nay trong quản lý, làm thế nào là sai thường dễ xác định hơn, nhưng làm thế nào đúng, còn phải tìm tòi nhiều.

Quản lý kinh tế - xã hội dù ở nước nào cũng luôn luôn ở tình trạng ít nhiều thông tin. Kinh tế càng lạc hậu và chưa ổn định thì mức độ thiếu thông tin càng lớn. Vậy có thể nói công tác quản lý kinh tế ở nước ta về khách quan mang tính mò mẫm rất lớn, không tránh khỏi ít nhiều phải qua thử - sai. Trong khi lãnh đạo kinh tế những năm đầu của Nhà nước Xô Viết, V.I.Lênin đã nói rõ về thời kỳ mò mẫm, thí nghiệm, do dự, ngả nghiêng trong việc lựa chọn những phương pháp mới đáp ứng với tình hình khách quan mới<sup>12</sup>. Khi ta càng ý thức đầy đủ cái khó đó thì càng có thể tỉnh táo hơn, tự giác hơn. Cụ thể là tự giác hành động theo kiểu người thám hiểm vừa đi vừa mở đường. Nếu hành động như người đi đường đã mở rộng thì càng dễ sai phạm. Bài học lớn rút ra từ đặc điểm đó là phải coi trọng thực tiễn, coi trọng kinh nghiệm của quần chúng của các cấp cơ sở và gần cơ sở. Thực tiễn những năm từ sau Đại hội lần thứ IV của Đảng đến nay đã chứng tỏ rằng, chính là trải qua thực tiễn mỗ

---

<sup>12</sup> V.I. Lê Nin. Toàn Tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. Tập 36, trang 235

mẫn tìm tòi có tính xã hội, tính quần chúng mà Đảng và Nhà nước ta mới từng bước đánh giá đầy đủ hơn trạng thái kinh tế - xã hội khách quan của đất nước, phát hiện đầy đủ hơn những khả năng và những hạn chế có tính lịch sử khách quan (cái có thể làm và cái chưa thể làm). Cũng chính là trên cơ sở những nhân tố mới xuất hiện từ thực tiễn mà từng bước chúng ta mới sáng tạo được những hình thức và phương pháp, những mô hình cụ thể đặc thù thể hiện ngày càng đúng đắn những yêu cầu của quy luật khách quan trong điều kiện lịch sử hiện nay.

Những chủ trương đúng đắn của Đảng ta về phương hướng chiến lược kinh tế - xã hội, về phân cấp quản lý, về đổi mới chính sách kinh tế, về khoán sản phẩm trong nông nghiệp, về quyền tự chủ của xí nghiệp, về xuất nhập khẩu của ngành và địa phương ... đều xuất hiện sự tổng kết, khái quát những tìm tòi sáng tạo có tính quần chúng, tính xã hội. Đảng ta, với tư cách hạt nhân của chuyên chính vô sản, đã tỏ rõ khả năng phát huy nhân tố chủ quan tự giác, khắc phục trở ngại thiếu thông tin bằng con đường kết hợp nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm quốc tế với thực tiễn đất nước, bằng con đường đúc kết, tập hợp tri thức của quần chúng.

Đương nhiên, trong sự mò mẫn tìm tòi qua thực tiễn ấy, Đảng ta và nhân dân ta luôn luôn kiên định cách mạng, nắm vững nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa mà các đại hội Đảng đã đề ra. Có thể nói trên con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa việc nắm lý luận Mác - Lênin tạo ra cho chúng ta biết phải đi quan những bước, những đoạn đường vòng cụ thể như thế nào và bằng cách nào. Để khắc phục trở ngại thiếu thông tin, hạn chế vấp vấp, Đảng ta đã luôn tìm thông tin từ nguồn trí tuệ của loài người, của thời đại, từ nguồn trí tuệ của nhân dân nảy sinh trong sinh hoạt thực tiễn cách mạng.

Tình trạng thiếu thông tin hay mức độ bảo đảm thông tin phải được tính đến trong mọi hoạt động quản lý, trước hết là **trong việc ra quyết định** là khâu chính của hoạt động quản lý. Có thể nói trong điều kiện có định hướng vững chắc về đường lối... về chiến lược, các quyết định quản lý ở tầm chỉ đạo tác chiến chưa thể đạt yêu cầu cao về tầm xa và tính chính xác, nhất là về định lượng. Trong kế hoạch hóa, điều đó rất rõ. Kế hoạch hóa dài hạn và 5 năm chưa thể đạt trình độ cao. Kế hoạch ngắn, vấn đề dự trữ và phương án dự phòng, vấn đề điều hành, điều chỉnh... là rất quan trọng. Trong xây dựng và đổi mới chính sách cụ thể về kinh tế tài chính và trong thể chế hóa, do mức độ bảo đảm thông tin thấp, nhân tố bất định còn nhiều, nên một mặt phải có định hướng chính xác ổn định về nguyên tắc của đường lối chính sách lớn; đồng thời cơ động trong hình thức và phương pháp cụ thể, không nên vội vàng thể chế hóa, định hình hóa ổn định thống nhất một kiểu ngay từ đầu. Năm 1921 V.I.Lênin đã phê phán cách làm đó như sau: “Nếu ngay bây giờ quy định đem tất cả những mối quan hệ đó xây dựng thành quy chế thì chưa chắc đã đúng lúc, kinh nghiệm của chúng ta còn ít, những chủ trương quy chế hóa như vậy có thể trở thành một sáng tác hoàn toàn quan liêu... Tốt hơn là thoát đầu cứ để những hình thức đó không tuyệt đối cố định; tình muôn vẻ là cái đáng mong muốn...”<sup>13</sup>.

Trong tổ chức quản lý, tình trạng thiếu thông tin bắt nguồn chủ yếu từ tình trạng sản xuất nhỏ còn phổ biến, **không cho phép quản lý tập trung thống nhất quá cụ thể, chặt chẽ**. Tập trung quá mức quyền ra quyết định lên cấp cao thì càng thiếu thông tin, quyết định càng dễ sai và chậm. Mà quyết định chậm cũng có hại như quyết định sai. Kết hợp hợp lý giữa tập trung và phân

---

<sup>13</sup> V.I. Lê Nin. Toàn Tập. Nhà xuất bản Tiến bộ. Moscow. Tập 43, trang 326

cấp cho phép đạt tới mức bảo đảm thông tin tốt nhất có thể có trong khi ra quyết định.

Tình trạng thiếu thông tin còn do thông tin dễ bị méo bởi hệ thống thông tin gần như chưa có cơ sở vật chất – kỹ thuật, chưa có sự bảo đảm khách quan có tính vật chất – kỹ thuật. Nhân tố tâm lý, động cơ của người truyền tin, người báo cáo có tác động lớn. Trong điều kiện ấy, những mâu thuẫn về lợi ích, kể cả mâu thuẫn khách quan và mâu thuẫn giả tạo do vi phạm sự thống nhất lợi ích kinh tế gây ra, đều làm méo thông tin. Ngược lại chính vấn đề **chú trọng kết hợp thống nhất các lợi ích kinh tế** trong khi ban hành và chỉ đạo thực hiện các quyết định về kế hoạch, chính sách... sẽ làm cho thông tin bớt bị méo, nâng mức bảo đảm thông tin.

Như vậy có thể nói rằng tình trạng thiếu thông tin với tư cách cái khách quan, có thể được hạn chế ở mức thấp nhất nếu có ý thức tự giác. Và cơ chế quản lý kiểu hành chính quan liêu – bao cấp làm nghiêm trọng thêm tình trạng thiếu thông tin do tập trung quan liêu và do bao cấp hành chính gây ra mâu thuẫn giả tạo về lợi ích kinh tế. Đồng thời chính những xu hướng cơ bản của đổi mới quản lý kinh tế được Đảng và Nhà nước chỉ ra, là con đường tự giác hạn chế sự thiếu thông tin tạo khả năng nâng cao chất lượng các quyết định quản lý nhờ giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ, bảo đảm thống nhất các lợi ích kinh tế, chuyển từ cách làm kế hoạch nặng tính chất hành chính đơn thuần sang kế hoạch hóa theo nguyên tắc hạch toán kinh tế.

3. Khó khăn khách quan thứ 2 cản trở phát huy nhân tố chủ quan tự giác trong tình huống quản lý kinh tế của nhà nước ta hiện nay là **quán tính bảo thủ của hệ thống quản lý cũ khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới**. Trong chặng đường hiện nay của giai đoạn cách mạng mới, chúng ta bắt tay vào quản lý kinh

tế không phải từ điểm khởi đầu, mà lại từ một hệ thống đã trải qua 20 năm quản lý kinh tế trong điều kiện vừa sản xuất vừa chiến đấu, tức là trong điều kiện chưa có đòi hỏi khách quan phải quản lý kinh tế thật sự theo quy luật kinh tế. Ta đã có một hệ thống quản lý kinh tế hình thành và phát triển như một thực thể khách quan, đã đến tuổi trên 20 với nền nếp cũ, con người cũ, tri thức và kinh nghiệm cũ, thông thạo môi trường cũ và quy luật của môi trường đó. Nay chính hệ thống quản lý cũ phải hành động trong môi trường mới, với quy luật mới, phải tổ chức thực hiện đường lối mới. Trong tình huống đó, khách quan có nguy cơ hệ thống quản lý với tư cách chủ thể tự giác vẫn hành động theo nền nếp cũ, tri thức cũ như một quán tính với lòng tự tin của người từng trải. Hơn nữa với lòng tự tin của người chiến thắng. Tính bảo thủ của hệ thống quản lý cũ ở nước ta, khi cách mạng chuyển sang giai đoạn, tồn tại trên đủ mặt, từ tư tưởng lý luận, tổ chức và con người, chính sách cụ thể và thể chế, nền nếp, thói quen. Những cái đó đã ăn sâu vào hệ thống quản lý kinh tế trong nhiều thập kỷ. Tính bảo thủ là trở ngại có tính khách quan nằm trong ngay hệ thống chủ thể quản lý, gây ra nguy cơ phạm sai lầm trong quản lý.

Các cơ quan và cán bộ quản lý kinh tế ở nước ta có người đã qua quản lý kinh tế kiểu cũ lâu năm, có người mới bắt tay vào việc. Thực tế đã thấy không ít trường hợp người có kinh nghiệm quản lý kiểu cũ lại vấp vấp nhiều hơn người mới bắt tay vào việc. Đó là vì một người biết mình non kém, tự giác vừa làm vừa tìm hiểu, sẵn sàng nhận sai sót và sửa chữa, để nhạy cảm với nhân tố mới trong thực tiễn. Một người mang quán tính hành động theo tri thức, kinh nghiệm, nền nếp cũ, với lòng tin rằng tri thức và kinh nghiệm của mình là đúng, hơn nữa là duy nhất cách mạng và do đó là thiêng liêng, cố gò thực tiễn và cuộc sống theo những cái đó. Đương nhiên nhiều người đã qua cách quản lý cũ

hiều năm, nhưng vẫn tự giác nhạy cảm với môi trường mới, tự giác chọn lọc cái cũ và kinh nghiệm cũ, do đó càng ít sai lầm. Một nhà văn lớn rất có lý khi nói rằng sự hiểu biết sai còn tệ hại hơn gấp bội so với sự ngu dốt. Trở ngại khách quan nói trên làm cho quản lý kinh tế của nước ta từ những năm sau giải phóng Miền Nam thực chất là đấu tranh đổi mới quản lý kinh tế. Đó là biểu hiện độc đáo của sự tự giác của chủ thể quản lý, là sự đấu tranh tự đổi mới, tự hoàn thiện của chính chủ thể quản lý một cách toàn diện và sâu sắc phù hợp với quy luật khách quan của đối tượng, của khách thể, của môi trường mới.

Đảng ta, ngay từ Đại hội lần thứ IV đã đòi hỏi đổi mới quản lý kinh tế một cách sâu sắc, toàn diện và cơ bản. Trên thực tế từ sau Đại hội lần thứ IV, nhất là Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa IV đến nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và nhiều cấp ủy Đảng đã phải trực tiếp bắt tay đấu tranh cho sự đổi mới đó với tất cả uy quyền và trí tuệ của mình trên cơ sở gắn bó với quần chúng với thực tiễn. Ở địa phương và đơn vị nào mà tổ chức Đảng chưa đi tiên phong và trực tiếp bắt tay vào đấu tranh cho sự nghiệp đổi mới, thì có chế quản lý cũ, bộ máy quản lý với quán tính lớn, thường không thể tự đổi mới.

Có thể nói, với tư cách hạt nhân của chủ thể tự giác, Đảng ta đã bảo đảm cho chủ thể ấy từng bước vượt qua được quán tính của chính nó, khắc phục chủ nghĩa quan liêu là cái mà V.I.Lênin nói có thể làm cho chúng ta thất bại. Ngày nay quán tính bảo thủ còn lớn. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước trực tiếp quản lý, nhân dân làm chủ tập thể chưa phải là cơ chế đã được tạo lập, mà đang trong quá trình tạo lập, nhất là về mặt bộ máy Nhà nước quản lý kinh tế, kể từ cơ cấu tổ chức, cán bộ, thể chế, phương thức hoạt động. Sự xem xét mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và quần chúng phải được đặt trong tình huống đó. Nếu vội hạn chế phạm vi lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể của tổ chức Đảng,

phó thác quá sớm cho cơ quan quản lý, thì rất khó có thể đổi mới. Vai trò của quần chúng trong việc đổi mới quản lý cũng là điều phải đặc biệt chú ý phát huy, đề chống quan liêu. Vấn đề kiện toàn bộ máy Nhà nước và quản lý kinh tế để nó thật sự trở thành người trực tiếp thực hiện có hiệu quả đường lối của Đảng, thật sự là công cụ thực hiện quyền làm chủ tập thể của quần chúng, là vấn đề cực kỳ quan trọng, là vấn đề cốt yếu của xây dựng Nhà nước chuyên chính vô sản.

Những chủ trương của Đảng ta về đổi mới quản lý kinh tế có tính toàn diện, cơ bản, từ đổi mới chế độ quản lý và kế hoạch hóa, đến tổ chức lại sản xuất và kiện toàn, tăng cường bộ máy quản lý và cán bộ, chính là cuộc đấu tranh làm cho hệ thống quản lý với tư cách chủ thể tự giác, có cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động thích ứng với đối tượng và quy luật phát triển của đối tượng, do đó mới có thể trở thành nhân tố tự giác thúc đẩy kinh tế tiến bộ, thực hiện quyền làm chủ tập thể của quần chúng.

4. Trong quán tính bảo thủ của hệ thống quản lý cũ còn có **tính bảo thủ của kiến thức cũ**. Đó là vấn đề mà giới lý luận phải chịu trách nhiệm chủ yếu. Không thể phát huy nhân tố tự giác của tập thể xã hội, của Đảng và Nhà nước, nếu không phát huy vai trò lý luận, tri thức. Trên thực tế những quá trình đấu tranh đổi mới tư tưởng, lý luận. Phong trào khoán sản phẩm và đổi mới quản lý trong nông nghiệp là phong trào có sự kết hợp tốt nhất đã thấy trên thực tế nước ta. Phải chăng quán tính bảo thủ tri thức quản lý kinh tế cũ còn nặng, ít nhất không kém quán tính ấy trong cơ cấu tổ chức và tư duy kinh tế lại im ắng hơn cả. Đôi khi còn thấy có thái độ xem vốn kiến thức và nếp tư duy kinh tế mà ta đã học, đã viết, đã dạy tự nó vẫn có đầy đủ tính khoa học, mặc dù trong nhiều trường hợp nó thuộc trình độ kiến thức kinh tế cách đây nhiều thập kỷ. Chủ trương của Trung ương Đảng và



Chính phủ mời nhiều viện sĩ và giáo sư kinh tế giỏi của Liên Xô sang giảng dạy ở nước ta, đã giúp nhiều vào việc khắc phục sự lạc hậu ấy. Song bạn không thể làm thay ta. Sẽ là công bằng nếu đặt vấn đề tổng kiểm kê, đánh giá lại toàn bộ hệ thống kiến thức kinh tế, giống như chúng ta đã và đang kiểm kê, đánh giá lại để đổi mới các thể chế kinh tế tài chính. Nói cụ thể hơn là nền tổng kiểm kê, đánh giá lại để từ đó đổi mới các giáo khoa, giáo trình và cách sách báo kinh tế hiện hành gần đây. Hơn nữa, qua đó mà tập hợp lực lượng đi tới hình thành một số trung tâm có chức năng hướng dẫn, kiểm tra bảo đảm đổi mới và phát triển đúng đắn lý luận kinh tế và quản lý kinh tế phù hợp với tình hình thực tiễn Việt Nam.

Có thể nói không có cơ quan nào biết được rõ hiện nay trong hệ thống giáo dục quốc dân, các môn kinh tế và quản lý kinh tế được dạy đúng sai như thế nào. Chắc chắn tính thống nhất, trình độ khoa học và độ phù hợp với chính sách mới, chưa được bảo đảm tốt.

Thực tiễn đã và đang đặt ra đòi hỏi phải kiểm tra lại và đổi mới, hoàn thiện kiến thức kinh tế không chỉ ở lĩnh vực kinh tế cụ thể mà từ những bộ môn lý luận, cơ bản như kinh tế chính trị học trong thời kỳ quá độ của nước ta, cũng như lý luận về kế hoạch hóa, giá cả, tài chính và lưu thông tiền tệ, chế độ hạch toán kinh tế, tổ chức lao động và thù lao v.v... Đó là nhiệm vụ hệ trọng và nghiêm túc nhằm làm cho công tác lý luận, công tác khoa học và giáo dục làm tròn nhiệm vụ góp phần nâng cao trình độ tự giác của xã hội, của tập thể Đảng, của Nhà nước chuyên chính vô sản. Tiêu chuẩn thước đo để kiểm kê, đánh giá đổi mới kiến thức kinh tế phải là trình độ kiến thức kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại, là quan điểm đường lối chính sách mới nhất của Đảng, là thực tiễn xây dựng và cải tạo kinh tế.

Đảng ta, Đảng của trí tuệ, rất cần sự phát triển của công tác lý luận. Giới lý luận nói chung và giới lý luận kinh tế nói riêng không có lý do gì để không xúc tiến hoạt động lý luận gắn bó chặt chẽ với đường lối chính sách của Đảng và thực tiễn.

Là chủ thể thật sự của đất nước, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã và đang từng bước phát huy nỗ lực chủ quan, trải qua thực tiễn cách mạng, tìm tòi sáng tạo trên con đường vô cùng tận và cực kỳ khó khăn phức tạp của sự tiếp cận chân lý. Với tất cả tính phức tạp của việc phát huy nhân tố tự giác của hệ thống chuyên chính vô sản trong sự nghiệp xây dựng kinh tế, nhân tố tự giác đó đã càng bộc lộ rõ nét, vì đó là tất yếu lịch sử.